



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

unicef 
vì mọi trẻ em

DỰ THẢO

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**THỰC HÀNH KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRƯỜNG HỌC TRONG BẢO VỆ TRẺ EM
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC**

Hà Nội, tháng 01 năm 2024

LỜI MỞ ĐẦU

Công tác xã hội là một ngành khoa học được thế giới công nhận và vận dụng vào các lĩnh vực như phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế, tư pháp nhằm hỗ trợ các cá nhân, nhóm, gia đình và cộng đồng giải quyết các vấn đề về xã hội ảnh hưởng đến cuộc sống hạnh phúc và khỏe mạnh của người dân.

Ngành giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có những giải pháp để phát triển công tác xã hội trong lĩnh vực giáo dục nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề khó khăn của trẻ em và học sinh. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản phát triển công tác xã hội trong lĩnh vực giáo dục, trong đó có Thông tư 33/2018/TT-BGDĐT về hướng dẫn các hoạt động công tác xã hội trong trường học. Công tác xã hội trong trường học đã được vận dụng vào thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ trẻ em và học sinh theo quy định của pháp luật.

Tổ chức UNICEF Việt Nam và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp xây dựng Tài liệu Tập huấn về *“Thực hành công tác xã hội trường học trong bảo vệ trẻ em tại các cơ sở giáo dục”* nhằm nâng cao năng lực cho những người làm công tác xã hội trường học và các cán bộ, giáo viên khác về các kiến thức, kỹ năng công tác xã hội và hướng dẫn vận dụng các kiến thức, kỹ năng này vào giải quyết hiệu quả công tác bảo vệ trẻ em, tập trung vào các nhiệm vụ phát hiện, thông báo chuyên gửi và tham gia hỗ trợ, can thiệp những trường hợp trẻ em là nạn nhân của xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại.

Tài liệu này bao gồm 6 phần sau đây:

1. Các vấn đề chung bảo vệ trẻ em trong trường học
2. Nhận biết trường hợp xâm hại trẻ em
3. Thông báo trường hợp xâm hại trẻ em
4. Tiếp nhận, đánh giá trường hợp trẻ em
5. Chuyển gửi trường hợp
6. Kỹ năng công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| PHẦN I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG BẢO VỆ TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC..... | 5 |
| 1. Mục tiêu của công tác xã hội với bảo vệ trẻ em trong trường học..... | 5 |
| 2. Vai trò, trách nhiệm của công tác xã hội với bảo vệ trẻ em trong trường học..... | 5 |
| 3. Một số khái niệm..... | 5 |
| 4. Các nguyên tắc về công tác xã hội trường học trong bảo vệ trẻ em..... | 6 |
| 5. Hệ thống bảo vệ trẻ em ở Việt Nam..... | 7 |
| PHẦN II. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TRẺ EM..... | 9 |
| 1. Khung lý thuyết về nhu cầu chăm sóc của trẻ em..... | 9 |
| 2. Lý thuyết về sự phát triển của trẻ em..... | 15 |
| PHẦN III. NHẬN BIẾT TRƯỜNG HỢP XÂM HẠI TRẺ EM..... | 32 |
| 1. Nhận biết các hình thức xâm hại trẻ em..... | 32 |
| 2. Tìm hiểu nguyên nhân gây ra tình trạng xâm hại trẻ em..... | 38 |
| 3. Đối tượng xâm hại trẻ em..... | 39 |
| PHẦN IV. THÔNG BÁO TRƯỜNG HỢP XÂM HẠI TRẺ EM..... | 40 |
| 1. Bối cảnh thực hiện thông báo trường hợp xâm hại trẻ em ở trong nhà trường..... | 40 |
| 2. Thực hiện thông báo trường hợp xâm hại trẻ em và học sinh..... | 40 |
| 3. Tiến trình thực hiện thông báo..... | 43 |
| PHẦN V. TIẾP NHẬN, ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG HỢP TRẺ EM..... | 56 |
| 1. Vai trò và trách nhiệm của công tác xã hội trường học..... | 56 |
| 2. Tiếp nhận thông báo trong trường học..... | 56 |
| 3. Đánh giá sơ bộ xác định trường hợp xâm hại trẻ em..... | 62 |
| 4. Đánh giá xác định nguy cơ và hỗ trợ khẩn cấp..... | 66 |
| PHẦN VI. CHUYỂN GỬI TRƯỜNG HỢP..... | 70 |
| 1. Bối cảnh thực hiện chuyển gửi trường hợp..... | 70 |
| 2. Thực hiện chuyển gửi trường hợp..... | 71 |
| PHỤ LỤC. KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC TRONG BẢO VỆ TRẺ EM..... | 74 |
| 1. Kỹ năng đánh giá..... | 74 |
| 2. Kỹ năng biện hộ..... | 76 |
| 3. Kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực..... | 78 |
| 4. Kỹ năng lưu trữ thông tin, hồ sơ của thân chủ..... | 79 |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---------------------------------|--------|
| Bảo vệ trẻ em | BVTE |
| Công tác xã hội | CTXH |
| Lao động, Thương binh và Xã hội | LĐTBXH |
| Quản lý trường học | QLTH |
| Ủy Ban Nhân Dân | UBND |

PHẦN I. CÁC VẤN ĐỀ CHUNG BẢO VỆ TRẺ EM TRONG TRƯỜNG HỌC

1. Mục tiêu của công tác xã hội với bảo vệ trẻ em trong trường học

Mục tiêu của CTXH với BVTE là tăng cường các dịch vụ CTXH trong nhà trường nhằm đáp ứng hiệu quả các nhu cầu về CHĂM SÓC, AN TOÀN và BẢO VỆ phù hợp với quá trình phát triển của trẻ em và học sinh để đảm bảo công tác dạy và học hiệu quả.

2. Vai trò, trách nhiệm của công tác xã hội với bảo vệ trẻ em trong trường học

Công tác xã hội trong trường học có vai trò Phòng ngừa và Ứng phó với các hình thức xâm hại trẻ em và học sinh. Phòng ngừa là hướng đến cải thiện và duy trì môi trường học tập an toàn thông qua nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của toàn bộ thành viên trong nhà trường nhằm loại bỏ các yếu tố có thể dẫn đến xâm hại trẻ em. *Ứng phó* là các biện pháp kiểm soát/ngăn chặn những hành vi tiêu cực gây ra rủi ro về chăm sóc và an toàn cho trẻ em và học sinh.

Công tác xã hội trong trường học có trách nhiệm phát hiện và thông báo các trường hợp nghi ngờ xâm hại trẻ em và phối với các cơ quan chức năng để thực hiện các hoạt động BVTE phù hợp với nhiệm vụ của nhà trường. Bởi vì nhà trường là nơi trẻ em và học sinh sử dụng phần lớn thời gian trong ngày ở đây và có sự tiếp xúc, tương tác thường xuyên với các thành viên trong nhà trường, như vậy giáo viên, cán bộ, nhân viên trong trường học cũng như các học sinh khác có thể dễ dàng nhận biết, phát hiện được những dấu hiệu của xâm hại để từ đó có thể thực hiện thông báo trường học. Phát hiện, thông báo là khởi điểm và là nền tảng cho việc triển khai công tác BVTE liên ngành. Tiếp theo đó, công tác xã hội trường học có vai trò phối hợp với UBND xã để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp thuộc nhiệm vụ của nhà trường. Có ba thành phần chính ở bên ngoài trường học cần phối kết hợp giải quyết nhu cầu chăm sóc, an toàn và bảo vệ trẻ em, bao gồm: i) các cơ quan chức năng về BVTE (đặc biệt là UBND, cơ quan LĐTBXH, cơ quan công an, Tổng đài quốc gia BVTE 111); ii) các cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ cả ở bên trong và bên ngoài chính phủ; iii) gia đình và cộng đồng. CTXH trường học có thể tham gia triển khai kế hoạch can thiệp, hỗ trợ liên ngành dưới các hình thức như cung cấp dịch vụ trực tiếp cho trẻ em và gia đình hoặc cung cấp dịch vụ xây dựng năng lực cho gia đình để hoàn thành tốt chức năng chăm sóc, an toàn và bảo vệ trẻ em. Ngoài ra CTXH trường học còn có thể tham gia vào quá trình ra quyết định (của Chủ tịch UBND) hoặc tham vấn về một trường hợp trẻ em cần được bảo vệ. CTXH trường học cũng tham gia vào tiến trình giám sát & đánh giá kết thúc trường học liên quan đến các dịch vụ do nhà trường thực hiện.

3. Một số khái niệm

Theo Luật trẻ em năm 2016¹:

¹Luật số: 102/2016/QH13. Ngày 5/4/2016

Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác.

Bạo lực trẻ em là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của trẻ em.

Bóc lột trẻ em là hành vi bắt trẻ em lao động trái quy định của pháp luật về lao động; trình diễn hoặc sản xuất sản phẩm khiêu dâm; tổ chức, hỗ trợ hoạt động du lịch nhằm mục đích xâm hại tình dục trẻ em; cho, nhận hoặc cung cấp trẻ em để hoạt động mại dâm và các hành vi khác sử dụng trẻ em để trục lợi.

Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức.

Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em là hành vi của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

4. Các nguyên tắc về công tác xã hội trường học trong bảo vệ trẻ em

Không gây tổn hại. Điều này có nghĩa là các hành động và can thiệp được thiết kế để hỗ trợ trẻ em và học sinh không được làm cho họ bị tổn hại thêm. Tại mỗi bước cung cấp dịch vụ, CTXH trường học cần phải cân trọng để đảm bảo rằng trẻ em, học sinh và gia đình không bị tổn hại bởi những quyết định hoặc hành động được thực hiện, ví dụ, vấn đề về thu thập, lưu trữ hoặc chia sẻ thông tin.

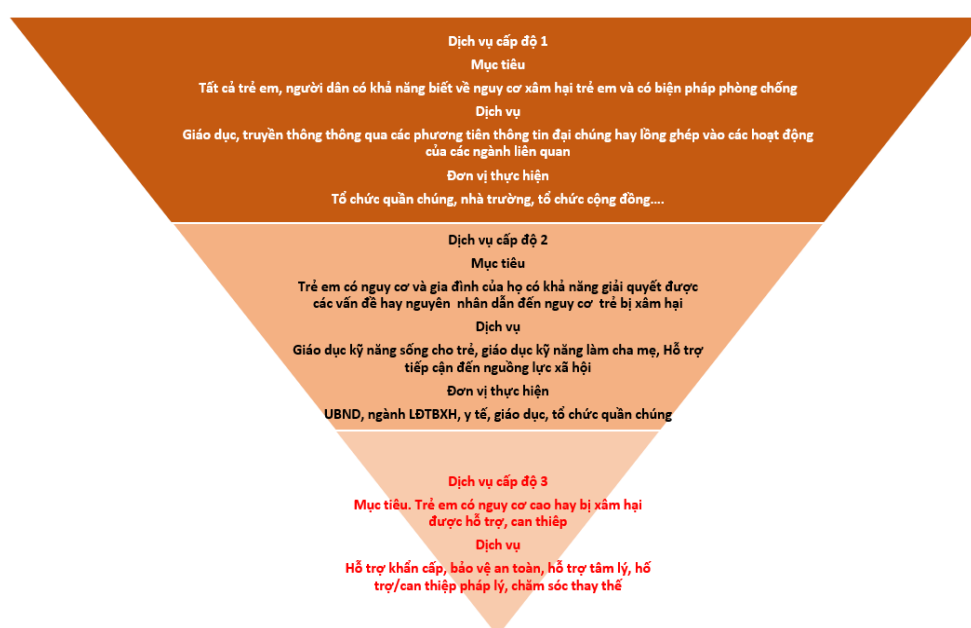
Vì lợi ích tốt nhất của trẻ. “Lợi ích tốt nhất của trẻ” bao gồm sự an toàn về thể chất và tinh thần (tình trạng khỏe mạnh của trẻ) cũng như quyền được phát triển lành mạnh. Theo Điều 3 của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là cơ sở của mọi quyết định và hành động cũng như là cơ sở để các nhà cung cấp dịch vụ xây dựng cách thức tương tác với trẻ em và gia đình. Trong tất cả các hoạt động hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất của trẻ là nguyên tắc tối quan trọng. Nhiệm vụ chính luôn là bảo vệ trẻ và đảm bảo sự an toàn và sức khỏe của trẻ. CTXH trường học phải liên tục đánh giá các rủi ro và môi trường của trẻ em và học sinh cũng như kết quả tích cực và hậu quả tiêu cực có thể xảy ra trong quá trình hoạt động chăm sóc, hỗ trợ để thảo luận với trẻ em, học sinh và người chăm sóc khi đưa ra quyết định. Cần phải lựa chọn những hành động ít có hại nhất, phải đảm bảo rằng tất cả các hành động can thiệp phải bảo vệ được các quyền an toàn và phát triển của trẻ em, học sinh. Nguyên tắc vì lợi ích tốt nhất phải được sử dụng để hướng dẫn tất cả các quyết định trong tiến trình cung cấp dịch vụ. Bảo vệ trẻ em rất khó có giải pháp ‘lý tưởng’ nhưng các lựa chọn cũng phải cân bằng với lợi ích tốt nhất của trẻ.

Phối hợp ở trong và ngoài trường học: Việc đáp ứng toàn diện các nhu cầu nhiều mặt của trẻ em, học sinh bị xâm hại đòi hỏi có sự hợp tác cả ở trong trường học và các cơ quan, tổ chức ở ngoài trường học để đảm bảo kết quả chăm sóc, bảo vệ trẻ em và học sinh là tốt nhất. Công tác phối hợp này cần được thực hiện ở tất cả các bước cung cấp dịch vụ, các cá nhân, cơ quan và tổ chức liên quan cần phải làm việc phối hợp để cung cấp các dịch vụ phù hợp về bảo vệ trẻ em và phúc lợi xã hội cho trẻ em và gia đình.

Lấy trẻ em làm trung tâm: Trẻ em, học sinh là nạn nhân của bạo lực, xâm hại phải được tham gia tích cực vào tất cả các khía cạnh của quá trình ra quyết định liên quan đến chăm sóc, an toàn và bảo vệ và được trao quyền thông qua quá trình này. Trong trường hợp cần thực hiện những hành động không phù hợp với mong muốn của trẻ thì phải giải thích lý do cho trẻ.

Bảo mật. Bảo mật liên quan tới việc chia sẻ thông tin trên cơ sở công việc – ‘cần phải biết’. Thuật ngữ ‘cần phải biết’ mô tả giới hạn chia sẻ thông tin được coi là nhạy cảm chỉ với những người cần thông tin cho mục đích bảo vệ trẻ em. Mọi thông tin nhạy cảm và thông tin liên quan đến nhận dạng về trẻ em, học sinh chỉ nên được chia sẻ trên cơ sở ‘cần phải biết’ với càng ít cá nhân càng tốt. Nguyên tắc bảo mật này yêu cầu người cung cấp dịch vụ bảo vệ những thông tin thu thập được về trẻ em, học sinh và đảm bảo chỉ cho phép truy cập thông tin phù hợp với quy định của nhà trường và luật pháp. Tuy nhiên, bảo mật cũng cần được hạn chế khi cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường nhận thấy có quan ngại về an toàn và cần liên hệ với các cán bộ cung cấp dịch vụ khác để được hỗ trợ, ví dụ như công an hay cán bộ bảo vệ trẻ em, những giới hạn này phải được giải thích cho trẻ em và gia đình trong tiến trình thực hiện- ‘đồng ý trên cơ sở có được thông tin’.

5. Hệ thống bảo vệ trẻ em ở Việt Nam



Nghị định 56/2017/NĐ-CP đã quy định triển khai hệ thống cung cấp dịch vụ BVTE 3 cấp độ nhằm cung cấp các dịch vụ liên tục từ khâu phòng ngừa, phát hiện kịp thời các trường hợp trẻ em có nguy cơ bị bạo hành, xâm hại, hay rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đến việc hỗ trợ phục hồi, tái hòa nhập gia đình, cộng đồng cho trẻ em cần sự hỗ trợ, can thiệp.

Ngành giáo dục về cơ bản cũng tham gia với các ngành khác như ngành Lao động Thương binh Xã hội, Y tế, Tư pháp và các tổ chức quần chúng để thực hiện công tác BVTE theo 3 cấp độ phù hợp với Nghị định 56/2017/NĐ-CP nhưng mức độ tham gia và triển khai có khác nhau.

- *Cấp độ phòng ngừa*: các trường học đã thực hiện các biện pháp như truyền thông, tư vấn, giáo dục kỹ năng sống cho mọi trẻ em, học sinh, cha mẹ và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường học nhằm nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức về bảo vệ trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em, giảm thiểu nguy cơ trẻ em bị xâm hại hoặc rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- *Cấp độ hỗ trợ*: bao gồm các biện pháp được áp dụng đối với trẻ em, học sinh có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhằm kịp thời phát hiện, giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em. Các nhà trường đã thực hiện các biện pháp bao gồm tư vấn, tham vấn tâm lý, hỗ trợ học tập, hỗ trợ về phúc lợi xã hội cho những trẻ em, học sinh gặp khó khăn, và kết nối chuyển gửi đến các cơ sở cung cấp dịch vụ xã hội cho những trường hợp có nhu cầu vượt quá khả năng hỗ trợ của nhà trường.

- *Cấp độ can thiệp*: bao gồm các biện pháp bảo vệ được áp dụng đối với trẻ em, học sinh bị xâm hại hoặc có nguy cơ cao bị xâm hại nhằm ngăn chặn hành vi xâm hại, hỗ trợ chăm sóc phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng. Vai trò chính của nhà trường là phát hiện, thông báo chuyển gửi và phối hợp với các cơ quan chức năng nhằm thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp. Tại cấp độ này, nhà trường không có trách nhiệm thực hiện quản lý trường hợp nhưng có vai trò quan trọng hỗ trợ UBND thực hiện trách nhiệm này.

PHẦN II. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI BẢO VỆ TRẺ EM

1. Khung lý thuyết về nhu cầu chăm sóc của trẻ em

‘Nhu cầu chăm sóc của trẻ em’ là một khung lý thuyết sử dụng làm cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến nhu cầu của trẻ em và vấn đề xâm hại, bạo hành trẻ em. Cách tư duy hay cách hiểu dựa trên nhu cầu chăm sóc của trẻ em còn được gọi là “*Khung lý thuyết về nhu cầu chăm sóc*”

Khung lý thuyết này đóng vai trò quan trọng đối với thực hành chuyên môn bởi chúng giúp các nhà chuyên môn sắp xếp và tổ chức lại những trải nghiệm thực tiễn của mình, cũng như định hướng cách ứng phó BVTE.

Khung lý thuyết về nhu cầu chăm sóc giúp xác định 06 nhu cầu chăm sóc chính của tất cả trẻ em. 06 nhu cầu chăm sóc phải được đáp ứng phù hợp với sự phát triển của trẻ nhằm tạo nền tảng phát triển lành mạnh cho trẻ ở hiện tại và tương lai.

Khung lý thuyết về nhu cầu chăm sóc có 03 chức năng quan trọng đối với thực hành BVTE như sau:

- Giúp đánh giá nhu cầu chăm sóc của trẻ: *câu hỏi liệu các nhu cầu chăm sóc đã được đáp ứng phù hợp với sự phát triển của trẻ hay chưa?*
- Giúp đánh giá có hay không hiện tượng xâm hại, bạo hành trẻ em: thông qua việc đánh giá các nguyên nhân liên quan đến một hoặc nhiều nhu cầu chăm sóc của trẻ không được đáp ứng.
- Định hướng các can thiệp BVTE thông qua:
 - Rà soát, phát hiện các biện pháp đáp ứng nhu cầu chăm sóc không phù hợp.
 - Thay đổi các biện pháp đáp ứng nhu cầu chăm sóc không phù hợp.
 - Tăng cường năng lực hệ thống đáp ứng nhu cầu chăm sóc của trẻ em nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Hình. Sáu nhu cầu chăm sóc của trẻ em



06 nhu cầu chăm sóc tập trung vào những khía cạnh khác nhau trong quá trình phát triển của trẻ.

Bảng. Định nghĩa 06 nhu cầu chăm sóc

| <i>Chăm sóc thể chất</i> | <i>Chăm sóc tâm lý</i> | <i>Chăm sóc tình cảm</i> |
|---|--|--|
| <p>Liên quan đến sự phát triển lành mạnh của cơ thể.</p> <p>Quan tâm tới nhu cầu thể chất cá nhân như thực phẩm, cư trú/nhà ở, trang phục, không bị xâm hại thể chất và được chăm sóc y tế (khi cần).</p> | <p>Liên quan đến sự phát triển lành mạnh về sự tự nhận thức bản thân.</p> <p>Quan tâm tới sự phát triển và duy trì bền vững cảm nhận tích cực về bản thể/nhận dạng, giá trị và năng lực cá nhân.</p> | <p>Liên quan đến sự phát triển lành mạnh trong ý thức về cảm xúc bản thân.</p> <p>Quan tâm tới nhu cầu cá nhân về tình cảm và sự yêu thương, giúp cá nhân thấy rằng mình có giá trị và xứng đáng được nhận tình yêu thương và sự chăm sóc.</p> |
| <i>Chăm sóc nhận thức</i> | <i>Chăm sóc xã hội</i> | <i>Chăm sóc đạo đức</i> |
| <p>Liên quan đến sự phát triển lành mạnh trong khả năng tư duy và học tập.</p> <p>Quan tâm tới động lực, năng lực của cá nhân đối với việc học tập, giúp trẻ nhận thức một cách bền</p> | <p>Liên quan đến sự phát triển lành mạnh trong ý thức về vai trò của mình trong các nhóm xã hội (gia đình, bạn bè đồng trang lứa, cộng đồng, xã hội).</p> | <p>Liên quan đến sự phát triển lành mạnh trong ý thức về đạo đức và hành vi đạo đức của bản thân.</p> <p>Quan tâm tới việc học tập và rèn luyện của cá nhân đối với những điều đúng</p> |

| | | |
|--|--|---|
| vững rằng mình có thể là người học thành công. | Quan tâm tới việc cá nhân là thành viên của cộng đồng xã hội, thông qua những tương tác/gắn kết trong các mối quan hệ một cách phù hợp và duy trì việc học tập, rèn luyện. | sai trong xã hội, thjeo cách mà mỗi cá nhân nhận thức được quyền và nhu cầu của những người khác trong cộng đồng xã hội, văn hoá và tín ngưỡng. |
|--|--|---|

Môi trường chăm sóc trẻ là tác nhân then chốt quyết định xem nhu cầu chăm sóc của trẻ có được đáp ứng phù hợp với sự phát triển hay không.

Các nghiên cứu quốc tế về sự phát triển lành mạnh của trẻ đã chỉ rõ: chính những người lớn (trong một số trường hợp là anh/chị ruột) trong môi trường chăm sóc của trẻ là tác nhân quan trọng tạo nên môi trường chăm sóc chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu của trẻ.

Các nguồn lực sẵn có trong môi trường chăm sóc, cụ thể là nguồn lực phục vụ sinh hoạt thường nhật, đóng vai trò quan trọng tạo nên môi trường chăm sóc. Mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội của người lớn trong gia đình cũng là nguồn lực có ý nghĩa quyết định việc nhu cầu chăm sóc của trẻ có được đáp ứng phù hợp với sự phát triển hay không.

Bên cạnh đó, sức khỏe thể chất và tinh thần của người lớn trong môi trường chăm sóc, mối quan hệ giữa người lớn với nhau, người lớn với trẻ và người lớn với môi trường bên ngoài cũng định hình chất lượng và khả năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc của môi trường đó.

Điều quan trọng phải biết rằng những người lớn trong gia đình (đặc biệt là cha mẹ, ông bà và/hoặc cô/dì/chú/bác), mặc dù có những khó khăn về mặt cá nhân, xã hội và kinh tế, nhưng vẫn có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc của trẻ phù hợp với sự phát triển.

Lưu ý thêm rằng một số biến cố trong gia đình (ví dụ: người thân qua đời, cha mẹ li hôn, mất việc, ốm đau) có thể làm thay đổi môi trường chăm sóc khiến nó không thể đáp ứng nhu cầu chăm sóc của trẻ. Môi trường này nếu được hỗ trợ hiệu quả thì sẽ vẫn tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu của trẻ trong tương lai.

Một số môi trường chăm sóc có thể đã từng có giai đoạn không đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc của trẻ. Trong trường hợp đó, cần biết giai đoạn đó kéo dài bao lâu bởi đây là một khía cạnh quan trọng trong đánh giá rủi ro và lập kế hoạch can thiệp, hỗ trợ.

Lưu ý về ứng dụng: Nhu cầu chăm sóc của trẻ là cơ sở tham chiếu để người cung cấp dịch vụ BVTE xác định:

Liệu trong trường hợp này có điều gì “không ổn” đối với sự phát triển lành mạnh của trẻ hay không?

Khung lý thuyết về cung cấp dịch vụ dựa trên nhu cầu chăm sóc là căn cứ đầu tiên để tư duy và trả lời câu hỏi trên bằng cách:

- Chỉ ra kì vọng của xã hội - định nghĩa thế nào là môi trường chăm sóc “BÌNH THƯỜNG”.
- Chỉ ra thế nào là môi trường chăm sóc không phù hợp dựa trên chuẩn mực bình thường đó.
- Chỉ ra định hướng và phương thức can thiệp.
- Chỉ ra các kết quả can thiệp được coi là thành công (đáp ứng nhu cầu chăm sóc “bình thường” của trẻ).

Khi phát hiện trẻ ăn trộm đồ ăn, bới rác, giấu diếm nơi ở và người chăm sóc mình, không đến trường, người cung cấp dịch vụ BVTE sẽ không thể quyết định được liệu những hành vi này có phù hợp với sự phát triển của trẻ hoặc có phản ánh hiện tượng xâm hại trẻ hay không nếu không có “*chuẩn*” để so sánh.

“Chuẩn so sánh” ở đây là: “*Các đặc điểm cho thấy trẻ được đáp ứng nhu cầu chăm sóc phù hợp với sự phát triển là gì?*” [Bình thường]

Câu trả lời sẽ là:

“*Không tìm thấy những đặc điểm [bình thường] này.*” [Không bình thường]

Bảng. Chỉ báo về nhu cầu chăm sóc

| Nhu cầu CS | Chỉ báo về phát triển, văn hoá và an sinh [ở trạng thái bình thường] |
|--------------------------|--|
| Chăm sóc thể chất | <p><i>Chỉ báo 1.</i> Sự phát triển về kích thước cơ thể của trẻ phù hợp với tiêu chuẩn chung của Việt Nam</p> <p><i>Chỉ báo 2.</i> Trẻ trông khoẻ mạnh về diện mạo – da, tóc, ...</p> <p><i>Chỉ báo 3.</i> Không có những vết thương trên cơ thể trẻ (không phải do tai nạn gây ra)</p> <p><i>Chỉ báo 4.</i> Trẻ có thể điều khiển vận động cơ thể của mình phù hợp với tuổi và năng lực về mặt thể chất</p> <p><i>Chỉ báo 5.</i> Môi trường chăm sóc của trẻ có đủ điều kiện về tài chính, nhà ở, quần áo để đáp ứng được với nhu cầu chăm sóc về mặt thể chất của trẻ.</p> |

| | |
|----------------------------------|---|
| <p>Chăm sóc tâm lý</p> | <p><i>Chỉ báo 1</i></p> <p>Trẻ thể hiện khả năng một cách tích cực và phù hợp với độ tuổi trong việc hiểu về bản thân mình</p> <p><i>Chỉ báo 2</i></p> <p>Trẻ thể hiện khả năng một cách tích cực và phù hợp với độ tuổi trong việc hiểu những giá trị của bản thân</p> <p><i>Chỉ báo 3</i></p> <p>Trẻ thể hiện khả năng một cách tích cực và phù hợp với độ tuổi trong việc hiểu về năng lực của bản thân như một con người duy nhất và riêng biệt.</p> <p><i>Chỉ báo 4.</i></p> <p>Trẻ được nhận các thông điệp tích cực về con người trẻ (tự nhận thức)</p> <p><i>Chỉ báo 5.</i></p> <p>Trẻ nhận được các thông điệp tích cực về giá trị bản thân như một con người duy nhất và riêng biệt (tự xác định giá trị)</p> <p><i>Chỉ báo 6</i></p> <p>Trẻ nhận được các thông điệp tích cực về năng lực của bản thân mình (Tự xác định năng lực)</p> |
| <p>Chăm sóc cảm xúc</p> | <p><i>Chỉ báo 1.</i></p> <p>Trẻ có gắn bó cảm xúc tích cực với ít nhất 1 người, người mà đáp ứng cảm xúc qua lại với trẻ một cách tích cực</p> <p><i>Chỉ báo 2</i></p> <p>Khi trẻ có gắn bó cảm xúc với một ai đó thì người đó thể hiện cam kết về mặt đạo đức với trẻ</p> <p><i>Indicator 3.</i></p> <p>Trẻ thể hiện các hành vi gắn bó cảm xúc một cách chủ động với người mà trẻ gắn bó.</p> <p><i>Chỉ báo 4</i></p> <p>Người gắn bó cảm xúc chính với trẻ hoặc người lớn khác mà trẻ tìm kiếm việc chăm sóc về mặt cảm xúc thể hiện những hành vi đáp ứng phù hợp với nhu cầu của trẻ</p> |
| <p>Chăm sóc nhận thức</p> | <p><i>Chỉ báo 1</i></p> <p>Trẻ được sống trong môi trường chăm sóc có những kích thích phù hợp về mặt hình ảnh và học tập cho trẻ</p> <p><i>Chỉ báo 2</i></p> |

| | |
|-------------------------|--|
| | <p>Trẻ được sống trong môi trường chăm sóc mà được tạo các cơ hội để học các kỹ năng tuy duy nhận thức</p> <p><i>Chỉ báo 3</i></p> <p>Trẻ đi học đều đặn</p> <p><i>Chỉ báo 4</i></p> <p>Việc trẻ đi học được xem trọng, hỗ trợ và khuyến khích bởi những thành viên trong môi trường chăm sóc</p> <p><i>Chỉ báo 5</i></p> <p>Trẻ thể hiện sự phát triển về năng lực học tập các kỹ năng nhận thức phù hợp với độ tuổi/năng lực theo độ tuổi</p> |
| Chăm sóc xã hội | <p><i>Chỉ báo 1</i></p> <p>Trẻ là một phần của môi trường gia đình/họ hàng nơi tạo cho trẻ những hình mẫu và nhận thức tích cực về bản thân như là một thành viên của cộng đồng.</p> <p><i>Chỉ báo 2</i></p> <p>Trẻ là một phần của môi trường văn hoá, nơi cung cấp cho trẻ những hình mẫu về vai trò xã hội tích cực giúp trẻ nhận thấy mình là một thành viên của cộng đồng đó.</p> <p><i>Chỉ báo 3</i></p> <p>Trẻ thể hiện những kỹ năng gắn kết và tương tác xã hội phù hợp với độ tuổi với nhóm xã hội mà trẻ là thành viên.</p> <p><i>Chỉ báo 4</i></p> <p>Trẻ nhận thức và tuân thủ một cách phù hợp với độ tuổi đối với những yêu cầu ứng xử xã hội trong môi trường xã hội tích cực mà trẻ tham gia.</p> |
| Chăm sóc đạo đức | <p><i>Chỉ báo 1</i></p> <p>Trẻ thể hiện hiểu biết phù hợp với độ tuổi về những hành vi chấp nhận được và không chấp nhận được trong xã hội</p> <p><i>Chỉ báo 2</i></p> <p>Trẻ có những hình mẫu tích cực về vai trò đạo đức trong môi trường chăm sóc của mình</p> <p><i>Chỉ báo 3</i></p> <p>Trẻ có người chăm sóc sẵn sàng giúp trẻ thực hiện các hành vi ứng xử đạo đức phù hợp và lý do phù hợp để thực hiện hành vi này.</p> <p><i>Chỉ báo 4</i></p> <p>Trẻ có thể tuân thủ những quy định và yêu cầu về đạo đức phù hợp với độ tuổi.</p> |

2. Lý thuyết về sự phát triển của trẻ em

Từ giữa thế kỷ 20 đến nay, khái niệm ‘trẻ em’ được giải thích khác với những gì người ta hiểu trong quá khứ. Trước kia người ta cho rằng trẻ em là người lớn thu nhỏ; tương tự như người lớn nhưng là phiên bản nhỏ hơn. Ba nhà khoa học tiên phong đã đưa ra cách tiếp cận mới về trẻ em là:

- John Bowlby [hợp tác với Mary Ainsworth]
- Eric Erikson
- Jean Piaget

Mặc dù, mỗi nhà khoa học tập trung vào các câu hỏi lý thuyết khác nhau liên quan đến trẻ em, nhưng cả ba đều nhận ra rằng trẻ em không phải là phiên bản thu nhỏ của người lớn. Thay vào đó, họ lập luận rằng trẻ em khác biệt rõ rệt với người lớn do thực tế chúng là trẻ em “đang phát triển”.

Trẻ em học và tiếp thu các đặc điểm của người lớn trong suốt thời thơ ấu của mình. Bowlby [và Ainsworth], Erikson và Piaget đã đưa ra 03 lý thuyết quan trọng giải thích cụ thể các lĩnh vực:

- Phát triển sự gắn bó về mặt cảm xúc [Bowlby]
- Phát triển nhận thức bản thân [Erikson]
- Phát triển nhận thức xã hội [Piaget]

Ba lý thuyết được kết hợp làm một gói kiến thức cơ sở cho cán bộ BVTE chuyên nghiệp để sử dụng trong việc:

- Hiểu được cảm xúc, sự phát triển tâm lý bản thân và khả năng tư duy của trẻ ở từng độ tuổi.
- Hiểu [trong phạm vi nhất định] các dấu hiệu phát triển chính trong suốt thời thơ ấu để xác định tiến trình phát triển.
- Hiểu những đặc điểm trong môi trường chăm sóc cần thiết cho sự phát triển của trẻ em trong mỗi giai đoạn.
- Hiểu được sự cần thiết của dịch vụ bảo vệ trẻ em [cả phòng ngừa và can thiệp] cho sự phát triển của trẻ.
- Hiểu cách đánh giá kết quả can thiệp để xem chúng có giải quyết được các quan ngại, cáo cáo buộc về xâm hại trẻ em và Môi trường Chăm sóc trẻ.

Điều quan trọng cần nhớ là Bowlby, Erikson và Piaget muốn phát triển những lý thuyết ‘phổ quát’ hoặc ‘chung’ về phát triển trẻ em. Một lý thuyết phổ quát là một lý thuyết có thể được áp dụng cho tất cả trẻ em, bất kể trẻ em sống ở Việt Nam hay ở Úc. Tuy nhiên, KHÔNG có nghĩa là không có sự khác biệt giữa những đứa trẻ khi bản thân chúng có sự khác biệt về:

- Sinh học [sức khỏe, thể chất]
- Môi trường xã hội

- Môi trường văn hoá
- Môi trường lịch sử
- Môi trường kinh tế
- Năng lực trí tuệ
- Giới tính
- Tuổi tác.

Lý thuyết “chung” là chỉ ra những đặc điểm chung của tất cả trẻ em cho dù chúng có những đặc điểm khác biệt ở trên. Điểm này rất quan trọng đối với tất cả các cán bộ BVTE vì nó cho phép xác định điểm chuẩn cho tất cả trẻ em, mà các chuyên gia có thể tham khảo để trả lời câu hỏi:

Ở giai đoạn phát triển này đứa trẻ nên có hoạt động chức năng như nào về mặt -

- Tình cảm?
- Tâm lý?
- Nhận thức?

Nếu đứa trẻ không có hoạt động chức năng phù hợp với độ tuổi thì nên có những lo ngại về xâm hại trẻ em hay môi trường chăm sóc.

Lý thuyết phát triển trẻ em cũng giúp để đánh giá xem can thiệp BVTE có hiệu quả hay không. Ba lý thuyết này cung cấp tiêu chuẩn để nhận định và đo lường tiến trình phát triển phù hợp với độ tuổi.

Các cán bộ BVTE nên luôn tìm cách chuyển giao kiến thức về lý thuyết phát triển trẻ em cho cha mẹ và người chăm sóc. Kiến thức của cha mẹ và người chăm sóc về nhu cầu và đặc điểm phát triển của trẻ em có liên quan chặt chẽ đến việc cung cấp một môi trường chăm sóc phù hợp cho trẻ em và do đó hỗ trợ hiệu quả khâu phòng ngừa và BVTE.

2.1 Lý thuyết 1 - Lý thuyết gắn bó cảm xúc của John Bowlby

a) Tầm quan trọng của lý thuyết:

John Bowlby là một nhà tâm lý học/tâm lý học phân tâm trẻ em người Anh, ông đã phát triển một lý thuyết [cách giải thích] về sự phát triển gắn kết tình cảm của trẻ em với một người chăm sóc chính [được gọi là người gắn bó cảm xúc chính], thường được gắn với 'người mẹ' trong giai đoạn 1940 -1980.

Sau đó, khi làm việc với Mary Ainsworth & James Robertson, công trình của Bowlby đã được mở rộng để xem xét tất cả các vai trò của người chăm sóc và mối quan hệ của trẻ với người chăm sóc. Bowlby đặc biệt quan tâm đến tác hại xảy ra nếu trẻ không có quan hệ gắn bó tình cảm tích cực, ổn định và có thể dự đoán được với người gắn bó cảm xúc chính [PEAF].

Trẻ em khi được sinh ra cần phải tìm kiếm một nhân vật gắn bó cảm xúc chính người sẽ chăm sóc các em. Đứa trẻ khi còn bé không thể phân biệt được người mà các em tìm thấy [người có sẵn] có thể dành cho trẻ tình yêu và sự thoải mái hay không. Đứa

trẻ sẽ gắn bó với người đó chỉ vì họ có sẵn ở đó chứ không phải là do người đó có đáp ứng thích hợp hay không.

Bowlby lập luận rằng “sự gắn bó tình cảm” của trẻ hình thành với người sẵn có là mạnh mẽ và khó thay đổi, ngay cả khi hành vi yêu thương và vỗ về của người đó bị hạn chế, tiêu cực hoặc không đáp lại.

Lý thuyết của Bowlby xác định tầm quan trọng và sức mạnh bền bỉ của trẻ em về sự gắn bó tình cảm của trẻ với nhân vật gắn bó cảm xúc chính sau khi nó được xác lập.

Lý thuyết của Bowlby đã đưa ra 05 cách để hỗ trợ người làm công tác BVTE tìm hiểu và đánh giá tác động của xâm hại trẻ em và định hướng cách giải quyết:

- Hiểu được vai trò của các mối quan hệ gắn bó tình cảm đối với trẻ em.
- Phân tích thực trạng các mối quan hệ tình cảm giữa trẻ em và người chăm sóc [cả tích cực và tiêu cực]
- Phân tích lý do của các mối quan hệ tình cảm tiêu cực và lỏng lẻo giữa mà trẻ với người chăm sóc.
- Phân tích tác động đối với trẻ em khi không nhận được tình yêu và sự thoải mái với người gắn bó cảm xúc chính.
- Định hướng cho cán bộ về việc xây dựng những mối quan hệ gắn bó tình cảm mới cho trẻ.

b) *Trọng tâm của lý thuyết:*

Lý thuyết gắn bó tình cảm của Bowlby tập trung vào ba khía cạnh chính:

Cảm xúc của trẻ - Trẻ có cảm thấy mình được yêu thương hay có quan trọng đối với người gắn bó cảm xúc chính hay không? Đa số trẻ em đều nhận được tình yêu và sự vỗ về từ người có gắn bó cảm xúc [PEAF] và tự tin nghĩ rằng -

“Tất nhiên, tôi được yêu thương, được vỗ về và do đó được chăm sóc.”

Tuy nhiên nhiều trẻ em là đối tượng của hệ thống BVTE thường không biết hoặc không chắc chắn rằng:

“Tôi có được yêu không? Tôi sẽ được an ủi không?”

Mối quan hệ gắn bó của trẻ - Trẻ biết ai là người gắn bó cảm xúc chính mà không có thắc mắc [mẹ, cha, ông bà, cô, chú]. Vì vậy, trẻ theo trực giác biết rằng chúng là trọng tâm của các mối quan hệ tình cảm này. Còn nhiều em thuộc đối tượng của hệ thống BVTE thì không biết hoặc không chắc chắn:

“Ai là đối tượng gắn bó cảm xúc [PEAF] của tôi?”

Chất lượng của mối quan hệ gắn bó tình cảm - Chất lượng của môi trường chăm sóc là yếu tố quan trọng nhất cho quá trình phát triển của trẻ. Nó cho phép trẻ có niềm tin vào bản chất tích cực và sự ổn định của mối quan hệ tình cảm. Có nghĩa là mối quan hệ tình cảm này có tính nhất quán và có thể dự đoán [nó sẽ giống nhau vào ngày mai,

tuần tới, tháng tới]. Mọi quan hệ tình cảm chất lượng này cũng là nền tảng cho sự phát triển sự thấu cảm ở trẻ em:

“Nếu không ai yêu tôi hoặc an ủi tôi hoặc nếu tôi không được yêu thương và an ủi nhất quán thì tôi không thể học cách yêu thương và an ủi người khác bởi vì tôi KHÔNG biết rằng tôi 'xứng đáng' được yêu thương và an ủi.”

Nhiều trẻ em là đối tượng của hệ thống BVTE thì thường cho rằng:

“Tôi không biết hoặc không chắc chắn liệu tôi có được yêu thương và an ủi không? Liệu tôi có thể tin tưởng vào tình yêu và sự an ủi mà tôi đang có hay sẽ có hay không? Tôi có xứng đáng để được yêu thương không?”

c) *Khái niệm chính của lý thuyết:*

Lý thuyết của Bowlby có hai khái niệm rất quan trọng giúp tìm hiểu những gì đang xảy ra với trẻ khi có hành vi xâm hại hoặc nguy cơ bị xâm hại:

- *Nhân vật/người gắn bó cảm xúc chính [PEAF]*

Cán bộ BVTE chủ yếu làm việc với những người này để tìm hiểu xem họ đáp ứng nhu cầu tình cảm của trẻ như thế nào để từ đó biết được nguyên nhân tại sao trẻ bị xâm hại. Khi trẻ có quan hệ gắn bó với một người không đáp lại nhu cầu tình cảm của trẻ thì trẻ có nguy cơ bị xâm hại cao hơn. Còn khi trẻ được đáp lại tình cảm thì đây là một chỉ số quan trọng cho thấy trẻ đã có một người có Cam kết đạo đức vô điều kiện đang chăm sóc trẻ. Một người trưởng thành có cam kết đạo đức vô điều kiện đối với trẻ em sẽ đóng vai trò là người bảo vệ trẻ em. Gia đình/gia đình mở rộng là nguồn có cam kết lớn nhất cho trẻ và sẵn sàng cung cấp mối quan hệ gắn bó tình cảm cho trẻ.

Cán bộ BVTE phải nhận thức được ba yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng mối quan hệ gắn bó giữa trẻ với người gắn bó cảm xúc chính để xem chúng có ổn định, nhất quán và có thể dự đoán được hay không:

- Trẻ - có những đặc điểm hấp dẫn người lớn.
 - Đối tượng gắn bó cảm xúc chính – là người lớn có vai trò và trách nhiệm chăm sóc trẻ và thấy đứa trẻ hấp dẫn.
 - Môi trường – là môi trường chăm sóc có sẵn nguồn lực và mạng lưới để chăm sóc trẻ.
- *Sự gắn bó*

Sự gắn bó là một khái niệm quan trọng trong lý thuyết của Bowlby. Sự gắn bó là sự gắn kết tình cảm giữa trẻ với một người chăm sóc có sẵn hoặc có thể có. Một khi trẻ đã gắn bó với người này thì các em sẽ luôn tìm kiếm tình yêu và sự an ủi từ người này.

Khi trẻ có mối quan hệ gắn bó với một người có khả năng đáp ứng tình cảm cho trẻ một cách ổn định, nhất quán và có thể dự đoán được thì đứa trẻ sẽ thấy 'thư giãn' và có thể chấp nhận mối quan hệ tình cảm, tình yêu và sự an ủi.

Khi trẻ có đối tượng gắn bó mà đáp lại tình cảm của trẻ một cách tiêu cực, không ổn định, không nhất quán và không thể đoán trước được thì trẻ sẽ thấy lo lắng, cảnh giác cao độ về đối tượng này và không chấp nhận họ là đối tượng của tình yêu và sự an ủi.

Nhiều chuyên gia BVTE nghiên cứu về hiện tượng 'rối loạn hành vi' ở trẻ thì thấy rằng trẻ bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại là có nguyên nhân bắt nguồn từ 'các quan hệ tình cảm' và chất lượng của mối quan hệ tình cảm này. Cần phải nhận thức rằng người lớn cũng có những khả năng hạn chế [đặc biệt khi người chăm sóc là anh chị lớn tuổi] bởi vì rất nhiều người cũng có những trải nghiệm không tích cực về thời thơ ấu và từng có những quan hệ gắn bó không chất lượng.

Lý thuyết cảm xúc của Bowlby cũng có thể giải thích cho một số hiện tượng cảm xúc ở khi họ không thể "bày tỏ được cảm xúc" của mình trong các mối quan hệ [đặc biệt là khi đóng vai trò làm cha mẹ/người chăm sóc].

Dưới đây là một số đặc điểm mà đối tượng gắn bó cảm xúc [PEAF] cần có để đáp ứng nhu cầu tình cảm của trẻ:

- Hiện diện - Trẻ có khả năng tiếp cận đến đối tượng gắn bó cảm xúc [phương tiện truyền thông xã hội có thể thực hiện việc này]
- Dễ tiếp cận về tình cảm - Trẻ có thể liên kết với một người lớn có thể đáp ứng tình cảm cho trẻ
- Đáp ứng về mặt cảm xúc - Trẻ có thể liên kết đến một người lớn luôn tỏ ra yêu thương và an ủi trẻ.

- *Trọng tâm phân tích thực hành*

Khi có những quan ngại hoặc cáo buộc liên quan đến sự phát triển không khỏe mạnh ở trẻ em, cán bộ BVTE trước kết tập trung vào đối tượng gắn bó cảm xúc chính ở trong cuộc sống của trẻ [hoặc không ở trong cuộc sống của trẻ]. Cần chú ý đến các điểm sau:

- Hiện tại - Ai đang bảo vệ trẻ?
- Quá khứ - Ai đã bảo vệ trẻ?
- Tương lai - Ai sẽ bảo vệ trẻ?

Những câu hỏi này không chỉ giúp cán bộ hiểu được sự tổn thương về mặt tình cảm của trẻ mà còn biết tại sao trẻ bị xâm hại. Những thông tin này còn giúp xác định ai đã từng là 'người bảo vệ' của trẻ, ai có thể bây giờ hoặc sau này là người bảo vệ trẻ.

Chìa khóa để phân tích chính là 'chất lượng' của mối quan hệ gắn kết tình cảm đối với trẻ. Trong lý thuyết này, Ainsworth & Bowlby đã phát triển một hệ thống phân loại về mối quan hệ gắn bó tình cảm giữa trẻ và đối tượng gắn bó cảm xúc. Hệ thống phân loại này xuất phát từ cách nhìn của trẻ. Tức là làm thế nào để một đứa trẻ nhận thức được mối quan hệ tình cảm với đối tượng gắn bó cảm xúc là ổn định, nhất quán và dự đoán được.

Ainsworth đã nghiên cứu những đứa trẻ bị tách khỏi đối tượng gắn bó cảm xúc [được đáp lại và không được đáp lại] và đã đưa ra 03 loại mối quan hệ gắn bó mà một đứa trẻ có thể có. Ở mỗi loại Ainsworth đã mô tả đặc điểm của đối tượng gắn bó cảm xúc.

Loại 1: gắn bó an toàn: ở đây đối tượng gắn bó cảm xúc là người:

- Đáp ứng với các tín hiệu của trẻ em về tình yêu và sự an ủi
- Nhất quán về phản ứng cảm xúc của họ theo thời gian
- Đáng tin cậy trong cách họ đáp ứng
- Tập trung vào cách em phản ứng và an ủi trẻ
- Trẻ an toàn trong mối quan hệ tình cảm.

Loại 2: Gắn bó không an toàn. Ở đây đối tượng gắn bó cảm xúc không nhất quán về thời điểm và cách họ đáp ứng nhu cầu cảm xúc của trẻ. Đôi khi đối tượng gắn bó cảm xúc đáp lại sự gắn bó về mặt cảm xúc và đôi khi lại không đáp ứng:

- Trẻ không tin người lớn sẽ đáp ứng
- Nhu cầu gắn bó của trẻ không được đáp ứng một cách tình cảm và vô về.
- Trẻ luôn thấy lo lắng về việc liệu nhu cầu tình cảm của mình có được đáp ứng hay không.

Loại 3: Gắn bó né tránh không an toàn. Ở đây đối tượng gắn bó cảm xúc là người:

- Kiên quyết từ chối nhu cầu tình cảm của trẻ
- Khi đáp ứng nhu cầu tình cảm của trẻ thì đáp ứng theo cách tiêu cực
- Thường chỉ trích trẻ là đứa hay đòi hỏi nhưng lại mong muốn trẻ đáp lại tình cảm cho mình
- Thường gắn cảm xúc tiêu cực của mình lên đứa trẻ và đổ lỗi cho trẻ [đó là lỗi của mẹ]. Tao không thể đáp ứng tình cảm cho mẹ - bởi vì “Tôi không muốn có đứa trẻ này”, bởi vì “có cái gì đó không đúng với đứa trẻ”, hay “đứa trẻ này hư”. Hay “Tôi không thể yêu thương đứa trẻ này vì nó là con gái trong khi tôi lại muốn có con trai”, hay “vì nó là đứa trẻ bị khuyết tật”.

Còn một loại gắn bó khác gọi là Gắn bó rối loạn không an toàn [hỗn hợp của Loại 2 & Loại 3]. Loại này được xác định vào những năm 1980s bởi các nhà nghiên cứu khác, tuy nhiên không có thỏa thuận nào về tính hợp lệ của ý tưởng này.

2.2 Lý thuyết 2: Lý thuyết phát triển nhận thức bản thân [CÁI TÔI] ở trẻ của Erikson

a) Tầm quan trọng của lý thuyết

Erik Erikson là một nhà phân tâm học và là nhà tâm lý học trẻ em người Mỹ gốc Đức, người đã phát triển lý thuyết về sự phát triển nhận thức bản thân [cái tôi] ở trẻ em.

Kể từ cuối những năm 1930s trở về sau, trọng tâm nghiên cứu của Erikson là về ‘bản sắc’ hay ‘cái tôi’ ở trẻ em và ở cả những người trưởng thành. Hầu hết các công

trình nghiên cứu của ông là được thực hiện sau khi ông di cư đến Hoa Kỳ từ Áo qua Canada vào năm 1933. Ông giữ vị trí nổi bật trong ngành tâm lý học trẻ em tại các trường đại học Mỹ trong suốt cuộc đời làm việc của mình.

Sự hiểu biết của Erikson về CÁI TÔI [bản sắc] ở trẻ là có ảnh hưởng đáng kể từ Lý thuyết Phân tâm học của Freud mà ông đã học trước đây.

Erikson chấp nhận giả thuyết của Freud rằng trẻ được sinh ra có nhu cầu phát triển ý thức độc đáo về bản thân khác biệt với tất cả các cá nhân khác. Tuy nhiên Freud, trong lý thuyết của mình, đã không đào sâu nghiên cứu quá trình phát triển CÁI TÔI trong thời thơ ấu mà chính Erikson đã đưa ra lý thuyết về những gì thực sự xảy ra trong suốt thời thơ ấu để cho phép trẻ đi đến một ý thức tích hợp độc đáo của bản thân ở tuổi vị thành niên và tuổi trưởng thành sớm.

Erikson nhận thấy sự phát triển của một nhận thức độc đáo về bản thân trong một đứa trẻ là những nhiệm vụ/thách thức quan trọng của thời thơ ấu và tiếp tục kể cả khi trưởng thành, mặc dù ít kịch tính hơn.

Theo Erikson, mỗi một đứa trẻ cần phải tìm ra ba thành phần của bản thân mình. Ba thành phần này tạo nên tổng thể của cá nhân duy nhất của một đứa trẻ. Ba thành phần đó là:

- Tự nhận dạng - Tôi là ai với tư cách là một cá nhân duy nhất?
- Giá trị bản thân - Tôi có giá trị gì với tư cách là một người duy nhất?
- Năng lực bản thân - Tôi có khả năng làm gì?

Lời giải cho mỗi câu hỏi này, theo Lý thuyết Erikson, chỉ có thể tìm thấy ở từng đứa trẻ trong suốt thời kỳ thơ ấu. Các câu trả lời thu được cho ba câu hỏi trên kết hợp lại có thể đưa ra một câu trả lời tổng hợp được gọi là CÁI TÔI riêng lẻ.

Lý thuyết của Erikson giúp tìm hiểu cách mà một trẻ em phát triển nhận thức về CÁI TÔI trong những năm thơ ấu. Erikson đã nghiên cứu quá trình phát triển CÁI TÔI ở trẻ em từ cách nhìn của chính trẻ em, tức là làm thế nào để trẻ tiến bộ qua những năm thơ ấu để hiểu mình là một cá thể độc đáo.

b) Vai trò của Lý thuyết trong cuộc sống của trẻ em

Lý thuyết Erikson về nhận thức CÁI TÔI ở trẻ em là một lý thuyết quan trọng khi làm việc trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em. Lý thuyết này cho phép cán bộ BVTE đánh giá được nhận thức của trẻ bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại, từ đó đánh giá được nguyên nhân gây ra hành vi xâm hại trẻ em. Cụ thể cán bộ BVTE cần phải đánh giá các khía cạnh sau đây:

- Vai trò của người lớn trong cuộc sống của trẻ [đặc biệt là đối tượng gắn bó cảm xúc chính [Bowlby] trong việc tạo điều kiện/hỗ trợ hoặc làm suy yếu ý thức phát triển bản thân của trẻ em.
- Tác động của xâm hại ảnh hưởng đến phát triển nhận thức của trẻ theo độ tuổi.

- Bản chất của môi trường chăm sóc trẻ em đã tác động lên ý thức về bản thân của trẻ.
- Chất lượng của môi trường chăm sóc trong việc giúp trẻ phát triển CÁI TÔI của bản thân.

Erikson nhận thức rằng phát triển nhận thức ở trẻ em không thể tách biệt với môi trường xã hội [đặc biệt là gia đình, trường học, cộng đồng, bạn bè] mà chúng trải qua thời thơ ấu.

Mặc dù Erikson không tập trung nhiều vào phân tích tác động của môi trường xã hội & môi trường chăm sóc đến phát triển nhận thức bản thân của trẻ, nhưng các nhà lý thuyết và nghiên cứu khác đã bổ sung bằng những nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường xã hội và quá trình phát triển nhận thức bản thân của trẻ.

Erikson nhận ra rằng phát triển nhận thức bản thân ở trẻ có liên quan chặt chẽ với các cá nhân [đặc biệt là người lớn có gắn bó cảm xúc với trẻ] và cách những cá nhân này tương tác với trẻ. Trong quá trình tương tác giữa trẻ và đối tượng gắn bó cảm xúc, trẻ tìm được câu trả lời cho các câu hỏi -

- Tôi là ai?
- Tôi có giá trị gì?
- Tôi có thể làm gì?

Đó là những câu trả lời mà trẻ sẽ đưa vào nhận thức của bản thân trong suốt thời thơ ấu và đến tuổi trưởng thành.

c) *Trọng tâm của lý thuyết*

Lý thuyết phát triển nhận thức bản thân của trẻ tập trung vào ba khía cạnh chính:

- Cái tôi tích hợp - Tích hợp ba phần của bản thân [Bản sắc, Giá trị & Năng lực] thành một CÁI TÔI chân chính và nhất quán.
- Các giai đoạn phát triển của bản thân - Con đường phát triển bản thân bao gồm năm giai đoạn. Thời kỳ thơ ấu của trẻ bắt đầu khi mới sinh ra và tiếp tục cho đến tuổi thiếu niên. Trong suốt thời kỳ thơ ấu này trẻ phải hiểu và xác định được CÁI TÔI chân chính của mình là gì.
- Khủng hoảng - Ở mỗi giai đoạn phát triển bản thân, trẻ phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng ở đó trẻ phải trả lời những câu hỏi liên quan đến mối quan hệ chăm sóc và trải nghiệm trong môi trường chăm sóc. Những câu trả lời này được hình thành bởi chất lượng “chăm sóc, an toàn và bảo vệ” mà các em nhận được từ người lớn ở mỗi giai đoạn.

Thực tế cho thấy nhiều trẻ em là đối tượng của hệ thống BVTE thường có ý thức kém về bản thân mình bởi vì các em đã có trải nghiệm tiêu cực về xâm hại [thường xảy ra trong một khoảng thời gian] hay do các em không giải quyết được những khủng hoảng trong quá trình phát triển trước đó.

d) *Khái niệm chính của lý thuyết*

Lý thuyết của Erikson đã đưa ra những khái niệm rất quan trọng giúp cho cán bộ BVTE dễ tìm hiểu những gì đang xảy ra với trẻ bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại. Những khái niệm này bao gồm “Các giai đoạn phát triển bản thân”:

- Trẻ phát triển thông qua một loạt các giai đoạn phát triển bản thân được tích lũy với nhau
- Vào cuối mỗi giai đoạn, trẻ phải giải quyết được [câu hỏi] khủng hoảng của mình
- Kết quả [hay Câu trả lời] này (cho dù đó là theo hướng tích cực hay tiêu cực) có ảnh hưởng đến việc giải quyết các khủng hoảng ở giai đoạn tiếp theo

Erikson không liên kết rõ ràng từng giai đoạn với tuổi tác của trẻ em, thay vào đó, ông xem các giai đoạn là một chuỗi mà trẻ phải phát triển theo thứ tự. Tuy nhiên, những năm sau này người ta đã liên kết các giai đoạn phát triển với độ tuổi của trẻ. Các câu hỏi mà trẻ phải trả lời [hay khủng hoảng mà trẻ phải giải quyết] ở mỗi giai đoạn phát triển có liên quan đến từng nhóm tuổi.

e) Trọng tâm phân tích thực hành

Khi có những quan ngại hoặc cáo buộc liên quan đến tình trạng khỏe mạnh của trẻ thì cần phải chú ý đến tác động của nó đến khả năng phát triển nhận thức bản thân. Trọng tâm này phải chú ý đến cả hai vấn đề sau:

- Bản thân trẻ bị ảnh hưởng như thế nào bởi tình trạng hiện tại
- Bản thân trẻ đã bị ảnh hưởng như thế nào trong quá khứ.
- Lý thuyết nhận thức bản thân của Erikson được sử dụng trong thực tiễn chuyên môn để cho phép:
- Xác định nhiệm vụ phát triển theo giai đoạn của trẻ.
- Xác định xem trẻ có hoàn thành nhiệm vụ phát triển theo từng giai đoạn không [khi có những hạn chế trong môi trường chăm sóc và/hoặc năng lực cá nhân của các em].
- Định hướng các dịch vụ để giúp các em giải quyết những ‘khủng hoảng’ khiến các em không thể hoàn thành nhiệm vụ phát triển hoặc đã thực hiện nó theo hướng tiêu cực.

Tác động của xâm hại đối với phát triển nhận thức bản thân là một trong những khía cạnh đáng lo ngại của thực hành bảo vệ trẻ em. Giống như chăm sóc tình cảm của trẻ em, chăm sóc tâm lý của trẻ về nhận thức bản thân là một trong hai nhu cầu chăm sóc quan trọng nhất của trẻ trong suốt thời thơ ấu.

Nghiên cứu quốc tế cho thấy cách trẻ [giống như người lớn] hiểu về bản thân là nền tảng của hạnh phúc bởi vì nó cho phép trẻ hoạt động phù hợp với vai trò cá nhân và xã hội.

Khi tiếp nhận và xem xét các mối quan ngại, cáo buộc xâm hại trẻ em, cán bộ BVTE nên xem xét chúng có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển CÁI TÔI của trẻ.

Phát triển bản thân này thường chỉ có thể được đánh giá thông qua biểu hiện hành vi hoặc bằng lời nói - tức là cách trẻ hành động và cách trẻ 'nói chuyện' về bản thân. Một đứa trẻ đã có trải nghiệm về xâm hại thường cho thấy sự thay đổi đáng kể trong hành vi, ví dụ:

- Một trẻ không hạnh phúc về mặt xã hội sẽ trở nên nhút nhát, thu mình và sợ hãi vì chúng không còn cảm thấy 'tốt' về bản thân [đây là bằng chứng ở những trẻ bị xâm hại tình dục]
- Một đứa trẻ học kém và thốt ra bằng lời rằng “Mình thật dốt; mình không thể học đọc được”.
- Một đứa trẻ có hành vi hung hăng và bạo lực [bắt nạt] do nhận thức bản thân kém phản ánh việc không thể phát triển ý thức tích cực về bản thân ở mỗi giai đoạn 'khủng hoảng' trong phát triển.
- Điều quan trọng cán bộ BVTE phải liên tục khẳng định với trẻ về:
- Bản sắc độc đáo và giá trị của bản thân các em.
- Các em có giá trị như một người duy nhất.
- Các em có khả năng học và hoàn thành các nhiệm vụ.

Điều quan trọng hơn nữa là các em có nhận thức bản thân tích hợp, có giá trị và có năng lực. Sự khẳng định và trấn an này sẽ có ý nghĩa hơn nếu nó được thực hiện bởi người chăm sóc, giáo viên hoặc anh chị lớn hơn mà trẻ có tình cảm gắn bó.

Lý thuyết Erikson cũng rất quan trọng cho thực hành quản lý trường hợp (QLTH) với trẻ em. Cần phải phân tích nhận thức bản thân của trẻ trong khi xây Kế hoạch và xác định các hoạt động can thiệp. Nếu Kế hoạch trường hợp không can thiệp nâng cao nhận thức bản thân của trẻ thì trẻ sẽ có nguy cơ cao tiếp tục bị tổn hại. Nếu trẻ có cái nhìn tiêu cực về bản thân thì trẻ có nguy cơ mắc bệnh tâm lý suốt đời [ví dụ: trầm cảm, tự làm hại] cũng như các vấn đề về hành vi [xúc phạm, phá vỡ mối quan hệ cá nhân].

Nếu một đứa trẻ không may có một môi trường chăm sóc không tốt khiến trẻ không giải quyết được khủng hoảng tại mỗi giai đoạn phát triển thì trong tương lai tác động tích lũy sẽ theo hướng tiêu cực do trẻ có những hiểu biết tiêu cực về bản thân. Tuy nhiên, khi hệ thống chăm sóc thay đổi và chất lượng chăm sóc được cải thiện thì trẻ sẽ có kết quả tích cực cho giai đoạn tiếp theo.

Trẻ có thể có một lịch sử phát triển bản thân tiêu cực khi những người chăm sóc chính có những biểu hiện sau đây:

Không có sự giao tiếp - Trẻ không được cung cấp những thông tin giao tiếp [bằng lời hoặc không lời] để hướng dẫn trẻ phát triển CÁI TÔI -

- Nhận dạng bản thân- Bạn là ai [Bạn là con trai tôi];
- Giá trị bản thân- Bạn có giá trị gì [Bạn rất quan trọng đối với tôi]
- Năng lực bản thân – Bạn có thể làm gì [Bạn vẽ rất giỏi].

Thiếu giao tiếp sẽ khiến trẻ có thể hiểu rằng ‘Trẻ không quan trọng và thậm chí không thể coi là một cá nhân riêng biệt’.

Có sự giao tiếp [bằng lời hoặc không bằng lời], nhưng lại đưa ra cho trẻ một thông điệp tiêu cực về bản thân:

- Nhận dạng bản thân - Bạn không phải là thành viên thực sự của gia đình này
- Giá trị bản thân - Con cái của tôi quan trọng hơn bạn
- Năng lực bản thân - Bạn không bao giờ có thể làm bất cứ điều gì đúng đắn.

2.3 Lý thuyết 3: Lý thuyết về phát triển nhận thức ở trẻ em của Jean Piaget

a) Tầm quan trọng của lý thuyết

Jean Piaget là một nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. Vào những năm 1950s và 60s ông đầu tiên nghiên cứu cách trẻ em phát triển 'tư duy' để tìm hiểu thế giới ở các giai đoạn phát triển khác nhau. Ông là người đầu tiên phát triển một trạng thái tuần tự có hệ thống về phát triển kỹ năng nhận thức [tư duy] ở các giai đoạn khác nhau trong thời kỳ thơ ấu.

Mặc dù mọi người đều biết rằng trẻ em không 'tư duy' giống như người lớn, nhưng Piaget là người đầu tiên đã chứng minh được sự khác biệt này và sự khác biệt giữa các thời kỳ trong thời thơ ấu [tức là một đứa trẻ 2 tuổi không tư duy giống như một đứa trẻ 7 tuổi hoặc một đứa 7 tuổi giống như một đứa trẻ 15 tuổi].

Lý thuyết sự phát triển nhận thức ở trẻ em của Piaget rất quan trọng cho lĩnh vực bảo vệ trẻ em bởi vì các cán bộ BVTE cần phải biết được đứa trẻ ở các độ tuổi khác nhau nhận thức và phản hồi như thế nào với xâm hại xảy ra với bản thân chúng hay với người người khác mà chúng chứng kiến.

Lý thuyết của Piaget cũng giúp cho người lớn hiểu một đứa trẻ có thể hiểu và ứng phó với nguy cơ bị xâm hại, bỏ mặc như thế nào [ví dụ: nỗi sợ hãi mất người bảo vệ do bệnh tật].

Để hiểu được lý thuyết về phát triển nhận thức ở trẻ em của Piaget thì phải phân biệt được hai thuật ngữ sau đây:

- *Năng lực nhận thức* - liên quan đến khả năng bẩm sinh. Con người được sinh ra đã có khả năng tư duy về thế giới, có khả năng suy nghĩ - ví dụ: tất cả mọi người được sinh ra đều có khả năng lái xe nhưng họ không có kỹ năng.
- *Kỹ năng nhận thức* - liên quan đến các kỹ năng cần thiết để tư duy. Để có thể tư duy về thế giới thì trẻ em phải có được các 'kỹ năng' như ngôn ngữ, khái niệm, sơ đồ.

Những gì chúng ta thường gọi là 'trí thông minh' thường được hiểu là thuật ngữ mô tả những người có kỹ năng tư duy cao hơn. Có hai cách thức chính để trẻ phát triển kỹ năng nhận thức xã hội:

- *Xã hội hóa trong gia đình và cộng đồng* – trẻ có sự tương tác về ngôn ngữ, chơi sáng tạo [đồ chơi], làm người lớn, đọc sách.

- *Giáo dục* - trường học đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kỹ năng nhận thức ở trẻ.

Piaget cho rằng tất cả mọi người sinh ra đều có khả năng suy nghĩ/tư duy nhưng rõ ràng ông cũng cho rằng sự phát triển kỹ năng nhận thức là kết quả của 'một quá trình học tập', tức là một đứa trẻ phải học các kỹ năng tư duy.

Piaget nhận ra rằng giai đoạn quan trọng cho phát triển kỹ năng nhận thức là những năm đầu đời [đến 5 tuổi] bởi vì giai đoạn này trẻ bắt đầu học các kỹ năng tư duy thông qua chơi và giao tiếp [ví dụ: chơi Duplo/Lego, giao tiếp với người lớn và trẻ lớn hơn]. Hơn thế nữa đây là thời kỳ trẻ cần hiểu văn hóa ở xung quanh mình và hình thành cách 'tư duy' về thế giới.

- “Trẻ nghĩ gì về điều đó?”
- “Tại sao con chó gầm gừ?”
- “Tại sao John lại khóc?”

Điều quan trọng cần nhớ là thuật ngữ 'nhận thức' có liên quan đến 'suy nghĩ'. 'Nhận thức' được liên kết chặt chẽ với các khía cạnh khác của hoạt động của con người như:

- Giải quyết vấn đề
- Lý luận
- Tưởng tượng
- Mô tả một hiện tượng bằng biểu tượng [ví dụ: để biểu hiện tình cảm/tình yêu thì người ta thể hiện bằng việc ôm một người/con vật].

'Nhận thức' cũng liên quan chặt chẽ đến hai khía cạnh quan trọng khác của con người:

- Những cảm xúc đã trải nghiệm
- Hành vi đã được hoặc sẽ được thực hiện

Kỹ năng nhận thức đóng một vai trò quan trọng trong việc điều tiết và quản lý cách mọi người [bao gồm cả trẻ em] phản ứng về mặt cảm xúc và cách mọi người muốn hành động thực sự [thường là kết quả của trạng thái cảm xúc].

Để hiểu được quá trình phát triển kỹ năng nhận thức ở trẻ em thì phải biết rằng con người đã sử dụng sự kết hợp hai loại 'tư duy' với nhau:

- Tư duy cụ thể - khả năng tư duy về những gì **CÓ THỂ** cảm nhận được bằng 5 giác quan [thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác]
- Tư duy trừu tượng - khả năng tư duy về những gì **KHÔNG THỂ** cảm nhận được bằng 5 giác quan [thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác]

Piaget cho biết rằng trẻ em bắt đầu học [từ 2 tuổi trở đi] các kỹ năng tư duy về thế giới là thông qua tư duy **CỤ THỂ**. Phải đến khoảng 7 tuổi, trẻ mới bắt đầu có được

những kỹ năng tư duy TRỪU TƯỢNG. Piaget cũng cho biết tư duy cụ thể là bắt nguồn từ trải nghiệm cảm giác thời thơ ấu và sau đó chuyển sang tư duy trừu tượng.

- Những trải nghiệm cảm giác có tác dụng chuẩn bị cho tư duy cụ thể.
- Tư duy cụ thể chuẩn bị cho tư duy trừu tượng.

Piaget nhận thấy sự phát triển các kỹ năng tư duy nhận thức ở trẻ em tiến triển tuần tự qua 4 giai đoạn từ khi sinh ra [đôi khi được tính là 5 do sự phân chia giai đoạn 2 thành 2 phần]. Nhưng Piaget lại cho rằng không phải tất cả trẻ em đều tuần tự trải qua 4 giai đoạn phát triển nhận thức.

Lý thuyết của Piaget cho rằng trẻ sẽ hoàn thành các giai đoạn phát triển kỹ năng nhận thức vào năm 11/12 tuổi, tức là ở độ tuổi này một đứa trẻ có cùng kỹ năng nhận thức giống như người lớn, điều này cho phép trẻ tư duy cả Cụ thể và Trừu tượng. Tuy nhiên, không có nghĩa là trẻ có thể 'nghĩ' giống như một người trưởng thành, vì một đứa trẻ 11/12 tuổi không có sự trưởng thành hay kinh nghiệm sống của một người trưởng thành.

Lý thuyết này có thể được sử dụng trong BVTE để đánh giá khả năng nuôi dạy trẻ của người lớn. Khi bản thân người lớn có kỹ năng nhận thức kém thì họ cũng có sự hạn chế về kỹ năng làm cha mẹ và vì vậy ảnh hưởng đến trách nhiệm chăm sóc trẻ.

b) Vai trò của lý thuyết đối với cuộc sống của trẻ em

Lý thuyết về sự phát triển nhận thức ở trẻ em của Piaget là một lý thuyết quan trọng cho lĩnh vực BVTE. Lý thuyết này cho phép cán bộ BVTE có thể đánh giá khả năng trẻ 'hiểu' và đối phó với tác hại của xâm hại đối với bản thân và/hoặc người khác hoặc nguy cơ bị xâm hại. Lý thuyết này cũng giúp các cán bộ xác định và xem xét tình trạng xâm hại hoặc nguy cơ từ góc độ trẻ em. Ví dụ, một người trưởng thành có thể không nhìn thấy nguy cơ người mẹ có thể bỏ rơi đứa con bởi vì người mẹ chỉ bị căng thẳng nhất thời. Tuy nhiên, một đứa trẻ 4 tuổi, do khả năng nhận thức và tư duy 'tự động' của chúng, thì hiểu tất cả các sự kiện là 'thực tế' và rủi ro bị bỏ rơi là có thật.

Lý thuyết của Piaget hướng dẫn cán bộ BVTE xem xét các khía cạnh sau đây:

- Kỹ năng nhận thức của trẻ tại thời điểm có quan ngại, cáo buộc xâm hại trẻ em.
- Làm thế nào một đứa trẻ có thể hiểu được xâm hại trẻ em.
- Làm thế nào một đứa trẻ hiểu được vai trò của chúng khi có hành vi xâm hại, ví dụ: Bởi vì tôi là một người xấu cho nên tôi bị trừng phạt.
- Tại sao các kỹ năng hiện có thể hỗ trợ trẻ [vì trẻ có thể hiểu được chuyện gì đang xảy ra] hay làm trẻ bị tổn hại [vì trẻ không thể hiểu chuyện gì đang xảy ra].
- Ảnh hưởng kỹ năng nhận thức của người lớn đến khả năng chăm sóc trẻ em.

Nhà trường học và giáo dục có vai trò quan trọng trong việc xây dựng kỹ năng nhận thức của trẻ, đặc biệt là khi trẻ không có điều kiện này trong môi trường gia đình.

c) Trọng tâm của lý thuyết

Lý thuyết của Piaget, tập trung vào bốn giai đoạn phát triển kỹ năng nhận thức ở trẻ em, đó là:

Giai đoạn 1 - thời kỳ giác động 0-2 tuổi. Tại thời kỳ này, kỹ năng 'tư duy' chưa phát triển [vì các em chưa có ngôn ngữ]. Trẻ nhận thức thế giới thông qua cảm giác về các sự vật hiện tượng cụ thể trực tiếp.

Trong thời kỳ giác động, một đứa trẻ chỉ có thể trải nghiệm thế giới ngay lập tức thông qua những gì chúng có thể nghe, nhìn, chạm, ngửi và nếm trong thế giới đó. Nếu trẻ không thể nghe, nhìn, chạm, ngửi hoặc nếm thì vật đó không tồn tại vì trẻ không thể giữ lại hình ảnh, suy nghĩ về đồ vật đó. Ở thời kỳ giác động, trẻ không có ngôn ngữ và do đó không thể dán nhãn hay đặt tên cho các đồ vật để bắt đầu quá trình tư duy và ghi nhớ đồ vật [đây là lý do tại sao trẻ nhỏ đau khổ khi người chăm sóc không có mặt bên cạnh trẻ].

Giai đoạn 2 - Thời kỳ tiền thao tác 3-6 tuổi. Giai đoạn phát triển kỹ năng nhận thức này diễn ra khi trẻ ở độ tuổi từ 3 đến 6 tuổi. Trẻ thông qua tương tác giao tiếp với người khác và qua chơi đồ chơi đã bắt đầu nhận thức thế giới cụ thể và đặt tên cho sự vật, hiện tượng. Tuy nhiên, với khả năng ngôn ngữ ở giai đoạn này trẻ chỉ có thể mô tả thế giới bằng những cụm từ, chưa thể sử dụng cấu trúc ngữ pháp để mở rộng thế giới đó.

Ở giai đoạn này, trẻ chỉ có thể sử dụng ngôn ngữ để mô tả thế giới cụ thể của mình, tức là những gì trẻ trải nghiệm được thông qua các giác quan của mình. Khi trẻ đến những năm cuối của giai đoạn này [5/6 tuổi] trẻ có thể học mô tả thế giới rộng lớn hơn bằng những từ ngữ phong phú hơn, tức là trẻ bắt đầu học tư duy trừu tượng, có nghĩa là thế giới có thể được 'hiểu' và 'xem xét' vượt quá những gì chúng trải nghiệm thông qua các giác quan của mình. Một đặc điểm quan trọng của giai đoạn này là 'tư duy' của trẻ về thế giới có thể được tập hợp thành các lược đồ hoặc các phạm trù tư duy.

Mỗi một phạm trù tư duy đều có một số lược đồ và giữa các lược đồ có mối quan hệ với nhau tạo thành giàn giáo tư duy cụ thể và trừu tượng cho trẻ ở hiện tại và trong tương lai. Đây là lý do tại sao việc đọc sách cho trẻ em dưới 5 tuổi là rất quan trọng vì nó làm tăng số lượng các lược đồ tư duy của trẻ. Một người có thể học các lược đồ tư duy trong suốt cuộc đời của mình, tuy nhiên những năm đầu đời là học với số lượng nhiều nhất.

Trong giai đoạn này, trẻ không chỉ có 'tư duy' cụ thể mà còn có tư duy 'tự kỷ'. Tư duy tự kỷ là một thuật ngữ được sử dụng để mô tả một đứa trẻ tư duy 'duy kỷ' [người lớn dường như không phát triển tư duy này sau Giai đoạn 2. Một người thiếu sự đồng cảm cũng có thể thể hiện tư duy duy kỷ].

Tư duy duy kỷ xảy ra khi một đứa trẻ chỉ có thể nghĩ về thế giới từ quan điểm thuận lợi của chúng. Tư duy duy kỷ của trẻ thường bị phụ huynh/những người chăm sóc khác hiểu sai là 'ích kỷ'.

Piaget cho rằng tư duy tự kỷ không phải là sự ích kỷ, mà là giai đoạn tự nhiên của sự phát triển kỹ năng nhận thức ở trẻ nhỏ, khi trẻ chỉ có thể tham khảo thế giới thông qua thế giới của riêng của các em.

Một ví dụ điển hình về tư duy tự kỷ ở trẻ nhỏ trong Giai đoạn 2 xảy ra khi một đứa trẻ được yêu cầu trốn khi chơi trò chơi trốn tìm. Một đứa trẻ trong Giai đoạn này thường sẽ che mắt bằng tay và cho rằng vì chúng không thể nhìn thế giới mà thế giới không thể nhìn thấy chúng.

Giai đoạn 3 - Thời kỳ thao tác cụ thể từ 7-11 tuổi. Giai đoạn phát triển kỹ năng nhận thức này xảy ra khi trẻ trong giai đoạn từ 7 đến 11/12 tuổi. Trong giai đoạn này, trẻ phát triển các kỹ năng suy nghĩ theo nghĩa trừu tượng để suy nghĩ về những gì chúng không thể trải nghiệm được qua các giác quan của mình.

Khả năng tư duy trừu tượng là một khía cạnh quan trọng trong tư duy của người lớn. Khi một đứa trẻ học cách suy nghĩ trừu tượng, đứa trẻ có thể trải nghiệm thế giới không chỉ cụ thể mà quan trọng hơn nhiều là trừu tượng. Khả năng này giúp trẻ tư duy về thế giới rộng lớn, về những gì trẻ không thực sự trải nghiệm bằng các giác quan của mình.

Khi một đứa trẻ học cách tư duy trừu tượng, đứa trẻ có thể di chuyển trong suy nghĩ của chúng từ:

- Cụ thể đến trừu tượng
- Cụ thể đến cụ thể
- Trừu tượng đến cụ thể
- Trừu tượng đến trừu tượng

Giai đoạn 4 - Thời kỳ thao tác chính thức 12 tuổi trở lên. Tại giai đoạn này, trẻ có khả năng nhận thức của người lớn, tuy nhiên như đã lưu ý ở trên rằng một đứa trẻ đạt đến Giai đoạn 4 nhưng không có nghĩa là trẻ đã có sự trưởng thành hay kinh nghiệm sống như người lớn.

Điều quan trọng cần nhớ là Piaget không đưa ra giả thuyết rằng ngay cả khi trẻ phát triển đến GIAI ĐOẠN 4, thì các cấp độ kỹ năng nhận thức của tất cả trẻ em là như nhau. Mặc dù một nhóm trẻ em có thể 'hoàn thành' kỹ năng ở giai đoạn 4, nhưng phạm vi và độ sâu của các kỹ năng nhận thức là khác nhau. Có những trẻ có khả năng tư duy trừu tượng toán học cao hơn, có khả năng viết văn trừu tượng hoặc tư duy kỹ thuật bậc cao.

d) Khái niệm chính của lý thuyết

Piaget đã đưa ra 2 khái niệm rất quan trọng cho công tác BVTE để tìm hiểu những gì đang diễn ra với trẻ tại thời điểm có quan ngại hay hành vi xâm hại:

Lược đồ nhận thức - Lược đồ là một hệ thống phân loại tư duy. Sự phân loại này là khung của tư duy của con người. Khung tư duy có thể được coi là phạm trù tư duy được liên kết với nhau bởi các cực và nền tảng.

- Các lược đồ rất quan trọng cho tư duy nhận thức [đặc biệt là tư duy trừu tượng] vì chúng cung cấp các danh mục cho tư duy. Ví dụ, một động vật có lông và bốn chân sủa gâu gâu là một phần của lược đồ có tên là CHÓ CÚN.
- Trẻ em dần dần học được một động vật có lông và bốn chân kêu meo meo không phải là một con chó mà là một lược đồ khác gọi là MÈO.
- Chất lượng tư duy nhận thức của chúng ta có liên quan đáng kể đến số lượng lược đồ [đặc biệt là các lược đồ liên quan đến thế giới trừu tượng] chúng ta học được ở thời thơ ấu và ở tuổi trưởng thành.
- Số lượng lược đồ cho phép chúng ta xử lý tư duy: Ví dụ khi chúng ta trải nghiệm điều gì đó trong cuộc sống [cụ thể hoặc trừu tượng], chúng ta có thể tìm kiếm giữa các lược đồ đã biết để thử và hiểu về nó. Nếu chúng ta không thể tìm thấy một lược đồ có sẵn trong thư viện lược đồ của mình, các kỹ năng tư duy của chúng ta sẽ tìm kiếm lược đồ mới để giải thích và hiểu thế giới của chúng ta.

Chuyển hoá thông tin - Là một kỹ năng tư duy cho phép trẻ em hoặc người lớn chuyển đổi suy nghĩ về thông tin, cho phép một phần thông tin được trẻ em hoặc người lớn chuyển đổi thành thông tin khác. Tư duy của con người đòi hỏi một 'sự chuyển đổi' liên tục thông tin từ trạng thái này sang trạng thái khác.

Một trẻ chỉ có được kỹ năng chuyển hóa thông tin khi đến Giai đoạn 3. Chuyển hoá thông tin là quá trình chuyển đổi một phần thông tin sang một phần thông tin khác, ví dụ:

Ví dụ, thông tin - Có một xe cứu thương và cảnh sát và một đám đông xung quanh hai chiếc xe ô tô

Chuyển đổi 1 - Đã xảy ra một vụ tai nạn

Chuyển đổi 2 - Một số người có thể đã bị thương

Chuyển đổi 3 - Tôi là một điều dưỡng

Chuyển đổi 4 - Có thể họ cần sự trợ giúp về y tế

Chuyển đổi 5 - Tôi nên cố gắng giúp.

Kỹ năng chuyển hóa thông tin có thể khác nhau đáng kể giữa người lớn và giữa trẻ em, mặc dù hầu hết trẻ em và người lớn sẽ có mức độ tối thiểu về năng lực kỹ năng nhận thức chuyển hóa nghĩa là họ có thể chuyển đổi một số lượng nhỏ thông tin [đặc biệt với thông tin cụ thể]. Kỹ năng nhận thức cao hơn cho phép các cá nhân chuyển tải thông tin nhiều lần trong suốt quá trình liên tục.

e) *Trọng tâm phân tích trong thực hành*

Khi có những quan ngại hoặc cáo buộc liên quan đến phát triển khỏe mạnh ở trẻ em, có hai lĩnh vực trọng tâm được lý thuyết nhận thức của Piaget chỉ ra liên quan đến trẻ và liên quan đến những người lớn quan trọng trong cuộc sống của trẻ:

Phát triển nhận thức của trẻ:

- Mức độ phát triển nhận thức của trẻ
- Yếu tố tác động đến phát triển kỹ năng nhận thức của trẻ - một trẻ không phát triển các kỹ năng nhận thức phù hợp do các vấn đề về môi trường chăm sóc của trẻ [bạo lực, nghèo đói]
- Yếu tố tác động đến cách trẻ hiểu về tác hại [hoặc nguy cơ gây hại] những trải nghiệm xâm hại trẻ em

Chức năng nhận thức của người lớn:

- Mức độ phát triển nhận thức của người lớn
- Tác động của mức độ nhận thức đến chức năng chăm sóc trẻ em của người lớn.

Lưu ý cuối cùng về lý thuyết

Điều quan trọng trong tất cả các hoạt động chuyên môn là nhận thức được vai trò quan trọng của kiến thức lý thuyết trong việc cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp. Tất cả các cán bộ BVTE cần phải có nền tảng kiến thức lý thuyết để hiểu và định hướng thực hành của họ.

Kiến thức chuyên môn về bảo vệ trẻ là một phần quan trọng trong cam kết phục vụ chuyên nghiệp đối với nhóm người dễ bị tổn thương của cán bộ BVTE chuyên nghiệp và các cán bộ phối hợp trong một hệ thống liên ngành.

PHẦN III. NHẬN BIẾT TRƯỜNG HỢP XÂM HẠI TRẺ EM

1. Nhận biết các hình thức xâm hại trẻ em

Xâm hại trẻ em là hành động có chủ đích xâm phạm tới những tiêu chuẩn về chăm sóc và bảo vệ trẻ em và gây ra những tổn hại tức thời hoặc lâu dài hoặc nguy cơ tổn hại tới trẻ.

Một thực tế là khi một đứa trẻ bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại thì đều có tác động tiêu cực đến sự phát triển của trẻ không chỉ trong hiện tại mà còn trong tương lai. Tác động trong tương lai ảnh hưởng tới triển vọng và trải nghiệm cuộc sống của trẻ. Các cuộc nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng hành vi xâm hại trẻ em có liên quan mật thiết đến sự phát triển não bộ kém.

Xâm hại trẻ em gây ra 05 loại tổn hại đối với trẻ em [Luật trẻ em 2016]. Mặc dù mỗi hình thức xâm hại kéo theo một loại tổn hại cụ thể, nhưng các hình thức xâm hại thường liên quan chặt chẽ với nhau. Do đó, khi một hình thức xâm hại được xác định là loại hình chính, thì cũng có thể kéo theo các hình thức xâm hại khác. Ví dụ, từ góc độ chuyên môn, việc xâm hại tình dục trẻ em cũng thường xảy ra đồng thời với xâm hại thể chất nhưng không phải lúc nào cũng vậy; và xâm hại tình dục cũng luôn kéo theo vấn đề xâm hại tâm lý và tình cảm. Sau đó, điều này thường dẫn đến hình thức xâm hại về mặt xã hội, khiến trẻ cảm thấy mình là người không có giá trị trong xã hội vì đã bị tấn công tình dục và nhiều trẻ còn tự trách bản thân.

Xâm hại thể chất: Xâm hại thể chất được xác định là cố tình gây thương tích đối với cơ thể trẻ. Điều này có thể là hậu quả của một hành động – trẻ bị bỏng; và hậu quả của việc không thực hiện hành động - không cho trẻ ăn uống hoặc cung cấp chỗ ở.

Xâm hại thể chất thực hiện bởi người lớn nhiều tuổi hơn hoặc trẻ em lớn tuổi hơn [thường là trẻ sắp thành niên] cũng có thể gây ra cảm giác lo sợ ở trẻ và do đó có liên quan đến xâm hại tâm lý và cảm xúc.

Đe dọa về xâm hại thể chất có thể có gây ra các tác động tới trẻ tương tự như việc thực tế gây tổn hại thể chất cho trẻ. Khi bị đe dọa, trẻ sẽ sống trong trạng thái sợ hãi và lo lắng, đó cũng chính là xâm hại tâm lý và cảm xúc. Trẻ em sống trong các gia đình hay xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, có thể vừa chứng kiến tình trạng xâm hại thể chất đối với người mẹ hoặc thành viên khác trong gia đình, vừa lo sợ rằng chính các em cũng sẽ bị xâm hại.

Xâm hại tâm lý, tình cảm: là một hình thức xâm hại đáng lo ngại nhưng thường khó có được bằng chứng. Xâm hại tâm lý là hình thức xâm hại nhắm vào sự tự ý thức về BẢN THÂN của trẻ.

- Hình ảnh/bản sắc bản thân - Tôi là người như thế nào?
- Giá trị bản thân - Tôi có giá trị gì?
- Năng lực bản thân - Tôi có thể làm gì?

Tồn hại tới từng khía cạnh trong ba khía cạnh về ý thức BẢN THÂN nêu trên có thể xảy ra do hậu quả của việc một người và đôi khi là những người khác [bạn đồng trang lứa và bắt nạt] thực hiện một trong hai hành động sau:

- *Hành động 1*: Thực hiện bằng lời nói hoặc hành động mang tính xúc phạm đối với trẻ:

- + Con không có hình ảnh tốt đẹp
- + Con không có giá trị gì tốt đẹp
- + Con không thể trở thành người có năng lực

- *Hành động 2*: Không có lời nói hay hành động trực tiếp ám chỉ về ý thức bản thân của trẻ; nhưng thông qua lời nói và hành động gián tiếp để cho trẻ thấy rằng trẻ là người không có bản sắc cá nhân, không có giá trị và không có năng lực.

Xâm hại tình cảm là khi trẻ không được người mà trẻ yêu thương quan tâm đến mình.

Những người làm công tác chuyên môn cho rằng đây là một hình thức xâm hại đáng lo ngại nhất đối với trẻ em trong tất cả hình thức xâm hại trẻ em.

Theo nghiên cứu của John Bowlby [1969, 1973, 1980a], trẻ em được sinh ra với nhu cầu được chăm sóc và yêu thương [trích dẫn lời của Freud].

Nếu trẻ không nhận được sự yêu thương và quan tâm, trẻ sẽ bắt đầu thấy mình là một người không ‘xứng đáng’ với tình yêu thương và sự quan tâm [có lẽ mình có điều gì đó không ổn].

Trường hợp nghiêm trọng hơn đó là khi trẻ bị xâm hại tình cảm, những tổn hại về mặt cảm xúc thường kìm hãm sự phát triển về sự nhận thức và quan tâm đến người khác, ví dụ: ‘Nếu tôi không được yêu thương, tôi không thể yêu thương người khác].

Chứng kiến bạo lực gia đình [là khi trẻ em nhìn thấy và nghe thấy một thành viên khác trong gia đình bị bạo hành, đặc biệt là đối tượng mà trẻ gắn bó tình cảm, ví dụ: mẹ, ông bà, anh chị em] cũng sẽ gây cho trẻ những tổn thương về tâm lý và tình cảm cùng với nỗi sợ hãi, lo lắng. Từ khía cạnh chuyên môn, việc chứng kiến bạo lực gia đình phải được xem xét và ứng phó tương đương như khi trẻ là người bị hại trực tiếp.

Xâm hại tình dục: là khi trẻ tham gia vào hoạt động tình dục. Sự tham gia này có thể là:

- *Chủ động hoặc thụ động* - trẻ là đối tượng chịu tác động của người khác hoặc chủ động thực hiện hành động đối với người khác

- *Thể chất hoặc phi thể chất* – trẻ bị xâm hại tình dục thông qua đụng chạm cơ thể hoặc không qua đụng chạm cơ thể [bằng lời nói, quan sát].

Xâm hại tình dục trẻ em có tỷ lệ thông báo thấp hơn so với bỏ rơi, bỏ mặc và xâm hại thể chất, tuy nhiên do tính chất của hành vi phạm tội và tác động về mặt thể chất và

tới sự phát triển của trẻ, xâm hại tình dục trẻ em được các cơ quan cung cấp dịch vụ coi là một trong những hình thức có nguy cơ cao nhất trong công tác BVTE.

Mặc dù các thành viên trong gia đình vẫn là nhóm có nguy cơ cao nhất trong các vụ xâm hại tình dục trẻ em, sự phát triển của Internet đã làm gia tăng hành vi xâm hại tình dục cả về chủ động và thụ động đối với trẻ em. Vấn đề này đang đặt ra thách thức lớn đối với lực lượng cảnh sát và những người cung cấp dịch vụ BVTE trong việc ứng phó với các trường hợp.

Một xu hướng đáng lo ngại trên toàn thế giới đó là sự gia tăng tình trạng xâm hại tình dục giữa trẻ em với trẻ em, đặc biệt là trong một gia đình [làm tăng nguy cơ không tiết lộ vấn đề]. Ước tính có 1/3 trường hợp xâm hại tình dục trẻ em là do những trẻ em khác gây ra. Điều đáng lo ngại là ước tính vấn đề này có thể tăng lên 50% trong vòng 5 năm tới.

Bóc lột sức lao động trẻ em vì mục đích thương mại: là khi sức lao động của trẻ em bị sử dụng để phục vụ cho lợi ích của người lớn, khi đó trẻ phải làm các công việc không phù hợp với sự phát triển của trẻ [thay vì đó trẻ em cần được đến trường].

Bóc lột trẻ em vì mục đích thương mại là một vấn đề phức tạp trong công tác BVTE, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, đây là những nơi mà lao động trẻ em thường được coi là một yếu tố quan trọng trong việc trang trải chi phí của một gia đình. Vấn đề này cũng đòi hỏi nhiều sự cân nhắc mang tính chuyên môn. Ví dụ trong trường hợp một đứa trẻ 8 tuổi làm việc trong một nhà máy và không được đi học, điều này rõ ràng đã vi phạm luật pháp Việt Nam về lao động trẻ em. Tuy nhiên, trong một trường hợp khác, khi trẻ em [đặc biệt là các trẻ em gái] không được đến trường mà chăm sóc các em để cha mẹ đi làm, thì trường hợp này khó xác định hơn.

Các biện pháp can thiệp cần tập trung giải quyết các vấn đề kinh tế mà gia đình phải đối mặt để giảm bớt nhu cầu cần trẻ em lao động và tạo điều kiện cho các em đến trường.

Bỏ rơi, bỏ mặc: là khi 06 nhu cầu chăm sóc của trẻ không được đáp ứng theo cách phù hợp về mặt xã hội thông qua một hoặc cả hai hình thức sau:

- Thiếu sự quan tâm và đáp ứng những nhu cầu này một cách thích hợp
- Có ý từ chối trách nhiệm nuôi dạy con cái/ làm người chăm sóc.

Bỏ rơi, bỏ mặc là hình thức xâm hại trẻ em phổ biến nhất và như đã được ghi nhận là thường liên quan đến tình trạng nghèo đói trong môi trường chăm sóc.

Nhưng không phải tất cả các trường hợp bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em đều là do đói nghèo gây ra. KHÔNG phải tất cả các gia đình hoặc người chăm sóc sống trong đói nghèo đều bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em. Nhiều gia đình sống trong nghèo khó vẫn chăm sóc con cái theo cách phù hợp với xã hội, mặc dù họ có thể không tiếp cận được với những nguồn lực mà các gia đình hoặc môi trường chăm sóc khác có được.

Trong những thập kỷ gần đây, nhiều trường hợp bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em *có liên quan* đến lạm dụng ma túy/ chất có cồn và trong một số trường hợp là các bệnh tâm thần, tuy nhiên hoàn cảnh này cũng không coi là nguyên nhân trực tiếp gây ra vấn đề bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em.

Về biện pháp can thiệp bảo vệ trẻ em, vấn đề bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em chủ yếu được giải quyết thông qua phúc lợi xã hội và nâng cao năng lực của môi trường chăm sóc của trẻ.

Bảng. Chỉ báo về xâm hại trẻ em

| Hình thức ngược đãi | Chỉ báo về thể chất | Chỉ báo về hành vi |
|----------------------------|---|--|
| Xâm hại thể chất | <p>Trẻ có những vết bầm, tổn thương thể chất mà không thể giải thích được,</p> <p>Trẻ có dấu vết các chấn thương thể chất khác (đang liền sẹo).</p> <p>Có dấu vết bị đánh bởi đồ vật, ví dụ roi, thắt lưng, hoặc dây điện.</p> <p>Trẻ có vết bồng trên cơ thể</p> <p>Có các dấu vết khác nhau trên các vùng cơ thể.</p> <p>Trẻ có những vết cắt hoặc xước trên cơ thể mà không giải thích được.</p> | <p>Trẻ không xuất hiện trong một khoảng thời gian</p> <p>Trẻ mất liên lạc khỏi người lớn</p> <p>Hành vi thái quá – Gây hấn hoặc thu mình</p> <p>Sợ về nhà</p> <p>Ngăn ngại việc cho người khác thăm nhà</p> <p>Trẻ tố cáo bị gây thương tổn bởi bố mẹ.</p> <p>Gia tăng lo âu kể cả với những hoạt động bình thường như ăn, ngủ, sử dụng nhà vệ sinh</p> <p>Trẻ sợ cha mẹ</p> |
| Xâm hại tâm lý | | <p>Trẻ không có khả năng nhận thức về bản thân mình</p> <p>Trẻ tự cho mình là không có giá trị, vô dụng và không quan trọng.</p> <p>Trẻ không thấy hành vi của mình có tác động gì tới thế giới xung quanh.</p> |

| | | |
|-----------------------------|---|--|
| <p>Xâm hại tình cảm</p> | | <p>Trẻ dường như vô cảm</p> <p>Trẻ phản ứng cảm xúc với người khác một cách không phù hợp</p> <p>Trẻ thể hiện sự đòi hỏi về mặt cảm xúc đối với người khác</p> |
| <p>Xâm hại tình dục</p> | <p>Trẻ gặp khó khăn trong việc thực hiện các hoạt động thể chất như đi lại hoặc ngồi.</p> <p>Trẻ có vết rách, chảy máu hoặc vết thâm dưới quần áo.</p> <p>Trẻ bị ngứa, hoặc không thoải mái vùng ngoài BPSD âm đạo hoặc hậu môn.</p> <p>Trẻ có biểu hiện của các bệnh lây truyền qua đường TD</p> | <p>Trẻ thể hiện hành vi gợi ý tình dục với người lớn</p> <p>Trẻ không sẵn sàng tham gia các hoạt động thể chất, như chơi thể thao trong trường, tắm.</p> <p>Hành vi của trẻ thoái lui so với nhóm tuổi.</p> <p>Trẻ có những hiểu biết về tình dục không phù hợp với sự phát triển của trẻ.</p> <p>Quan hệ của trẻ với bố mẹ và bạn bè không tốt.</p> <p>Trẻ tố cáo đã bị tấn công tình dục.</p> <p>Trẻ thể hiện những sự tương tượng liên quan tới TD.</p> |
| <p>Bóc lột sức lao động</p> | <p>Tổn thương về thể chất</p> <p>Ăn mặc hoặc hành động già dặn hơn bạn cùng tuổi</p> | <p>Tham gia vào các hoạt động mua bán tình dục</p> <p>Biết các khu vực mua bán TD</p> <p>Có nhiều tiền hơn bình thường</p> <p>Được bảo kê bởi người lớn</p> |
| <p>Bỏ rơi, bỏ mặc</p> | <p>Trẻ bị bỏ đói</p> <p>Trẻ không được vệ sinh sạch sẽ</p> <p>Trẻ mặc đồ không phù hợp với thời tiết, độ tuổi hoặc giới tính.</p> <p>Trẻ không được quan tâm về sức khỏe, có vấn đề về thể chất như bị phát ban ngoài da.</p> <p>Trẻ bị ruồng bỏ</p> | <p>Trẻ xin hoặc lấy trộm đồ ăn</p> <p>Trẻ lờ đờ, lơ đãng hoặc ngủ gật</p> <p>Trẻ không thể chỉ ra ai là người chăm sóc trẻ</p> <p>Trẻ tấn công trẻ khác khi thấy có nhiều thứ hơn mình, ví dụ đồ ăn, tình yêu hoặc bạn bè.</p> |

Mặc dù chúng ta thường “nhận thấy” có những quan ngại [lo lắng] về một đứa trẻ, nhưng không phải lúc nào quan ngại đó cũng có nghĩa trẻ bị xâm hại.

Đôi khi có những dấu hiệu rõ ràng như:

- Trẻ bị xâm hại tình dục
- Trẻ có những vết thương thể chất không phải tai nạn
- Trẻ có biểu hiện chấn động tâm lý hoặc chối bỏ cảm xúc rõ rệt

Đôi khi một hành động có thể được diễn giải theo hai hướng:

1. Hành vi đó là “bình thường” [đi kèm ảnh hưởng của những hành vi này] và cũng có thể là xâm hại
2. Không bình thường và có quan ngại đáng kể.

Ví dụ:

- Trẻ bị gãy tay có thể là do tai nạn hoặc không phải tai nạn.
- Bắt nạt có thể là “Bình thường” khi nó chỉ biểu hiện dưới dạng tranh cãi, quan điểm khác biệt và đe dọa nhẹ [ví dụ: Tôi sẽ không chơi với bạn nữa] giữa trẻ em với nhau và có thể là xâm hại trẻ em khi nó biểu hiện dưới dạng quấy rối, đe dọa nghiêm trọng và đã có hành động xảy ra.

Các đặc tính *thông thường* giúp xác định một mối quan ngại về nhu cầu chăm sóc của trẻ là một cáo buộc về ngược đãi trẻ em

| | |
|--|--|
| <p><i>Tính nghiêm trọng</i></p> <p>Biểu hiện qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy định luật pháp. Ví dụ: xâm hại tình dục trẻ em được xét vào xâm hại trẻ em. 2. Các thông tin cho thấy hoặc dường như cho thấy mức độ nghiêm trọng của những gì đã xảy ra. 3. Cảm nhận chủ quan về một hành vi là sai trái nghiêm trọng. | <p><i>Hành vi thiếu sót</i></p> <p>Thông tin dường như cho thấy rằng một người khác [người lớn/trẻ em] một cách có ý thức có hành vi thiếu sót và có thể nhận thấy được rằng hành vi thiếu sót đó có thể mang lại hậu quả nghiêm trọng</p> |
| <p><i>Quan ngại về nguy cơ</i></p> <p>Các thông tin dường như cho thấy trẻ có thể bị tổn hại hoặc tổn hại thêm lần nữa nếu không có can thiệp nào được thực hiện.</p> | <p><i>Cảm nhận</i></p> <p>Cảm nhận chủ quan rằng có điều gì đó không ổn với trẻ.</p> |

* Chú ý: Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trong trường học không đưa ra quyết định cuối cùng về những gì có thể xảy ra với một đứa trẻ. Tuy nhiên, họ có vai trò quan

trọng trong việc tư vấn cho cán bộ BVTE và UBND như: Tôi quan ngại đây có thể là một trường hợp bảo vệ trẻ em dựa trên những gì tôi đã thấy, đã nghe. Đồng thời có thể cung cấp cho cán bộ BVTE và UBND các quan điểm, lập luận của mình vì sao “đây là một trường hợp xâm hại trẻ em?”.

2. Tìm hiểu nguyên nhân gây ra tình trạng xâm hại trẻ em

Tổn hại hoặc nguy cơ đối với trẻ em có nguyên nhân xuất phát từ một loạt các hành động [hoặc không hành động] đối với trẻ em.

Để tìm hiểu nguyên nhân tại sao những người trong Môi trường Chăm sóc trẻ em [hoặc những người được cho là sẽ chăm sóc trẻ em, ví dụ: cha mẹ ruột] không tạo điều kiện phù hợp và đảm nhận việc chăm sóc, đảm bảo an toàn và bảo vệ trẻ em, thì người làm công tác BVTE phải tìm hiểu rất nhiều thông tin:

Tính chủ đích:

- Hành động không chủ ý:
 - + Phần lớn những người gây tổn hại cho trẻ em không có chủ ý gây tổn hại cho trẻ em, tuy nhiên những tổn hại vẫn xảy ra.
- Hành động có chủ ý:
 - + Một số người gây tổn hại cho trẻ em bằng những kế hoạch có trước.
 - + Xâm hại trẻ em được gây ra bởi hành động có chủ ý thì có khả năng tái diễn cao hơn nhằm làm hại cùng một đứa trẻ hoặc những trẻ khác.

Điều kiện kinh tế-xã hội: Những gia đình có điều kiện kinh tế hay những gia đình không có điều kiện kinh tế đều có thể gây tổn hại cho trẻ. Tuy vậy, chúng ta biết rằng cần đề tâm hơn đến những gia đình có điều kiện kinh tế khó khăn.

Mối quan hệ giữa người lớn và trẻ em: Một người có thể xâm hại một đứa trẻ mà họ có mối quan hệ gắn bó tình cảm [ví dụ, họ không có phương pháp giáo dục trẻ mặc dù họ yêu đứa trẻ], cũng như với đứa trẻ mà họ không có kết nối tình cảm [ví dụ với một trẻ khuyết tật mà họ không có tình cảm].

Những hành động mà một người có thể thực hiện: Những người xâm hại trẻ em có thể thực hiện một loạt các hành động dẫn đến tổn hại cho trẻ. Một số hành động này có thể mang tính *chủ động* [có ý thực hiện hành động] hoặc *thụ động* [không có ý thực hiện hành động].

Các hành động cố ý có thể liên quan đến *thể chất* [đánh đập trẻ em], hoặc *lời nói* [đưa ra những câu nói tiêu cực về đứa trẻ, “bố/mẹ/cô/chú... không bao giờ yêu con, không bao giờ muốn có con”, hay thể hiện qua cử chỉ [nhìn không yêu thương, không chạm hoặc ôm trẻ], hay không đáp ứng, phớt lờ nhu cầu của trẻ như việc trẻ bị ốm và cần chăm sóc, điều trị y tế, không cho trẻ ăn uống.

Khả năng thay đổi: Những người xâm hại hoặc có nguy cơ xâm hại trẻ em có sự sẵn sàng và khả năng thay đổi suy nghĩ, cảm xúc và hành vi ở mức độ khác nhau. Đối với

một số người, ‘tác động mạnh mẽ’ của cá nhân hay tổ chức [cơ quan bảo vệ trẻ em, cảnh sát] có thể khiến họ thay đổi. Tuy nhiên, không phải lúc nào những người xung quanh cũng biết được hành vi sai trái mà đối tượng đã làm bởi vì người ta cho rằng đó là việc của người khác.

3. Đối tượng xâm hại trẻ em

Hầu hết các hành vi xâm hại trẻ em xảy ra trong môi trường chăm sóc của trẻ, đặc biệt là môi trường gia đình. Các thành viên trong gia đình có nhiều khả năng chính là đối tượng xâm hại trẻ em đơn giản chỉ vì:

+ Họ có thể tiếp cận trẻ

+ Giữ bí mật trong gia đình - nói chung những vấn đề xảy ra trong một gia đình thường được giữ kín trong gia đình. Một số “*đối tượng*” thực hiện hành vi xâm hại trẻ em gồm:

+ Phụ nữ trong gia đình có nhiều khả năng:

- Xâm hại thể chất trẻ em

- Xâm hại tình cảm và tâm lý trẻ em

- Bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em.

+ Nam giới trong gia đình có nhiều khả năng xâm hại tình dục trẻ em. Ví dụ, anh ruột, anh họ, chú bác có nguy cơ xâm hại tình dục trẻ em nhỏ tuổi.

+ Nam giới trong cộng đồng có nhiều khả năng xâm hại tình dục trẻ em.

+ Nam giới không có quan hệ ruột thịt với trẻ [bạn trai của mẹ] có nguy cơ xâm hại thể chất và xâm hại tình dục trẻ em nhiều hơn.

Sự ra đời Internet gần đây đã tạo điều kiện cho các đối tượng có thể tiếp cận và gây tổn hại cho trẻ em. Điều này đang bắt đầu thay đổi loại ĐỐI TƯỢNG được xác định là có nguy cơ gây hại cho trẻ em.

Ngoài ra, một số nhóm trẻ em có nguy cơ bị xâm hại cao hơn so với những trẻ khác, gồm:

+ Trẻ khuyết tật

Có nguy cơ bị xâm hại hoặc bỏ rơi, bỏ mặc cao gấp 2 lần

Trẻ em gái khuyết tật có nguy cơ bị tấn công tình dục cao gấp 3 lần

+ Trẻ em không có người gắn kết tình cảm để được chăm sóc

+ Trẻ có người gắn kết tình cảm, nhưng sự gắn kết đó mang tính có điều kiện liên quan đến việc chăm sóc, đảm bảo an toàn và bảo vệ trẻ em [nghĩa là người chăm sóc đặt ra một số điều kiện cụ thể như: Tôi sẽ làm nếu tôi muốn vậy, nếu đứa trẻ học giỏi, nếu điều đó làm tôi hạnh phúc, nếu tôi có tiền, nếu tôi có ma túy].

PHẦN IV. THÔNG BÁO TRƯỜNG HỢP XÂM HẠI TRẺ EM

1. Bối cảnh thực hiện thông báo trường hợp xâm hại trẻ em ở trong nhà trường

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học không thể lúc nào cũng có thể phát hiện một cách kịp thời trẻ em, học sinh bị xâm hại hay có nguy cơ bị xâm hại. Phần lớn những quan ngại hay tố cáo liên quan đến vấn đề trẻ em lại đến từ các thành viên trong nhà trường. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần dựa vào các thành viên trong nhà trường để nhận biết và tiếp nhận các thông tin liên quan đến nghi vấn và cáo buộc xâm hại trẻ em.

Cán bộ, nhân viên trong nhà trường, bao gồm các cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ em, học sinh, cha mẹ là *'tai mắt'* cho công tác bảo vệ trẻ em trong nhà trường và họ sẽ là người thông báo các vụ việc hoặc những quan ngại về xâm hại trẻ em cho cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH.

Người thông báo không nhất thiết phải thực hiện các công việc chuyên môn về BVTE cũng như không có trách nhiệm phải xác định xem trẻ em, học sinh có bị xâm hại hay không, bởi đây là công việc của cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học và UBND xã. Nhưng người thông báo vẫn cần tham gia và thực hiện quy trình thông báo.

Vai trò thông báo của các thành viên là rất quan trọng và nó phụ thuộc rất nhiều vào sự tin tưởng đối với cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học. Khi người thông báo nhận thấy họ đã thông báo rồi mà cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học “chưa làm gì cả”, nhiều khả năng họ sẽ không nỗ lực theo đến cùng vụ việc mà họ thông báo, cũng như không thông báo nữa nếu họ tiếp tục nhìn thấy hay nghe thấy các vấn đề xâm hại trẻ em trong tương lai. Một rắc rối nữa là những người này còn có thể bày tỏ sự không tin tưởng đối với cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học và cả hệ thống thông báo và hệ thống dịch vụ BVTE của cộng đồng.

Để các thành viên thực sự tin tưởng và thực hiện công việc thông báo nhiều hơn, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần đảm bảo các yếu tố sau đây:

- Có quy định rõ ràng về vai trò, nhiệm vụ BVTE cho cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học.

- Có quy trình chính thức xử lý, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học và các thành viên phải có năng lực phù hợp với vai trò, trách nhiệm của mình. Ví dụ, các thành viên có vai trò tiếp xúc với trẻ và học sinh phải có kiến thức và kỹ năng phát hiện và thông báo trường hợp xâm hại trẻ em. Người làm CTXH trường học cần có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và toàn diện để tiếp nhận và thực hiện các bước xử lý, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại.

2. Thực hiện thông báo trường hợp xâm hại trẻ em và học sinh

Khi có một hay nhiều cá nhân có quan ngại hay chứng kiến những hành vi gây ảnh hưởng đến lợi ích của trẻ em, học sinh thì cần phải thông báo sự việc này cho cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học.

Luật trẻ em (2016), Nghị định 56 (2017) và Nghị định 130 (2021) đều có các quy định thông báo bắt buộc về các vụ việc hoặc quan ngại liên quan đến xâm hại trẻ em. Những người bắt buộc thông báo bao gồm:

- + Các thành viên trong gia đình, cộng đồng
- + Người làm công tác có tiếp xúc với trẻ em em như giáo viên, bác sĩ, y tá, nhân viên công tác xã hội
- + Trẻ em [thường các em tiết lộ cho người khác, sau đó người này thực hiện thông báo; hoặc trẻ em lớn hơn tự thông báo về trường hợp của chính mình]

Theo Nghị định 56, các cơ quan tiếp nhận thông báo bao gồm: UBND cấp xã, cơ quan LĐTBXH các cấp, cơ quan công an các cấp, Tổng đài quốc gia BVTE 111. Nghị định 56 cũng có các quy định về bảo mật các thông tin và bảo vệ những người thông báo trường hợp trẻ em bị xâm hại.

Trên thực tế, không phải mọi thành viên trong trường học có thể thực hiện thông báo một cách nhanh chóng cho 04 cơ quan tiếp nhận của chính phủ [nói trên]. Có rất nhiều yếu tố có thể cản trở họ thông báo trực tiếp cho các cơ quan chức năng, ví dụ vấn đề về tâm lý, quan ngại về an toàn, khả năng tiếp cận v.v. Theo nghiên cứu, khi các cá nhân đã có ý định thông báo cho cơ quan chức năng, nhưng nếu họ không thể nhanh chóng thực hiện quyết định thông báo, họ sẽ lại do dự và cuối cùng họ KHÔNG thông báo. Trong những trường hợp như vậy, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ là một lựa chọn tốt cho họ bởi vì họ có sự tin tưởng.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học phải được trang bị những kiến thức, kỹ năng để nhận biết các dấu hiệu về xâm hại trẻ em để có thể sử dụng các dấu hiệu này để đối chiếu xác định xem:

- + Trường hợp này có đáng lo ngại không?
- + Tại sao lại lo ngại?
- + Đây có phải là trường hợp xâm hại trẻ em không? Có bằng chứng nào? [ví dụ dấu hiệu nào?]
- + Đây có phải là trường hợp về vấn đề phúc lợi xã hội? Có bằng chứng nào? [ví dụ dấu hiệu nào?]

Một trường hợp trẻ em bị xâm hại thường có lo ngại về việc trẻ em bị tổn hại hoặc có nguy cơ bị tổn hại. Tuy nhiên, không phải tất cả các trường hợp có tổn hại đều liên quan đến vấn đề xâm hại trẻ em. Ví dụ như một người vợ góa chồng có hai con nhỏ là cặp song sinh, người mẹ này vì gặp vấn đề tài chính và quá thương tiếc người đã khuất nên có thể không chăm lo cho con được đầy đủ.

Mặc dù có những quan ngại về việc người mẹ có thể không chăm sóc cho cặp song sinh, nhưng hiện tại bà ấy vẫn đang thực hiện trách nhiệm chăm sóc cho hai đứa trẻ. Những trường hợp như vậy cần phải được hỗ trợ về chính sách xã hội và các dịch vụ phù hợp. Tuy nhiên, nếu người mẹ luôn đánh đập con nghiêm trọng do trầm cảm và thương nhớ người chồng thì đây lại là mối lo ngại về vấn đề BVTE và khả năng trẻ bị tổn thương.

Trong nhiều trường hợp, chính vì các vấn đề liên quan đến phúc lợi xã hội mà có thể dẫn đến các vấn đề về BVTE. Để giải quyết vấn đề BVTE thì cần có sự can thiệp của cả dịch vụ phúc lợi xã hội và dịch vụ BVTE. Mặc dù nó xuất phát từ vấn đề phúc lợi xã hội, các trường hợp trẻ em có nguy cơ hoặc bị tổn hại này cần được thông báo ngay. Các vấn đề liên quan đến BVTE cần được giải quyết trước những vấn đề liên quan đến phúc lợi xã hội, đặc biệt với trường hợp có nguy cơ cao.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể đặt ra câu hỏi sau:

Trẻ có được chăm sóc, an toàn và bảo vệ phù hợp với sự phát triển của trẻ không?

- Nếu trẻ không được chăm sóc, an toàn và bảo vệ thì:

+ Nhu cầu nào của trẻ không được đáp ứng?

+ Bằng chứng nào cho thấy nhu cầu này không được đáp ứng?

+ Bằng chứng nào cho thấy trẻ có thể bị tổn hại vì không được đáp ứng nhu cầu này?

Các bằng chứng chính là những câu trả lời và sẽ được sử dụng làm căn cứ quyết định thông báo. “Bằng chứng” càng nhiều [dựa vào các dấu hiệu], thì quá trình quyết định càng dễ dàng; “Tôi cần báo cáo việc này”.

Có hai loại Thông báo như sau:

- Tô cáo - khi có bằng chứng rõ ràng việc trẻ em, học sinh bị tổn hại (ví dụ “*Bố con khi say đánh vào đầu con, nói rằng đáng lẽ ra con phải là con trai*”) (trích lời bé gái 8 tuổi). Bằng chứng này được đưa ra bởi chính bản thân trẻ hoặc người có quan hệ gần gũi với trẻ hoặc người làm công tác chuyên môn [ví dụ giáo viên, bác sĩ].

- Quan ngại - xuất hiện khi bằng chứng chưa thực sự rõ ràng, nhưng vẫn có sự lo lắng về sự việc có thể xảy đến với trẻ em, học sinh - là những quan ngại của cá nhân. Mặc dù hệ thống có quá tải về số lượng các thông báo thì vẫn khuyến khích gửi thông báo cho dù họ không chắc chắn. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ tiến hành đánh giá sàng lọc các thông báo này (cẩn thận vẫn hơn - không nên bỏ qua những nghi ngờ).

Lời khuyên ‘cẩn thận vẫn hơn’ là bởi vì dịch vụ BVTE không phải chỉ do một cá nhân thực hiện. Thông báo chỉ là mắt xích khởi đầu của một quy trình ứng phó phức tạp có sự tham gia của cả những người làm công tác chuyên môn khác và tình nguyện viên. Nếu cá nhân cảm thấy không chắc chắn, thì việc thông báo sẽ giúp họ mở rộng kiến thức kiến thức và kỹ năng để xác định chuyện xảy ra với trẻ. Nếu kết luận cho thấy

đây không phải là trường hợp xâm hại trẻ em thì cũng không có nghĩa là người thông báo đã “sai” hay nhầm lẫn. Có thể sẽ có kết luận khác khi người làm công tác BVTE có thêm thông tin.

3. Tiến trình thực hiện thông báo

Thông báo là một quá trình mà Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH thực hiện có chủ đích khi có quan ngại hoặc tố cáo về vấn đề xâm hại trẻ em. Tiến trình thông báo này có năm bước đơn giản và dễ hiểu. Những người thông báo cần phải được hướng dẫn sử dụng 5 bước này để ứng phó khi có quan ngại hay cáo buộc về vấn đề BVTE. Năm bước của quy trình thông báo trường hợp bao gồm:

Bước 1: Chú ý tới những nhu cầu chưa được đáp ứng của trẻ về chăm sóc, an toàn và bảo vệ.

Bước 2: Thu thập thông tin về nhu cầu chăm sóc trẻ cần quan tâm, có thể là một quan ngại hoặc cáo buộc.

Bước 3: Đánh giá thông tin để quyết định xem có thông báo cho CTXH trường học hay không.

Bước 4: Quyết định báo cáo quan ngại hoặc cáo buộc này cho CTXH trường học.

Bước 5: Thực hiện thông báo cho cán bộ BVTE.

Quá trình thực hiện 05 bước thông báo, cần sử dụng các kiến thức về nhu cầu chăm sóc của trẻ em và xâm hại trẻ em. Các nhu cầu chăm sóc của trẻ cần được hiểu kỹ lưỡng, không chỉ nhằm thực hiện hiệu quả quy trình thông báo mà còn để hiểu cách chăm sóc trẻ phù hợp với sự phát triển của trẻ.

Bảng. Hướng dẫn 05 bước thực hiện thông báo

| Tên bước | Trọng tâm | Nhiệm vụ | Ví dụ | Lời khuyên thực tiễn |
|--------------|--|--|---|--|
| B1: Chú ý | Những điểm cần chú ý: Trẻ em không được đáp ứng một hoặc nhiều nhu cầu chăm sóc phù hợp với sự phát triển. Trẻ em không được đáp ứng một hoặc nhiều nhu cầu chăm | Nhiệm vụ 1: Cần quan tâm đến tất cả trẻ em mà mình có tiếp xúc. Nhiệm vụ 2: Cần lưu ý khi cảm thấy có điều bất thường xảy ra với trẻ. Nhiệm vụ 3: Luôn tự hỏi bản thân - “Tại sao mình lại | Một cậu bé 10 tuổi tiếp cận một người bạn của mẹ mình khi người bạn đó ghé qua nhà tìm mẹ cậu. Cậu bé biết người bạn đó và gọi người phụ nữ là “cô”. Mẹ cậu bé đang đi chợ, người bạn | Lời khuyên 1: Trách nhiệm cơ bản của người thông báo là thông báo về tình trạng chăm sóc, an toàn và BVTE. [Cha mẹ có thể gặp phải một số vấn đề, nhưng đây KHÔNG THỂ là lý do để cha mẹ không đáp ứng trẻ theo nhu cầu chăm |

| | | | | |
|--|--|--|---|---|
| | <p>sóc phù hợp với sự phát triển do bị tổn hại hoặc có nguy cơ bị tổn hại.</p> | <p>thấy điều này bất thường?”</p> <p>Nhiệm vụ 4: Chú ý ngay lập tức đến trẻ đó nếu có quan ngại nghiêm trọng hoặc theo dõi trong một thời gian nếu thấy chưa chắc chắn.</p> <p>Nhiệm vụ 5: Xây dựng bức tranh tổng quan về điều đang diễn ra -</p> <p>Tình huống mà bạn nghe/nhìn thấy được - Thời gian? Địa điểm? Ai có mặt tại thời điểm đó? Ai đã nói điều gì? Hành vi của trẻ như thế nào? Cảm xúc của trẻ ra sao? Ngôn ngữ của trẻ như thế nào?</p> | <p>quyết định ngồi chờ đến khi người mẹ quay lại.</p> <p>Cậu bé chần chừ nán lại bên người phụ nữ. Thấy thế người phụ nữ liền hỏi: “Sao thế cháu?”.</p> <p>Cậu bé bắt đầu kể: <i>“Đêm qua cháu đá dâm, mẹ cháu cởi hết quần áo của cháu, đuổi cháu ra trước cửa nhà rồi bảo cháu đứng đấy. Mẹ để cháu đứng ở đó đến sáng. Mẹ nói rằng mẹ đang dạy cháu một bài học là không được đá dâm, và mẹ cháu rất tức giận vì phải giặt lại chăn ga.</i></p> <p><i>Theo lời cậu bé, người mẹ thường xuyên làm chuyện đó được một thời gian dài rồi. Năm 8 tuổi, bà cậu đã cố gắng khuyên nhủ người mẹ đừng làm như vậy, nhưng người mẹ lại tức giận và bảo bà đừng xen vào.</i></p> | <p>sóc cơ bản, an toàn và bảo vệ].</p> <p>Lời khuyên 2 Luôn chú ý đến trẻ không có nghĩa là bạn phải tìm ra các vấn đề về BVTE.</p> <p>Phần lớn trẻ em đều được chăm sóc tốt trong môi trường gia đình, do đó được đảm bảo an toàn và bảo vệ.</p> <p>Luôn chú ý đến trẻ là để phát hiện sớm trường hợp trẻ không được chăm sóc đầy đủ. Khi đã phát hiện ra trường hợp như vậy bạn càng cần phải chú ý hơn nữa.</p> <p>Lời khuyên 3: Khi bạn có quan ngại hoặc lo lắng trước một tình huống liên quan đến trẻ em, đừng bỏ qua suy nghĩ hoặc phản ứng ban đầu này của mình.</p> <p>Lời khuyên 4: Khi bạn có quan ngại [ví dụ trẻ có thể đang bị xâm</p> |
|--|--|--|---|---|

| | | | |
|--|--|---|---|
| | | <p><i>Cậu bé xin người phụ nữ đừng kể những gì mình nói cho mẹ biết, nếu không mẹ cậu sẽ lại tức giận”.</i></p> <p>Người phụ nữ biết mẹ cậu bé là một góa phụ và đang chăm lo cho 2 đứa trẻ [cậu bé còn một em gái 8 tuổi].</p> <p>Cả nhà đang sống cùng bà ngoại.</p> <p>Thường thì mối quan ngại về vấn đề BVTE xuất hiện khi môi trường chăm sóc xung quanh trẻ không bình thường.</p> <p>Người kể thấy lo lắng vì đó không phải là cách hành xử phù hợp với sự phát triển của trẻ trong trường hợp trẻ đái dầm.</p> <p>Theo lời của người này, bà ấy nhận thấy cậu bé trông rất buồn khi kể chuyện, như thể sắp khóc.</p> | <p>hại], KHÔNG NÊN ngay lập tức can thiệp và nói chuyện với cha mẹ/người chăm sóc. Hành động như vậy có thể khiến những người liên quan trong cuộc sống của trẻ biết rằng trẻ đã kể sự việc cho ai đó.</p> <p>Thông thường, những trẻ em bị xâm hại cũng bị đe dọa nếu kể sự việc cho người khác biết.</p> <p>Nếu trẻ nói với người khác về hành vi xâm hại của họ, trẻ sẽ bị đe dọa.</p> <p>Khi có hành vi không bình thường xảy ra liên quan đến BVTE, hành động không suy nghĩ thấu đáo từ phía bạn có thể khiến vấn đề trầm trọng hơn và gia tăng rủi ro cho trẻ và/hoặc người lớn.</p> |
|--|--|---|---|

| | | | | |
|--------------------------|---|---|---|--|
| <p>B2: Thông tin</p> | <p>Sở dĩ có các thông báo là vì ai đó đã có những quan ngại hoặc bằng chứng về xâm hại trẻ em. Thông báo thường tập trung nhiều hơn vào tình huống hiện tại:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo có thể là từ chính nạn nhân hoặc từ một người quen biết. Thông tin thường bao gồm những nội dung về thời gian, địa điểm và cách thức mà họ biết được những thông tin đó. 2. Thông tin nhân khẩu học liên quan tới trẻ. 3. Thông tin nhân khẩu học liên quan tới Hệ thống Chăm sóc và Gia đình. 4. Thông tin liên quan đến lo ngại hoặc cáo buộc về nhu cầu | <p>Nhiệm vụ 1: Thu thập thông tin liên quan đến Nhu cầu chăm sóc của trẻ và thông tin đề cập đến việc trẻ đã bị Xâm hại.</p> <p>Nhiệm vụ 2 Việc thu thập thông tin được diễn ra thông qua sử dụng các giác quan- <i>Lắng nghe</i> - nghe và suy nghĩ về những gì được nói ra.</p> <p>Một số sự việc khiến bạn nghi ngờ khi lắng nghe, nhưng không phải là tất cả - mọi người ghi nhận sự việc đó nhưng lại không trao đổi trực tiếp với trẻ em.</p> <p><i>Quan sát</i> - quan sát trẻ và những trẻ khác ở bên cạnh trẻ - đặc biệt là những người trong Hệ thống Chăm sóc và Gia đình]. Lưu ý rằng quan sát thường là phương thức chính để đánh giá xem trẻ có được đáp ứng Nhu cầu chăm sóc không. [60% giao tiếp của</p> | <p>Người bạn ghé chơi nhà tiếp nhận thông tin về cậu bé 10 tuổi chủ yếu thông qua lắng nghe và quan sát đứa trẻ.</p> <p>Người phụ nữ cố gắng trực tiếp ghi nhớ những gì cậu bé kể về phản ứng của mẹ khi cậu bé đái dầm.</p> <p>Chị đã lắng nghe và quan sát xem các nhu cầu về thân thể, tâm lý, cảm xúc, xã hội, nhận thức và đạo đức của cậu bé được đáp ứng như thế nào -</p> <p><i>Về thân thể</i> - bị đuổi ra ngoài trong tình trạng không có gì để mặc, không thể ngủ được.</p> <p><i>Về tâm lý</i> - người mẹ nói cậu bé hư vì đã đái dầm. Việc bị đuổi ra khỏi nhà trong tình trạng không có gì để mặc khiến cậu bé xấu hổ.</p> <p><i>Về cảm xúc</i> - người mẹ nói cậu bé không được</p> | <p>Lời khuyên 1: Tránh đặt ra quá nhiều câu hỏi để lấy thông tin - đứa trẻ có thể cảm thấy như bị tra khảo, hãy cố gắng im lặng và chờ xem trẻ [hay người lớn] có chia sẻ thêm không.</p> <p>Nếu trẻ tiếp tục im lặng, hãy động viên trẻ chia sẻ bằng cách nói “Cô/chú thấy hình như cháu có điều gì muốn nói - cháu có muốn nói với cô/chú không?”</p> <p>Đừng lo nếu trẻ chia sẻ ít. Nếu bạn lo lắng, hãy nhớ tới lời khuyên này và làm theo quy trình thông báo. Không nhất thiết phải có thật nhiều thông tin cho một Thông báo.</p> <p>Lời khuyên 2 Tránh đặt ra những “<i>câu hỏi dẫn dắt</i>”, trong đó câu trả lời đã được gợi ý sẵn, ví dụ như: “Bố cháu đâm vào mắt cháu khi nào?”. Đây là</p> |
|--------------------------|---|---|---|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|---|
| | <p>chăm sóc không được đáp ứng.</p> <p>5. Thông tin liên quan đến rủi ro trước mắt.</p> <p>Cần nhớ rằng không phải lúc nào cũng thu thập được tất cả thông tin cần thiết.</p> <p>Trẻ em thường nói với người lớn: “Có điều xấu xảy ra với con”, và từ chối nói thêm bất cứ điều gì. ĐỪNG BAO GIỜ bắt trẻ phải nói thêm - sự im lặng của trẻ cũng phần nào nói lên những gì đã xảy ra.</p> <p>Trấn an trẻ rằng người lớn có thể giúp đỡ, chẳng hạn như giáo viên, cán bộ BVTE và công an.</p> | <p>con người là phi ngôn ngữ]</p> <p><i>Ngủi</i> - những trẻ bị bỏ rơi, bỏ mặc thường không được đáp ứng nhu cầu về sinh, cơ thể và quần áo thường có mùi.</p> <p><i>Tiếp xúc</i> - đôi khi trẻ em bị xâm hại thường phản ứng [hoặc cố gắng phản ứng] khi bị động chạm.</p> <p>Vấn đề về động chạm có thể xảy ra theo hai hướng đối nghịch nhau.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trẻ nhỏ thường tiếp nhận sự động chạm [ôm hoặc nép gần vào một người để tìm sự an toàn về thể chất]. 2. Trẻ lớn hơn và từng bị xâm hại thường không muốn động chạm và tránh né nếu người lớn cố chạm vào trẻ. <p>Nhiệm vụ 3: Luôn suy nghĩ về các Nhu cầu chăm sóc của trẻ - đôi khi những Nhu cầu không đánh giá</p> | <p>thương hay an ủi vì đã đái dầm.</p> <p><i>Về xã hội</i> - thông qua việc đuổi con ra khỏi nhà, người mẹ nói rằng cậu bé không phải là thành viên của gia đình chỉ vì đái dầm.</p> <p><i>Về đạo đức</i> - cậu bé nhận thức rằng việc xa lánh và xua đuổi là hành vi ứng xử được xã hội chấp nhận.</p> | <p>một câu hỏi dẫn dắt trong trường hợp bạn không chắc:</p> <p>Mắt của trẻ có bị thương do bị đấm không.</p> <p>Người cha có gây tổn hại cho đứa trẻ không.</p> <p>Bạn chỉ có thể nhắc tới thông tin này nếu trước đó thông tin được chia sẻ với bạn.</p> <p>Lời khuyên 3 Khi đặt câu hỏi, hãy sử dụng những câu hỏi chung chung như: “<i>Chuyện gì đã xảy ra?</i>”; “<i>Cháu có thể kể thêm được không?</i>”.</p> <p>Lời khuyên 4: Cần biết khi nào thì dừng việc lấy thông tin - khi bạn đã có đủ thông tin về:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều bắt thường đã xảy ra. 2. Bạn đã hiểu mỗi lo ngại là gì, v.d: trẻ bị đuổi ra khỏi nhà vào giữa đêm trong tình |
|--|--|--|---|---|

| | | | | |
|--|--|---|--|---|
| | <p>Trần an trẻ [cũng như người lớn] rằng họ đã làm đúng khi nói với người khác.</p> <p>Lắng nghe và quan sát xem liệu trẻ có lo lắng do ai đó đe dọa sẽ gây tổn hại tới trẻ hoặc người khác nếu trẻ kể ra sự việc không.</p> <p>Lắng nghe xem liệu trẻ có lo lắng cho trẻ em khác không [thường là em trai hoặc em gái], trẻ có đề cập tới nguy cơ nào liên quan đến những trẻ đó không.</p> <p>Lắng nghe kĩ xem ai là người bảo vệ trong môi trường chăm sóc của trẻ.</p> | <p>được, nhưng vẫn nên cân nhắc, sau đó thì loại trừ nếu không có đủ thông tin liên quan:</p> <p><i>Chăm sóc thể chất</i> - đánh giá bề ngoài xem trẻ trông như thế nào [thương tích, kích cỡ so với độ tuổi, sức khỏe, quần áo]?</p> <p><i>Chăm sóc tâm lý</i> - đánh giá xem trẻ phản ứng như thế nào về bản thân?</p> <p><i>Chăm sóc cảm xúc</i> - đánh giá trạng thái cảm xúc của trẻ [v.d: buồn, sợ hãi] như thế nào?</p> <p><i>Chăm sóc xã hội</i> - Xem trẻ có những mối quan hệ xã hội nào - với gia đình, anh chị em, bạn bè đồng trang lứa?</p> <p><i>Chăm sóc nhận thức</i> - Trẻ xử lý thông tin và hiểu những gì xảy ra quanh mình ra sao?</p> <p><i>Chăm sóc đạo đức</i> - Hành vi của trẻ như thế nào khi làm theo những kỳ vọng của xã hội?</p> | | <p>trạng không quần áo.</p> <p>Lời khuyên 5: Nói chung, hãy tránh việc ghi lại lời tường thuật trước mặt một người [đặc biệt là trẻ em]. Ghi chép như vậy thường sẽ làm người đó lo lắng hơn về việc tiết lộ thông tin.</p> <p>Lời khuyên 6: Hãy ghi lại thông tin sau đó - dưới dạng các ghi chú nhỏ. Điều quan trọng là ghi lại những câu trích dẫn quan trọng.</p> |
|--|--|---|--|---|

| | | | | |
|-----------------|---|--|--|---|
| | | <p>Nhiệm vụ 4: Chú ý lắng nghe những thông tin quan trọng do trẻ em hoặc người lớn cung cấp, đồng thời cố nhớ từng lời họ nói [sau đó cố gắng ghi lại thật nhanh lời tường thuật để không quên]. Khi đề cập đến lời tường thuật, luôn sử dụng trích dẫn trực tiếp bằng cách sử dụng dấu ngoặc kép.</p> | | |
| B3: Đánh giá | <p>Phân tích thông tin liên quan đến nhu cầu chăm sóc, an toàn và bảo vệ của trẻ để từ đó đưa ra các kết luận:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ý nghĩa của các thông tin nhận được là gì? 2. Có liên quan gì đến giá trị xã hội, luật pháp và chính sách [chấp nhận được hay không chấp nhận được]? | <p>Nhiệm vụ 1: Xác định những thông tin chính [Điều gì thực sự quan trọng, đáng chú ý tới và tại sao?] liên quan đến các Nhu cầu chăm sóc.</p> <p>Nhiệm vụ 2 Luôn chú ý đến nhu cầu chăm sóc của trẻ và dấu hiệu về xâm hại trẻ em. Các thông tin thu nhận được có gợi ý về các nội dung này không?</p> <p>Hãy nhớ rằng những người làm công tác chuyên môn sẽ thực hiện đánh giá toàn diện,</p> | <p><i>Dựa trên những gì cậu bé nói với tôi:</i></p> <p>Cậu bé nói rằng khi đi dạo vào ban đêm, cậu bé bị bắt lột hết quần áo và đuổi ra khỏi nhà cho đến sáng.</p> <p>Cậu bé nói việc này đã xảy ra trong một thời gian dài.</p> <p>Cậu bé nói “Cháu là đứa trẻ hư”.</p> <p>Cậu bé đề cập rằng bà của cậu đã cố can thiệp.</p> <p><i>Dựa trên những gì tôi quan sát:</i></p> | <p>Lời khuyên 1 Tiếp tục tư duy và hành động bởi vì bạn không thể khẳng định “SỰ THẬT” về những gì đứa trẻ nói hay những gì bạn quan sát thấy. Hãy đưa ra đánh giá của mình dựa trên những thông tin đã có.</p> <p>Nguyên tắc là thông tin ban đầu về những quan ngại và cáo buộc phải được coi là “THẬT” cho đến khi có bằng chứng ngược lại khi được điều tra.</p> <p>Lời khuyên 2</p> |

| | | | | |
|--|--|---|---|--|
| | | <p>đặc biệt là đánh giá rủi ro. Bạn chỉ cố gắng xác định những điều bất thường ở đây và cơ sở đưa ra kết luận.</p> <p>Nhiệm vụ 3 Từ các nhu cầu chăm sóc và dấu hiệu về xâm hại trẻ em, rút ra kết luận dựa trên thông tin thu nhận được, v.d: Trẻ có bị tổn hại không? Trẻ có đang gặp rủi ro không? Trẻ có bị chối bỏ không?</p> <p>Dựa trên ý nghĩa của thông tin để đưa ra đánh giá của mình - Điều này có được chấp nhận trong xã hội Việt Nam hay không?</p> <p>Đôi khi, những hành vi mà người làm công tác BVTE coi là không chấp nhận được [v.d: đánh trẻ em vì trẻ học không tốt] thì lại được một số nhóm người trong xã hội chấp nhận.</p> <p>Nhiệm vụ 4</p> | <p>Cậu bé có vẻ rất sợ mẹ.</p> <p>Cậu bé không muốn mẹ biết cậu đã kể chuyện này.</p> <p>Kết luận về ý nghĩa thông tin mà tôi đưa ra:</p> <p>Nhu cầu chăm sóc của cậu bé về mặt thể chất, tâm lý và cảm xúc không được đáp ứng một cách phù hợp.</p> <p>Cậu bé đang bị tổn hại.</p> <p>Cậu bé đang gặp nguy cơ tiếp tục bị tổn hại.</p> <p>Cậu bé đang bị xâm hại về mặt thể chất, cảm xúc và tâm lý.</p> <p>Cậu bé đang bị bỏ mặc về mặt thể chất.</p> <p>Kết luận cuối cùng là những gì xảy ra với cậu bé HOÀN TOÀN KHÔNG ỔN.</p> | <p>Bạn không có trách nhiệm điều tra tình hình và chứng minh sự thật trước khi bạn báo cáo.</p> <p>Việc điều tra rất phức tạp và có rủi ro đối với trẻ hoặc có thể đối với nhân viên, vì vậy việc điều tra cần được thực hiện bởi người làm công tác chuyên môn có thẩm quyền thuộc UBND.</p> <p>Không được thảo luận đánh giá về vấn đề này với người khác. Phải tuân theo quy tắc Bảo mật có điều kiện trong quá trình đánh giá, v.d: bạn chỉ tiết lộ thông tin với những người có thẩm quyền thực hiện các ứng phó và can thiệp chuyên môn [v.d: Người làm công tác BVTE, Công an, Cơ quan dịch vụ y tế].</p> <p>Lời khuyên 3 Không được tiết lộ những gì bạn biết</p> |
|--|--|---|---|--|

| | | | | |
|-------------------|--|---|--|---|
| | | <p>Dựa trên kiến thức cá nhân và ý nghĩa của thông tin để đưa ra đánh giá. Nếu không chắc chắn, hãy liên hệ người làm công tác BVTE để thảo luận.</p> <p>Nhiệm vụ 5 Xem xét liệu các thông tin và phân tích có cho thấy trẻ đang gặp nguy hiểm hay không, v.d: trẻ đang đối mặt với nguy cơ thiệt mạng hoặc bị thương nặng.</p> <p>Nếu bạn kết luận trẻ sắp gặp nguy hiểm, liên lạc với công an ngay lập tức, cũng như cơ quan dịch vụ y tế (nếu có thương tích xảy ra) và thông báo cho người làm công tác BVTE sớm nhất có thể.</p> | | <p>với người bị cho là vi phạm. Hành động đó có thể gia tăng nguy cơ cho trẻ, các trẻ khác, những người chăm sóc khác hoặc chính bản thân bạn.</p> <p>Lời khuyên 4 Hãy ghi nhớ Tuyên bố của LHQ về Quyền trẻ em và trách nhiệm của mỗi người trong việc hành động vì lợi ích tốt nhất của trẻ khi nhận ra trẻ có nguy cơ bị tổn hại. Điều này đồng nghĩa rằng bạn phải tư duy và hành động.</p> |
| B4: Ra quyết định | <p>Ra quyết định là hoạt động then chốt để biến suy nghĩ thành hành động cần thiết.</p> <p>Trên thế giới, chúng ta đã biết khi trẻ em bị thiệt mạng hay bị</p> | <p>Nhiệm vụ 1 Hãy tự đặt câu hỏi sau: <i>“Sự việc có đáng lo ngại đến mức phải cần có người kiểm tra đưa trẻ hay không?”</i></p> <p>Nhiệm vụ 2</p> | <p>Tôi đã đưa ra đánh giá và kết luận của riêng mình. Tôi lo ngại về vấn đề này.</p> <p>Tôi lo rằng nếu không ai kiểm tra thì cậu bé sẽ tiếp</p> | <p>Lời khuyên 1 Trẻ em không thể tự hành động, ngay cả khi trẻ em nhận thức được điều đang xảy ra với mình là không đúng [v.d: xâm hại tình dục].</p> |

| | | | | |
|--|---|--|---|--|
| | <p>thương nặng do hệ quả của xâm hại thì đa phần là nhu cầu của trẻ em không được đáp ứng một cách phù hợp. Tuy nhiên, rất ít người thể hiện mối lo ngại này với cơ quan BVTE, v.d: họ chưa biến suy nghĩ thành hành động để bảo vệ quyền lợi của trẻ em.</p> | <p>Nếu câu trả lời là “CÓ”, hãy nói với bản thân - “<i>Tôi sẽ báo cáo thông tin này tới người làm công tác BVTE hoặc một người làm công tác chuyên môn khác</i>”. [người này sau đó sẽ báo lại cho người làm công tác BVTE].</p> | <p>tục bị đối xử như vậy.</p> <p>Nếu tôi không hành động, tôi sẽ luôn lo lắng và băn khoăn liệu cậu bé có ổn không.</p> <p>Tôi sẽ gọi điện để báo chuyện này cho người làm công tác BVTE.</p> | <p>Trẻ em không chia sẻ chuyện này với ai [nhiều trẻ em thực tế làm như vậy] không có nghĩa trẻ muốn hành vi đó tiếp tục.</p> <p>Lời khuyên 2 Nhiều trẻ em bị xâm hại và cũng bị hăm dọa nếu kể sự việc cho một người lớn khác.</p> <p>Lời khuyên 3 Trẻ em đưa ra quyết định dựa vào người lớn.</p> <p>Lời khuyên 4 Hãy luôn giữ vững niềm tin rằng hành động của bạn là đúng đắn.</p> <p>Nếu chứng minh được rằng trẻ không bị xâm hại, điều đó không có nghĩa hành động của bạn là thừa.</p> <p>Lời khuyên 5 Một khi bạn nhận ra một đứa trẻ có nguy cơ bị tổn hại về thể chất hoặc tinh thần, bạn KHÔNG THỂ vờ như không biết. Đứa trẻ đó có thể</p> |
|--|---|--|---|--|

| | | | | |
|-----------------|---|---|--|---|
| | | | | không phải là con bạn hay một đứa trẻ bạn quen biết, nhưng trẻ em có quyền được chăm sóc, an toàn và bảo vệ. |
| B5: Báo cáo: | <p>Báo cáo là quá trình truyền tải thông tin, phân tích và đánh giá [người làm công tác BVTE cần biết bạn hiểu như thế nào về các thông tin đã nghe và nhìn thấy], vì người thông báo là có mặt ở đó.</p> <p>Những chú ý khi thông báo cho người làm công tác BVTE hay người làm chuyên môn khác:</p> <p><i>Theo thứ tự</i> - thông tin quan trọng nhất đưa ra trước.</p> <p><i>Cô đọng</i> - trình bày thông tin then chốt một cách nhanh chóng.</p> <p><i>Khách quan</i> - thông tin được thông báo phải là</p> | <p>Nhiệm vụ 1</p> <p>Khi liên lạc với người làm công tác BVTE [qua văn bản hay điện thoại], cần ngay lập tức đề cập tới thông tin về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bản thân • Vấn đề chính • Trẻ em. <p>Nhiệm vụ 2</p> <p>Thông báo cho người làm công tác BVTE về những điều bạn phát hiện. Cung cấp thông tin theo trình tự thời gian.</p> <p>Cần nói rõ cho người làm công tác BVTE thông tin được lấy như thế nào:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Có phải đưa trẻ hoặc một thành viên trong gia đình chủ động liên lạc trước không? • Thông tin được thu thập trong bối cảnh như | <p>Hãy bắt đầu bằng cuộc gọi tới người làm công tác BVTE.</p> <p><i>Xin chào, tôi là ...</i></p> <p>1. <i>Bản thân</i> “Tôi sống ở Tôi là bạn của mẹ cậu bé. Số điện thoại liên lạc của tôi là [một số người thông báo có thể không muốn cung cấp thông tin này]</p> <p>2. <i>Vấn đề chính</i> “Tôi muốn trao đổi về một cậu bé 10 tuổi mà tôi quen, cậu bé bị đuổi ra khỏi nhà vào giữa đêm trong tình trạng không quần áo chỉ vì đói dầm”. [Đề cập ngay nếu mức độ rủi ro ở mức độ nguy hiểm tức thì].</p> <p>3. <i>Đứa trẻ</i> Tên [nếu biết]</p> | <p>Lời khuyên 1</p> <p>Hãy nghĩ trước xem bạn sẽ truyền đạt thông tin gì cho người làm công tác BVTE.</p> <p>Lời khuyên 2</p> <p>Không nên đưa ra quan điểm cá nhân [đánh giá chuyên môn sẽ khác với quan điểm cá nhân], v.d: Đánh giá “Người mẹ không phải là người tốt” là một quan điểm cá nhân.</p> <p>Lời khuyên 3</p> <p>Cần phải nhận thức rõ phản ứng cảm xúc của bạn trước thông tin về đứa trẻ. Người lớn chúng ta ai cũng đều có cảm xúc buồn bã, tức giận, hay bất lực trước những tổn hại mà trẻ em phải chịu.</p> <p>Cho người làm công tác BVTE biết cảm xúc của</p> |

| | | | | |
|--|---|---|--|--|
| | <p>những gì được nghe, nhìn, ngửi, cảm thấy.</p> <p><i>Trích dẫn</i> - đưa ra những trích dẫn rõ ràng cho cán bộ BVTE. Cán bộ sẽ thường hỏi - “Chính xác thì đứa trẻ đã nói gì?”, để xác nhận đây là một câu trích dẫn.</p> | <p>thế nào? V.d: Khi người mẹ không có nhà.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tình trạng cảm xúc hay hành vi của đứa trẻ (hoặc người lớn) ra sao? • Đứa trẻ (hoặc người lớn) có sẵn sàng cung cấp thêm thông tin không? Hay họ ngừng chia sẻ? <p>[Điều này rất quan trọng khi thông tin chỉ được thu thập qua quan sát bởi vì đứa trẻ/người lớn thu mình lại và không tiết lộ thêm thông tin].</p> | <p>Tuổi Địa điểm.</p> <p>Những thông tin trên sẽ giúp người làm công tác BVTE nhanh chóng hình dung được tình hình và điều tra thêm vụ việc bằng cách đặt thêm câu hỏi cho bạn.</p> <p>Nói thêm việc làm thế nào bạn biết được vụ việc: “Hôm qua tôi ghé qua nhà thăm người mẹ nhưng chị ta không có nhà. Chỉ có con trai [là cậu bé] ra mở cửa. Cậu bé biết tôi và mời tôi vào nhà đợi vì mẹ cậu sắp về. Tôi ngồi được khoảng 15 phút thì cậu bé ra khỏi phòng riêng và ngồi cạnh tôi. Cậu cứ ngồi và không nói gì trong 5 phút. Tôi hỏi cậu bé tình hình học tập ra sao? - Cậu bé không trả lời. Khuôn mặt cậu bé trông đầy lo âu và như sắp khóc.</p> | <p>bạn - điều quan trọng chúng ta phải biết chúng ta là một phần của một hệ thống chung, hoạt động để BVTE, điều này cũng giúp chúng ta vượt qua những nỗi buồn và khó khăn trong công tác BVTE.</p> |
|--|---|---|--|--|

| | | | | |
|--|--|--|---|--|
| | | | Tôi hỏi có chuyện gì thế. Rồi cậu bé kể với tôi những gì xảy ra vào đêm qua. | |
|--|--|--|---|--|

Một số kỹ năng khi giao tiếp với trẻ em:

Khi nói chuyện với trẻ em về nhu cầu chăm sóc hay vấn đề về xâm hại, cần nhớ rằng:

- Đừng hứa sẽ giữ bí mật - cách trả lời hợp lý khi một đứa trẻ hay người lớn yêu cầu giữ bí mật thông tin là:
 - o “Những gì cháu vừa [hoặc sắp] nói cho thầy cháu hoặc có ai đó đang bị tổn hại, nên cô/chú và cán bộ cần giúp đỡ để đảm bảo an toàn cho cháu hoặc người đó”.
 - o Nếu đứa trẻ hay người lớn cho biết họ sẽ không chia sẻ trừ khi bạn hứa giữ bí mật, đừng cố đi sâu vào vấn đề - hãy nói rằng bạn không thể giữ lời hứa đó. Ngay lập tức gửi Thông báo cho người làm công tác BVTE và thông báo rằng đứa trẻ hoặc người lớn yêu cầu giữ bí mật [đây là dấu hiệu có mối lo ngại về BVTE - đặc biệt đối với trẻ em đang tìm kiếm sự giúp đỡ [điều này thường đồng nghĩa với việc trẻ đã bị hăm dọa nếu kể sự việc].
- Để cho trẻ kể lại sự việc theo tốc độ và tư duy của riêng mình.
- Không nên hỏi những câu hỏi dẫn dắt - hãy đặt ra những câu hỏi mở, v.d: Cháu cảm thấy như thế nào về việc đó?
- Tập trung chú ý vào trẻ, tuy nhiên đừng làm trẻ cảm thấy như đang bị tra khảo.
- Trấn an trẻ rằng việc nói với ai đó để họ giúp đỡ là điều rất quan trọng.
- Giữ tinh thần thoải mái, nói rằng bạn đang lắng nghe và những điều trẻ đang nói rất quan trọng - thể hiện bạn đang lắng nghe - qua cử chỉ gật đầu, nói những câu như “ồ”, “vậy à” khi trẻ đang kể.
- Đảm bảo với trẻ rằng người lớn sẽ cố gắng hết sức để đảm bảo an toàn cho trẻ (hoặc trẻ khác hay các thành viên trong gia đình mà trẻ quan tâm).
- Khen ngợi vì trẻ đã chia sẻ chuyện này với người khác - khen ngợi trẻ đã rất can đảm khi làm điều này [vì thực sự là như vậy].

PHẦN V. TIẾP NHẬN, ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG HỢP TRẺ EM

1. Vai trò và trách nhiệm của công tác xã hội trường học

CTXH xã hội trường học thực hiện vai trò đầu mối đại diện trường học tham gia với tư cách phối hợp để hỗ trợ cán bộ chuyên trách BVTE [chủ yếu là cán bộ ngành LĐTBXH hoặc cán bộ được UBND ủy quyền] giải quyết các trường hợp trẻ em bị xâm hại. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải:

- Hiểu vai trò phối hợp của mình và thực hiện được các nhiệm vụ của cán bộ đầu mối trong sự phối hợp với các cán bộ chuyên trách BVTE của ngành LĐTBXH hoặc do UBND chỉ định.

- Có năng lực phù hợp để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của một người phối hợp.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có trách nhiệm tiếp nhận trường hợp, đánh giá sơ bộ để xác định nhu cầu cần hỗ trợ khẩn cấp và chuyển gửi cho UBND và người làm công tác BVTE, và phối hợp thực hiện can thiệp trường hợp xâm hại trẻ em. CTXH trường học không chịu trách nhiệm quản lý trường hợp (QLTH), trách nhiệm này thuộc về Ủy ban nhân dân và người làm công tác BVTE. Tuy nhiên, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có vai trò rất quan trọng tham gia thực hiện can thiệp bảo vệ trẻ em thông qua việc hỗ trợ trẻ em và gia đình:

- Chuyển gửi cho cơ quan chức năng những thông báo về những quan ngại hay hành vi xâm hại trẻ em và học sinh.

- Phối hợp với UBND, người làm công tác BVTE để giải quyết các trường hợp trẻ em, học sinh cần được bảo vệ.

- Tiếp cận đến các chương trình trợ giúp xã hội, các dịch vụ hỗ trợ phúc lợi xã hội cho trẻ em và gia đình.

2. Tiếp nhận thông báo trong trường học

- *Thu thập thông tin*: là nhiệm vụ đầu tiên trong bước tiếp nhận thông báo. Thông tin thu thập được, liên quan đến nhu cầu chăm sóc trẻ em, sẽ làm cơ sở để tiến hành cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em phù hợp và hiệu quả. Có 3 cách có thể thu thập được những thông tin liên quan:

- Thông tin được cung cấp [có sẵn]

- Thông tin được yêu cầu

- Thông tin khai thác được bằng kỹ năng của người hỏi

Khi thu thập thông tin cần tập trung quan tâm vào những thông tin liên quan đến BVTE. Người báo cáo thường đưa ra những thông tin không rõ ràng, không chắc chắn và thường lo sợ về việc tiết lộ thông tin. Do đó, có thể, tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình tương tác, họ sẽ ngừng cung cấp thông tin.

Trong bất kỳ tình huống nào, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH nhà trường cần phải ưu tiên thu thập những thông tin quan trọng trước nhất để nếu người thông báo quyết

định ngừng cung cấp thông tin thì cán bộ, giáo viên phụ trách đã có thông tin quan trọng nhất cần sắp xếp thực hiện các nhiệm vụ sau đây theo thứ tự ưu tiên:

Ưu tiên 1: Thu thập và tìm kiếm thông tin về nhu cầu chăm sóc trẻ liên quan đến:

- + Tên của trẻ (nếu biết)
- + Tuổi/giới tính của trẻ (ngày tháng năm sinh) (có thể ước chừng)
- + Nơi ở của trẻ tại thời điểm nhận thông báo
- + Những lo lắng hay buộc tội về chăm sóc trẻ/xâm hại trẻ
- + Thủ phạm bị cáo buộc
- + Địa điểm (hiện thời) nơi sinh sống
- + Nơi sinh sống của trẻ
- + Môi trường chăm sóc của trẻ
- + Cha/mẹ, những người chăm sóc khác
- + Những người có thể bảo vệ trẻ
- + Anh, chị, em của trẻ
- + Những trẻ em khác

Ưu tiên 2: Phác họa được bức tranh về mặt tâm lý-xã hội

Những thông tin về tâm lý-xã hội là thông tin cho phép cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có được bức tranh tổng thể về ba lĩnh vực:

- Vấn đề của cá nhân - trẻ em và người lớn.
- Các mối quan hệ giữa các cá nhân - trong đó môi trường chăm sóc của trẻ có chức năng đáp ứng hoặc không đáp ứng một cách thích hợp với nhu cầu chăm sóc của trẻ.
- Môi trường kinh tế xã hội - trong đó môi trường chăm sóc trẻ em có chức năng đáp ứng hoặc không đáp ứng một cách thích hợp với nhu cầu chăm sóc trẻ em.

Cần tập trung thu thập được thông tin trong ba lĩnh vực liên quan đến:

- Thông tin thực tế về nhân khẩu học: điều gì đã xảy ra, ở đâu, khi nào?
- Những lo lắng về nhu cầu chăm sóc:

Nhu cầu chăm sóc nào đáng quan tâm?

+ Điều gì đang xảy ra liên quan đến những nhu cầu chăm sóc này?

- Bằng chứng trực tiếp - có những thông tin nào khác hỗ trợ thông tin này? ví dụ.

+ Đứa trẻ có vết bầm tím trên cơ thể [thông tin hỗ trợ]

+ Trẻ không nói những vết bầm xảy ra như thế nào [thông tin hỗ trợ]

+ Người mẹ nói với tôi rằng cô ấy đã đánh con mình khi cậu bé không làm điều mà cô ấy muốn [Tuyên bố chính].

- Những người có liên quan - ai là người chủ chốt được nhắc đến trong thông tin và mối quan hệ của họ với môi trường chăm sóc của trẻ là gì?

- Điểm mạnh - những thông tin nào cho biết có những hoạt động/ tình cảm/ cảm xúc tích cực và tạo ra môi trường chăm sóc tích cực cho trẻ?

- Những tổn thương - những thông tin nào cho biết có những hoạt động/ tình cảm/ cảm xúc tiêu cực/ những điểm yếu nào làm giảm hoặc phủ nhận chức năng Môi trường chăm sóc của trẻ?

Điều quan trọng cần nhớ là không cần thiết phải lấy được mọi thông tin về cuộc sống của một đứa trẻ hay người lớn có liên quan. Trọng tâm chính là thông tin đóng góp vào kiến thức và hiểu biết về những trải nghiệm về nhu cầu chăm sóc của trẻ liên quan đến:

- Quá khứ - trong quá khứ nhu cầu hăm sóc trẻ được đáp ứng như thế nào và bởi ai?

- Hiện tại - làm thế nào các nhu cầu chăm sóc trẻ em hiện đang được đáp ứng?

- Tương lai - làm thế nào các nhu cầu chăm sóc trẻ em có thể được đáp ứng trong tương lai?

Ưu tiên 3: Luôn hỏi về những thông tin được cung cấp:

- Liệu những thông tin có cho thấy những lo lắng/cáo buộc về nhu cầu chăm sóc không được đáp ứng?

- Liệu những thông tin có cho thấy những lo lắng/cáo buộc về việc trẻ đang bị tổn hại do xâm hại trẻ em hay không?

Ưu tiên 4: Quyết định dựa trên những thông tin được cung cấp

- Người cung cấp thông tin có sẵn sàng tiết lộ thông tin về bản thân họ không. Đôi khi họ sẵn sàng cho biết họ là ai. Nhưng đôi khi họ lại không muốn tiết lộ danh tính - nếu trường hợp này xảy ra thì cần tìm những cách khác để liên lạc với họ. Tuy nhiên không nên cưỡng ép họ vì có thể dẫn đến việc họ từ chối cung cấp thêm thông tin và/hoặc rút lại thông tin đã cung cấp trước đó [Không, tôi không nói vậy]

- Tìm hiểu mối quan hệ của người thông báo với trẻ [nếu đó không phải là trẻ thông báo]

- Cố gắng và hiểu vị trí của những người này liên quan đến việc bảo vệ trẻ em [đây là điều tốt mà họ muốn làm] hoặc có thể họ là một phần gây tổn hại cho trẻ [và bây giờ có thể sợ gây tổn hại đáng kể cho bản thân họ và hoặc sợ cảnh sát can thiệp do các hành động họ gây ra].

Một số lưu ý khi tiếp nhận thông tin:

- Lắng nghe với sự quan tâm và đồng cảm với người truyền đạt.
- Tập trung vào một chuỗi các sự kiện mà không làm gián đoạn những gì người thông báo muốn hoặc đang cố nói ra, ví dụ:
 - Những gì đã xảy ra sau đó?
 - Những gì đã xảy ra trước đó?
 - Điều có có luôn xảy ra không?
 - Bạn cảm thấy như thế nào sau đó?
- Lắng nghe và sắp đặt thông tin theo sự kiện hoặc trình tự thời gian [quá khứ, hiện tại]:
 - Thông tin về các mối quan hệ với mọi người
 - Thông tin các sự kiện theo thời gian đã xảy ra
 - Thông tin liên quan đến những hành động đã xảy ra
 - Thông tin liên quan đến địa điểm xảy ra sự kiện
- Chú ý không gợi ý với người nói thứ tự các sự kiện mà chờ nghe/quan sát cách người báo cáo trình bày và hiểu thứ tự của các sự kiện.
- Lắng nghe trật tự các sự kiện để xem liệu các sự kiện này có liên quan đến con người không, bản chất của các sự kiện là gì và thời điểm các sự kiện xảy ra khi nào, ví dụ:
 - Các loại xâm hại khác nhau có thể xảy ra nhưng tất cả đều được thực hiện bởi cùng một người.
 - Có nhiều người xâm hại đứa trẻ nhưng trong suốt thời gian gây hại chỉ có một [hoặc hơn một người] đã làm trẻ tổn hại.

- *Các nguồn thông tin:* liên quan đến các quan ngại, cáo buộc xâm hại trẻ em thường đến từ:

- Những người có mối liên hệ với trẻ em, học sinh (ví dụ: các thành viên trong nhà trường, gia đình/gia đình mở rộng, hàng xóm). Lưu ý rằng một tỷ lệ đáng kể các vụ tấn công tình dục trẻ em là từ các thành viên gia đình thực hiện [ước tính 83-93%] vì vậy các thành viên trong gia đình là người có khả năng thông báo nhiều nhất.

- Những người không có mối liên hệ từ trước nhưng đã quan sát hoặc thu được thông tin về trẻ em. Nghiên cứu cho thấy nhóm này tăng lên do kết quả của các phương tiện truyền thông, chương trình giáo dục công cộng khuyến khích công chúng trở thành "đôi mắt và đôi tai" của BVTE trong cộng đồng.

- Trẻ em là nạn nhân bị người lớn xâm hại hoặc trẻ em khác hoặc trẻ em chứng kiến một đứa trẻ khác bị người lớn hoặc trẻ em làm tổn hại hoặc có nguy cơ bị tổn hại. Lưu ý rằng đã có sự gia tăng mạnh số trẻ em bị trẻ em khác tấn công tình dục, đặc biệt là trẻ em có liên quan đến trẻ nhỏ tuổi hơn. Ước tính là 33% và sẽ tiếp tục tăng - được gọi là tổn hại của trẻ em đối với trẻ em. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải nhận thức một số trẻ em có thể là thủ phạm của các vụ tấn công tình dục, bắt nạt

và bóc lột và do đó sẽ phải thông báo cho UBND và người làm công tác BVTE nếu thấy một đứa trẻ bị làm tổn hại.

- Quan sát trực tiếp từ cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học. Có một số trường hợp thông tin không phải đến từ một người thông báo nào đó mà do chính người làm CTXH trường học tự biết thông qua quan sát hoặc nghe được một cách gián tiếp từ những người khác.

Khi bất kỳ ai đó muốn nói chuyện với cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học về một trường hợp cần được bảo vệ thì cán bộ cần phản ứng kịp thời và chuyên nghiệp để giảm thiểu rủi ro do người đó có thể thay đổi quyết định của họ. Điều này đặc biệt đúng đối với trẻ em là nạn nhân của xâm hại. Những đứa trẻ này thường bị đe dọa gây tổn hại cho bản thân và người/động vật mà chúng yêu thích. Nếu cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học không có mặt hoặc không giải quyết nhanh chóng và thích hợp, trẻ sẽ thay đổi ý định và quyết định không báo cáo về những lo ngại/cáo buộc của chúng hoặc các em rút lại thông tin đã cung cấp trước đó.

Đối với một người chuyên nghiệp, thông tin không chỉ thu thập từ người thông báo mà còn thông qua các quan sát. Điều này đặc biệt đúng trong các tình huống mà cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có thể tìm thấy bằng chứng thông qua quan sát một đứa trẻ hoặc quan sát sự tương tác của đứa trẻ với những người khác hoặc tương tác trong gia đình.

Trong rất nhiều trường hợp vì sự an toàn của trẻ mà cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học không thể tiếp cận trẻ và nói chuyện với trẻ mà phải thu thập thông tin thông qua quan sát trẻ. Điều này đặc biệt quan trọng khi trẻ và những người liên quan, ví dụ mẹ hoặc anh chị em ruột, có thể đang bị đe dọa. Điều quan trọng là trẻ không được biết rằng mình đang được quan sát. Nếu trẻ đang bị thủ phạm đe dọa thì trẻ sẽ không nói cho ai biết chuyện gì đang xảy ra.

Các kỹ năng thu thập thông tin

Khi nhận được thông báo, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể sử dụng các kỹ năng giao tiếp cá nhân chuyên nghiệp để tạo điều kiện và hỗ trợ người thông báo đưa ra các thông tin quan trọng. Có 5 kỹ năng giao tiếp cá nhân quan trọng mà cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH phải sử dụng khi tiếp nhận Thông báo.

Lắng nghe - cố gắng lắng nghe những gì đang được nói và ghi nhớ những thông tin quan trọng để làm bằng chứng về tâm lý - xã hội, về những gì có thể đã xảy ra. Có thể viết nhanh lại những thông tin này sau khi người thông báo/trẻ rời đi để nhớ chính xác từ ngữ.

- Quy tắc chung là tránh ghi chép trong khi ai đó đang thông báo - điều này thường gây ức chế cho người thông báo họ có thể sợ gặp rắc rối với những người họ đang tố cáo.

- Khi cán bộ 'nói chuyện', nên tập trung vào việc khuyến khích người thông báo nói thật nhiều. Cán bộ nên thể hiện sự quan tâm đến cả người thông báo và nạn nhân bị tổn hại nếu họ không phải là cùng một người [ví dụ Tôi có thể nghe thấy bạn quan tâm rất nhiều về những gì đang xảy ra với em gái của bạn]
- Lắng nghe cẩn thận khi trẻ em là người thông báo vì trẻ em [và một số người lớn] có thể không 'kể câu chuyện của họ' một cách rõ ràng và logic. Điều này thông thường đòi hỏi người cán bộ phải sắp xếp lại thông tin thu thập được theo trình tự logic, ví dụ:
 - Khi nào thì bà mẹ biến mất [thứ nhất]
 - Khi nào thì việc uống rượu của ông bố trở nên tồi tệ hơn [thứ hai]
 - Khi nào thì vụ xâm hại tình dục trẻ em xảy ra [thứ ba]
 - Khi nào thì trẻ trốn khỏi gia đình [thứ tư]
 - Khi nào bà nội của trẻ chuyển đến nhà trẻ để bảo vệ trẻ [thứ năm]

Đặt câu hỏi - là một khía cạnh quan trọng trong việc tiếp nhận thông báo liên quan đến bảo vệ trẻ em. Việc đặt câu hỏi cho phép người cán bộ hướng cuộc trò chuyện đến các lĩnh vực liên quan đến xâm hại trẻ em.

- Cần thận trọng khi đặt câu hỏi để không biến cuộc thông báo thành một cuộc thẩm vấn.
- Hãy để trẻ em hoặc người lớn kể câu chuyện theo cách của họ. Chỉ đưa ra các câu hỏi mang tính gợi mở thêm thông tin hoặc định hướng mà trẻ em hoặc người lớn vào câu chuyện chính.

Thấu cảm – cần phải thấu hiểu những khó khăn khi ai đó trực tiếp báo cáo về những vấn đề liên quan đến bảo vệ trẻ em, đặc biệt đối với trẻ em là nạn nhân của xâm hại.

- Thấu cảm là kỹ năng thấu hiểu về cảm giác, suy nghĩ mà người khác đang trải qua - không phải là 'Hiểu biết' nó như thế nào. Đặc biệt người cán bộ cần phải hiểu về:
 - Những khó khăn của việc thực hiện thông báo
 - Những cảm xúc lẫn lộn mà người thông báo dành cho người yêu thương nhưng lại đang làm hại họ hoặc có nguy cơ làm hại họ hoặc về những gì họ muốn xảy ra sau khi kể câu chuyện của họ.

Phản hồi – Thông tin trở lại cho người thông báo để khuyến khích họ trò chuyện thêm về những gì người đó đang nói về, ví dụ:

- Bạn/cháu vừa nói với tôi-
 - 'Tôi/cháu rất sợ cha dượng sẽ giết em gái mình nếu tôi/cháu không làm những gì ông ấy muốn, [có thể là một câu trích dẫn]
 - Có thể được nói lại "Bạn/cháu đang lo lắng em gái mình có thể bị giết".

Phản hồi thông tin là một cách quan trọng để kiểm tra bạn đã nghe điều gì đó chính xác; Điều này đặc biệt quan trọng khi nghe trẻ em hoặc nghe một người có khiếm khuyết về khả năng nói.

Cần nhớ những gì bạn đã phản hồi lại và cách người thông báo trả lời vì điều đó củng cố thêm bằng chứng rằng một đứa trẻ có thể bị hoặc không bị tổn hại. Phản hồi thông tin lại cho người thông báo sẽ cho họ biết rằng:

- Tôi đang lắng nghe những gì bạn đang nói và suy nghĩ.
- Những gì bạn đã nói với tôi là quan trọng.
- Tôi hiểu bạn đang cảm giác như thế nào.
- Bản thân tôi và những người khác muốn giúp đỡ bạn.

Tóm lược - Đưa thông tin tóm tắt lại cho người thông báo để họ kiểm tra và xác nhận lại thông tin mà họ cung cấp để đảm bảo thông tin đó là chính xác.

- Những gì bạn đã nói với tôi là..... Có đúng không?

Điều quan trọng là phải nhớ cách người đó phản hồi lại với tóm tắt, ví dụ: "Vâng, đó là những gì đã xảy ra"

3. Đánh giá sơ bộ xác định trường hợp xâm hại trẻ em

Khi nhận ‘thông báo’, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải tập trung xem xét liệu thông tin có gợi ý hay cho bằng chứng gì về quan ngại, cáo buộc về môi trường chăm sóc của trẻ không. Nếu thông tin cho thấy nhu cầu chăm sóc của trẻ có thể không được đáp ứng phù hợp thì vấn đề có thể chia làm 2 nhóm:

- Có vấn đề về an sinh của gia đình hay vấn đề về an sinh của trẻ
- Có vấn đề về xâm hại trẻ em

Cần lưu ý là không phải tất cả những thông báo về quan ngại và cáo buộc đều liên quan đến xâm hại trẻ. Can thiệp BVTE chỉ xảy ra khi có vấn đề về xâm hại trẻ em hay có vấn đề liên quan đến việc nhu cầu chăm sóc của trẻ không được đáp ứng một cách thích hợp và do đó khiến trẻ có nguy cơ bị tổn hại về phát triển. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải phân biệt rõ hai vấn đề trên khi tiếp nhận thông báo.

Việc phân biệt được 2 vấn đề liên quan đến phúc lợi và xâm hại trẻ em có ý nghĩa quan trọng trong việc quyết định xem chính quyền, thậm chí công an, có nên vào cuộc hay không. Việc tham gia của chính quyền có thể gây căng thẳng, kỳ thị và những bất lợi khác cho gia đình và trẻ em. Vậy khi KHÔNG có biểu hiện về xâm hại trẻ em hay biểu hiện về việc nhu cầu chăm sóc trẻ em không được đáp ứng thì không nên báo cáo cho chính quyền/công an hay cán bộ chuyên trách BVTE.

Khi một thông báo được xác định chỉ liên quan đến an sinh xã hội thì nên báo cáo cho cơ quan phụ trách an sinh xã hội. Những lo lắng, cáo buộc liên quan đến an sinh xã

hội thì thường liên quan đến gia đình hơn là về xâm hại trẻ em và vấn đề này thường được nhìn nhận là 'bình thường' và ít bị kỳ thị hơn.

Một thông báo được đánh giá là có quan ngại hay bằng chứng xâm hại trẻ em thì cần phải chuyển thông tin này đến UBND và người làm công tác BVTE để can thiệp. Các biện pháp can thiệp có thể là:

Kiểm soát môi trường chăm sóc trẻ thông qua:

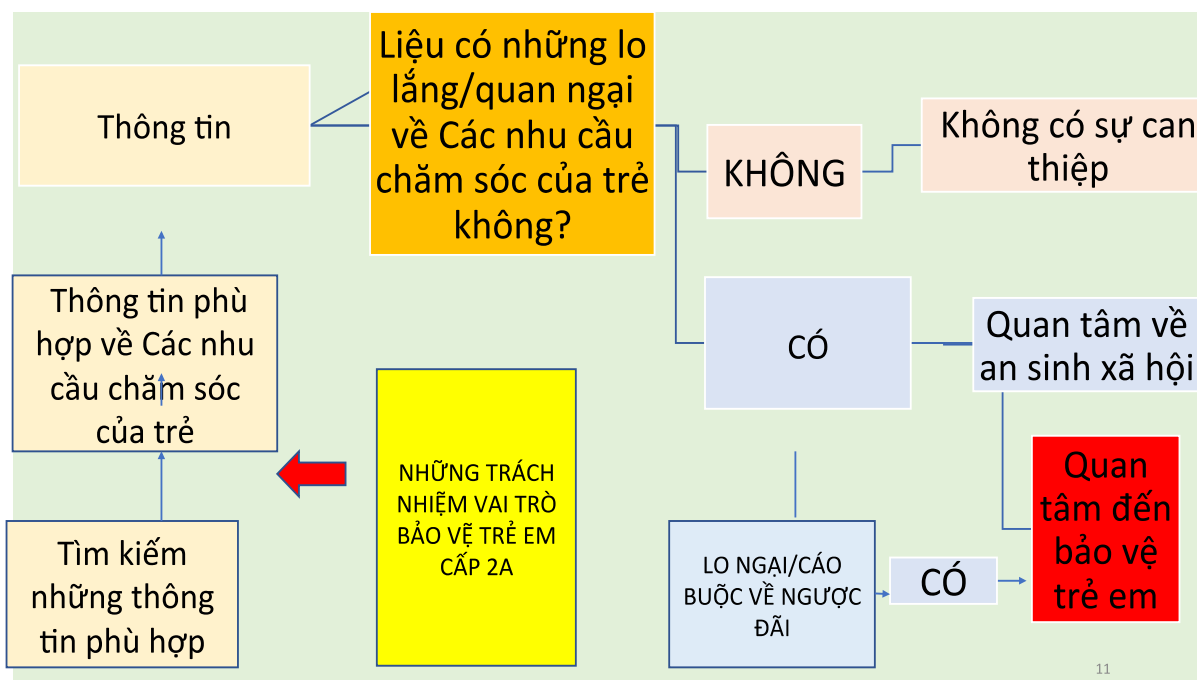
- Điều chỉnh môi trường chăm sóc khi trẻ còn ở lại môi trường chăm sóc
- Tách trẻ ra khỏi gia đình và đưa đến một môi trường chăm sóc thay thế tạm thời [thường là với gia đình mở rộng]. Tuy nhiên biện pháp này chỉ nên áp dụng tạm thời sau đó nên có biện pháp hồi gia hoặc chuyển trẻ đến một môi trường chăm sóc thay thế lâu dài.

Can thiệp thay đổi môi trường chăm sóc của trẻ thông qua:

Cải thiện môi trường gia đình hiện nay/môi trường chăm sóc thay thế thông qua:

- + Học hỏi kiến thức về nhân sự và năng lực
- + Học hỏi về mối quan hệ hôn nhân
- + Giáo dục về sự phát triển của trẻ
- + Mối quan hệ cha mẹ -trẻ
- + Sự hỗ trợ về kinh tế -xã hội
- + Hỗ trợ mạng lưới cộng đồng
- + Giám sát mạng lưới cộng đồng

Sơ đồ: Xác định quan ngại liên quan đến xâm hại trẻ em



Sơ đồ phác thảo quy trình tiếp nhận và đánh giá sơ bộ để xác định xem liệu những thông tin tại thời điểm nhận được có cho thấy bằng chứng về quan ngại, cáo buộc xâm hại trẻ em không, nghĩa là có cần sự vào cuộc của chính quyền địa phương không?

Để xác định được những quan ngại, cáo buộc có liên quan đến xâm hại trẻ em hay không, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần trả lời câu hỏi sau: *Liệu thông báo có cho thấy dấu hiệu của xâm hại trẻ em không? Hay có vấn đề về nhu cầu chăm sóc của trẻ không được đáp ứng hay không?*

Việc xem xét các thông tin này là một quá trình nhất quán và diễn ra liên tục trong suốt thời gian cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp có liên quan đến trẻ và môi trường chăm sóc trẻ. Những nhận định ban đầu đôi khi sẽ được sửa đổi hoặc thay đổi hoàn toàn nếu trong quá trình can thiệp có những phát hiện mới. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học luôn sẵn sàng xem xét lại thông tin dựa trên cả thông tin mà các thành viên trong nhà trường cung cấp cũng như những kết quả do bản thân đánh giá ở những bước sau. Nhưng ở một số hoàn cảnh đặc thù không phải lúc nào cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cũng có thể đánh giá rõ ràng nhu cầu chăm sóc trẻ em. Trong nhiều trường hợp thông tin có thể:

- Có một phần hoặc không xác định - chúng ta có thể biết một phần những gì xảy ra nhưng không thể biết tất cả [đặc biệt là khi có ý định giấu diếm/bí mật].

- Không chắc chắn - không phải lúc nào cũng có thông tin rõ ràng về những gì đã xảy ra và tại sao các sự kiện lại xảy ra [ví dụ: trẻ nhỏ không thể nói rõ ra những gì đã gây hại cho mình].

- Xung đột - những người khác nhau có thể cung cấp thông tin khác nhau và cách hiểu khác nhau về cùng một sự kiện.

*Lưu ý: Không phải tất cả các thông báo đều có nghĩa là trẻ thực sự bị xâm hại. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần đánh giá sàng lọc để xác định xem trẻ có bị tổn hại do bị xâm hại hay không, dựa trên các thông tin hiện có [các bằng chứng]. Quá trình đánh giá sàng lọc có dẫn đến một trong ba kết luận sau:

- Có bằng chứng xác thực việc trẻ em bị xâm hại và thông báo này được coi là một trường hợp xâm hại trẻ em và cần có các biện pháp bảo vệ. Kết luận này còn được biết đến là một *Trường hợp xác nhận có xâm hại*.

- Không đủ bằng chứng xác nhận việc trẻ em bị xâm hại nhưng trẻ xác thực là có những tổn hại. Thông báo được coi là một quan ngại liên quan đến trường hợp xâm hại trẻ em, vì vậy vẫn khuyến nghị thực hiện các biện pháp về dịch vụ phúc lợi xã hội và tiếp tục theo dõi để phát hiện thêm bằng chứng về xâm hại trẻ em. Kết luận này được coi là *Trường hợp có quan ngại về xâm hại*.

- Không đủ bằng chứng xác nhận trẻ bị xâm hại. Thông báo không được coi là một trường hợp xâm hại trẻ em, và vì vậy không cần tiến hành các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ. Kết luận này được coi là *Trường hợp xác nhận không có xâm hại*.

Bước 4: Đánh giá xác định nguy cơ và hỗ trợ khẩn cấp

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần thực hiện đánh giá nguy cơ trẻ em, học sinh tiếp tục bị xâm hại và nhu cầu cần được nhà trường hỗ trợ khẩn cấp trong quá trình thu thập thông tin. Những thông tin được cung cấp có thể cho thấy những quan ngại liên quan đến an toàn của trẻ em, học sinh và cần phải có biện pháp bảo vệ trẻ tức thời [trong trường hợp trẻ có chấn thương, nguy cơ chấn thương/tử vong]. Những lo ngại này thường xuất hiện khi nhiều thông tin được tiết lộ và Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần nhanh chóng đưa ra một bức tranh ban đầu về tình trạng thể chất, tâm lý của trẻ em, học sinh, ví dụ: “*Trẻ thông báo về một thủ phạm đe dọa giết trẻ [hoặc người khác] nếu họ nói với bất cứ ai*”.

Nếu người thông báo là người lớn, và tùy thuộc vào hoàn cảnh, Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có thể hỏi về tình hình chăm sóc, an toàn và bảo vệ trẻ em hiện tại và lý do họ đưa ra nhận định bản thân.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải giải quyết 04 câu hỏi khi nhận được thông báo:

- + Liệu thông tin được cung cấp có cho thấy trẻ bị thương hoặc có nguy cơ bị thương/tử vong ngay lập tức không? Nếu CÓ - là nguy cơ khẩn cấp
- + Liệu trẻ có cần chăm sóc y tế không? Nếu CÓ - là nguy hiểm khẩn cấp
- + Liệu thủ phạm có thể tiếp cận trẻ ngay lập tức hoặc trong thời gian ngắn sắp tới không? Nếu CÓ - là nguy cơ khẩn cấp
- + Liệu có sẵn người bảo vệ hiệu quả hữu hiệu cho trẻ không không? Nếu KHÔNG - là nguy cơ khẩn cấp.

Khi một trẻ được đánh giá là có nguy hiểm khẩn cấp, cần phải hành động ngay để đảm bảo AN TOÀN cho trẻ. Những hành động này bao gồm:

- + Chuyển trẻ đến cơ sở y tế nếu cần thiết
- + Thông báo cho cảnh sát để bảo vệ trẻ
- + Thông báo cho cán bộ chuyên trách BVTE/UBND
- + Hỗ trợ tâm lý ban đầu

Mặc dù những kết quả đánh giá ban đầu có thể coi là tạm thời, nhưng rất quan trọng, nó sẽ được chuyển cho UBND, người làm công tác BVTE để làm cơ sở để đánh giá toàn diện sau này.

Ví dụ:

- + Thông tin được cung cấp là: Một trẻ [10 tuổi] nói: “Cha dựng cháu dùng dây điện đánh vào lưng khi cháu làm điều gì đó sai” Đánh giá ý nghĩa của thông tin dựa vào Luật trẻ em và các giá trị xã hội sẽ là: Đứa trẻ bị xâm hại về thể chất.

+ Nhận định về ý nghĩa của thông tin là: Tại Việt Nam không thể chấp nhận việc làm tổn hại một đứa trẻ bằng cách sử dụng dây điện đánh đòn.

Kết luận tạm thời về nguy cơ

Đánh giá nguy cơ là một đánh giá được thực hiện nhằm xác định liệu trẻ có thể tiếp tục bị tổn hại do bị xâm hại trong tương lai nếu như KHÔNG được cung cấp dịch vụ can thiệp. Những đánh giá sẽ được thực hiện liên tục ở tất cả các giai đoạn can thiệp BVTE để có thể xác định liệu xem trẻ em, học sinh có cần được bảo vệ hay không.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ thực hiện đánh giá nguy cơ ban đầu để chuyển cho UBND, người làm công tác BVTE. Một đánh giá nguy cơ ban đầu sẽ bao gồm 3 lĩnh vực sau:

+ Liên quan đến cá nhân [trẻ, những trẻ em khác, người lớn]

+ Liên quan đến gia đình

+ Liên quan đến môi trường chăm sóc.

Ở mỗi một lĩnh vực trên, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải trả lời 4 câu hỏi sau đây:

+ Khả năng phục hồi là gì [ở mỗi lĩnh vực]?

+ Khả năng tổn thương là gì [ở mỗi lĩnh vực]?

+ Mối quan hệ giữa yếu tố phục hồi và yếu tố tổn thương là gì [ở mỗi lĩnh vực]?

+ Kết luận ban đầu về nguy cơ là gì?

Có thể có 03 kết luận sau đây:

- Có nhiều yếu tố phục hồi/bảo vệ hơn các yếu tố nguy cơ – trẻ có nguy cơ thấp bị tiếp tục tổn hại

- Có nhiều yếu tố nguy cơ hơn các yếu tố phục hồi/bảo vệ - trẻ có nguy cơ cao tiếp tục bị tổn hại

- Yếu tố phục hồi/bảo vệ ngang bằng với yếu tố nguy cơ – trẻ có nguy cơ trung bình tiếp tục bị tổn hại

Cần ghi nhớ rằng cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học không cần phải thực hiện đánh giá nguy cơ "chính xác", thay vào đó là đưa ra nhận định/cảm nhận chuyên môn dựa trên những thông tin đã có để xem liệu trẻ có khả năng bị tổn hại tiếp tục không.

4. Đánh giá xác định nguy cơ và hỗ trợ khẩn cấp

a) Đánh giá xác định nguy cơ

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần thực hiện đánh giá nguy cơ trẻ em, học sinh tiếp tục bị xâm hại và nhu cầu cần được nhà trường hỗ trợ khẩn cấp trong quá trình thu thập thông tin. Những thông tin được cung cấp có thể cho thấy những

quan ngại liên quan đến an toàn của trẻ em, học sinh và cần phải có biện pháp bảo vệ trẻ tức thời [trong trường hợp trẻ có chấn thương, nguy cơ chấn thương/tử vong]. Những lo ngại này thường xuất hiện khi nhiều thông tin được tiết lộ và cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần nhanh chóng đưa ra một bức tranh ban đầu về tình trạng thể chất, tâm lý của trẻ em, học sinh, ví dụ: “*Trẻ thông báo về một thủ phạm đe dọa giết trẻ [hoặc người khác] nếu họ nói với bất cứ ai*”.

Nếu người thông báo là người lớn, và tùy thuộc vào hoàn cảnh, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có thể hỏi về tình hình chăm sóc, an toàn và bảo vệ trẻ em hiện tại và lý do họ đưa ra nhận định bản thân.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải giải quyết 04 câu hỏi khi nhận được thông báo:

- Liệu thông tin được cung cấp có cho thấy trẻ bị thương hoặc có nguy cơ bị thương/tử vong ngay lập tức không? Nếu CÓ - là nguy cơ khẩn cấp
- Liệu trẻ có cần chăm sóc y tế không? Nếu CÓ – là nguy hiểm khẩn cấp
- Liệu thủ phạm có thể tiếp cận trẻ ngay lập tức hoặc trong thời gian ngắn sắp tới không? Nếu CÓ - là nguy cơ khẩn cấp
- Liệu có sẵn người bảo vệ hiệu quả hữu hiệu cho trẻ không không? Nếu KHÔNG - là nguy cơ khẩn cấp.

Khi một trẻ được đánh giá là có nguy hiểm khẩn cấp, cần phải hành động ngay để đảm bảo AN TOÀN cho trẻ. Những hành động này bao gồm:

- Chuyển trẻ đến cơ sở y tế nếu cần thiết
- Thông báo cho cảnh sát để bảo vệ trẻ
- Thông báo cho cán bộ chuyên trách BVTE/UBND
- Hỗ trợ tâm lý ban đầu

Mặc dù những kết quả đánh giá ban đầu có thể coi là tạm thời, nhưng rất quan trọng, nó sẽ được chuyển cho UBND, người làm công tác BVTE để làm cơ sở để đánh giá toàn diện sau này.

Ví dụ,

- *Thông tin được cung cấp là: Một trẻ [10 tuổi] nói: “Cha dựng cháu dùng dây điện đánh vào lưng khi cháu làm điều gì đó sai”*

Đánh giá ý nghĩa của thông tin dựa vào Luật trẻ em và các giá trị xã hội sẽ là: Đứa trẻ bị xâm hại về thể chất.

- *Nhận định về ý nghĩa của thông tin là: Tại Việt Nam không thể chấp nhận việc làm tổn hại một đứa trẻ bằng cách sử dụng dây điện đánh đòn.*

Kết luận tạm thời về nguy cơ

Đánh giá nguy cơ là một đánh giá được thực hiện nhằm xác định liệu trẻ có thể tiếp tục bị tổn hại do bị xâm hại trong tương lai nếu như KHÔNG được cung cấp dịch

vụ can thiệp. Những đánh giá sẽ được thực liên tục ở tất cả các giai đoạn can thiệp BVTE để có thể xác định liệu xem trẻ em, học sinh có cần được bảo vệ hay không.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ thực hiện đánh giá nguy cơ ban đầu để chuyển cho UBND, người làm công tác BVTE. Một đánh giá nguy cơ ban đầu sẽ bao gồm 3 lĩnh vực sau:

- Liên quan đến cá nhân [trẻ, những trẻ em khác, người lớn]
- Liên quan đến gia đình
- Liên quan đến môi trường chăm sóc.

Ở mỗi một lĩnh vực trên, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần phải trả lời 4 câu hỏi sau đây:

1. Khả năng phục hồi là gì [ở mỗi lĩnh vực]?
2. Khả năng tổn thương là gì [ở mỗi lĩnh vực]?
3. Mối quan hệ giữa yếu tố phục hồi và yếu tố tổn thương là gì [ở mỗi lĩnh vực]?
4. Kết luận ban đầu về nguy cơ là gì?

Có thể có 03 kết luận sau đây:

Kết luận 1: Có nhiều yếu tố phục hồi/bảo vệ hơn các yếu tố nguy cơ – trẻ có nguy cơ thấp bị tiếp tục tổn hại

Kết luận 2: Có nhiều yếu tố nguy cơ hơn các yếu tố phục hồi/bảo vệ - trẻ có nguy cơ cao tiếp tục bị tổn hại

Kết luận 3: Yếu tố phục hồi/bảo vệ ngang bằng với yếu tố nguy cơ – trẻ có nguy cơ trung bình tiếp tục bị tổn hại

Cần ghi nhớ rằng cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học không cần phải thực hiện đánh giá nguy cơ "chính xác", thay vào đó là đưa ra nhận định/cảm nhận chuyên môn dựa trên những thông tin đã có để xem liệu trẻ có khả năng bị tổn hại tiếp tục không.

b) Can thiệp trong trường hợp trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp

Trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp là trẻ em đang bị đe dọa hoặc bị gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm hoặc cha, mẹ, người chăm sóc chính là người gây tổn hại cho trẻ em.

Việc can thiệp trong trường hợp trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp phải được thực hiện trong thời gian nhanh nhất có thể và trong vòng 12 (mười hai) giờ từ khi nhận được thông tin.

Trách nhiệm của người làm cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH là:

Thông báo, kết nối với công an xã hoặc lực lượng cảnh sát phản ứng nhanh để ngăn chặn các hành vi đe dọa hoặc gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của trẻ em xảy ra trong và ngoài trường học; phối hợp với cơ quan y tế thực

hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu cho trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp; và hỗ trợ tâm lý trong trường hợp trẻ bị khủng hoảng.

Thu thập thông tin, bằng chứng, lưu giữ chứng cứ tổn hại của trẻ em do bị xâm hại phục vụ việc giám định pháp y và tố tụng sau này.

Tham mưu cho Ban giám hiệu thực hiện chuyển gửi bằng công văn cho các cơ quan chức năng và chỉ đạo, bố trí nguồn lực để hỗ trợ bảo vệ trẻ em, học sinh khẩn cấp phù hợp với quy định của luật pháp.

Lưu trữ hồ sơ để chuyển cho cơ quan chức năng khi làm thủ tục chuyển gửi.

PHẦN VI. CHUYỂN GỬI TRƯỜNG HỢP

1. Bối cảnh thực hiện chuyển gửi trường hợp

Sau khi đánh giá sơ bộ và nhận thấy có dấu hiệu xâm hại trẻ em thì cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học có trách nhiệm thực hiện chuyển gửi đến cho các cơ quan có trách nhiệm được quy định trong Nghị Định 56: UBND cấp xã, cơ quan LDTBXH, cơ quan Công An và Tổng đài quốc gia BVTE 111. Việc chuyển gửi nếu được thực hiện một cách chuyên nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ chuyên trách BVTE, ví dụ:

- Cung cấp những thông tin quan trọng: Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học nên chuyển những thông tin trọng tâm liên quan đến xâm hại trẻ em như thông tin về nhân khẩu học và tâm lý-xã hội, ví dụ: “Một bé trai 1 tháng tuổi bị bỏ rơi trong căn phòng trống và được dân trong làng tìm thấy ngày hôm nay và không có thông tin gì về cha mẹ của trẻ.”

- Cung cấp kết luận về đánh giá nguy cơ ban đầu và những hoạt động hỗ trợ khẩn cấp bảo vệ an toàn cho trẻ em, học sinh

- Cung cấp định hướng chăm sóc nếu có thể

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH nhà trường hoàn thành công việc chuyển gửi, UBND và người làm công tác BVTE của địa phương sẽ tiến hành xác minh tình trạng của trẻ để khẳng định xem trẻ có phải thuộc trường hợp cần được bảo vệ không để sau đó quyết định triển khai quy trình QLTH dưới đây [theo Nghị định 56/2017/NĐ-CP]:

- + Bước 1: Tiếp nhận trường hợp và phối hợp thu thập thông tin

- + Bước 2: Đánh giá sơ bộ & hỗ trợ khẩn cấp

- + Bước 3. Đánh giá cụ thể trường hợp và môi trường chăm sóc

- + Bước 4. Lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp

- + Bước 5: Thực hiện can thiệp

- + Bước 6: Lượng giá trường hợp & Giám sát và kết thúc trường hợp

Trong tiến trình QLTH hợp 6 bước này, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học không có trách nhiệm điều phối thực hiện, nhưng có vai trò tham gia ở cả 6 bước, tuy nhiên cấp độ tham gia có khác nhau. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH sẽ thực hiện dưới sự hướng dẫn và giám sát của UBND/cán bộ chuyên trách BVTE và báo cáo, cập nhật tiến trình và kết quả cho họ. Cụ thể, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- + Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học thực hiện chuyển gửi và hỗ trợ UBND, người làm công tác BVTE tiếp nhận trường hợp và thu thập các thông tin cần thiết

- + Hỗ trợ đánh giá sơ bộ trường hợp và thực hiện hỗ trợ khẩn cấp [nếu cần thiết] phù hợp với vai trò của nhà trường, ví dụ, hỗ trợ tâm lý

+ Hỗ trợ đánh giá cụ thể trường hợp và môi trường chăm sóc liên quan đến vai trò, chức năng của nhà trường, ví dụ, đánh giá nhu cầu về giáo dục, học tập, mối quan hệ xã hội, tình trạng tâm lý của trẻ em, học sinh

+ Tham gia lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp để đáp ứng những nhu cầu của trẻ em, học sinh thuộc trách nhiệm của nhà trường như

+ Thực hiện các biện pháp hỗ trợ, can thiệp do UBND giao cho nhà trường, ví dụ như giáo dục, tham vấn tâm lý, hỗ trợ xã hội

+ Giám sát, đánh giá trường hợp & kết thúc. Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sẽ giám sát, đánh giá các mục tiêu liên quan đến trách nhiệm của nhà trường và báo cáo cho UBND, người làm công tác BVTE và đưa ra khuyến nghị kết thúc hay tiếp tục kế hoạch hỗ trợ, can thiệp.

2. Thực hiện chuyển gửi trường hợp

a. Sắp xếp các thông tin chuyên gửi theo chủ đề

| Mô tả nhiệm vụ | Yêu cầu Năng lực | Ví dụ |
|---|---|---|
| <p>Sau khi tiếp nhận Thông báo, cán bộ đầu mối [Cấp 2A] sẽ chuyển gửi Thông báo đến Cán bộ chuyên trách Bảo vệ trẻ em. Việc chuyển gửi này thực hiện theo hai cách:</p> <p>Qua điện thoại hoặc gửi thư điện tử cho Cán bộ Bảo vệ trẻ em những thông tin bạn đã nhận được và những phân tích đánh giá liên quan.</p> | <p>Bạn trước hết phải ‘tư duy’ về những thông tin bạn nhận được và chuyển những gì bạn hiểu biết cho cán bộ chuyên trách bảo vệ trẻ em.</p> <p>Công việc ‘tư duy’ chuyên môn này sẽ giúp cán bộ chuyên trách BVTE xem xét hiệu quả trường hợp chuyển gửi.</p> <p>Trong Báo cáo Chuyển gửi bạn cần liệt kê những hiểu biết của mình về trường hợp.</p> | <p>Tất cả những thông tin chuyên môn nằm trong bốn chủ đề tuần tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về nhân khẩu học - Những vấn đề/lo lắng hiện hữu - Đánh giá về những quan ngại/ nguy cơ/ vấn đề tâm lý-xã hội - Những định hướng can thiệp. |

Những chú ý:

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học liên lạc với UBND, người làm công tác BVTE kịp thời và chuyên nghiệp.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học luôn tư duy theo thứ tự:

a. Thông tin về nhân khẩu học

b. Những vấn đề/lo lắng hiện hữu

c. Kết quả đánh giá sơ bộ về đề thực trạng và nguy cơ của trẻ em, học sinh

d. Những định hướng có thể cho can thiệp.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần viết ra những điểm chính để chuyển thông tin đến cho UBND, người làm công tác BVTE theo tuần tự công việc và nhấn mạnh tầm quan trọng.

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sau khi chuyển thông báo qua điện thoại hoặc thư điện tử thì cần gửi kèm một văn bản ngắn về thông báo.

b. Sử dụng ngôn ngữ chuyên môn cho các thông tin chuyển gửi

| Mô tả nhiệm vụ | Yêu cầu Năng lực | Ví dụ |
|---|--|--|
| Khi bạn thực hiện Chuyển gửi tới Cán bộ bảo vệ trẻ em bạn vừa phải thông báo bằng lời và bằng văn bản những suy nghĩ của bạn về những thông tin liên quan và kiến thức về chuyên môn. | Thông báo phải bao gồm các thông tin liên quan đến các nhu cầu chăm sóc trẻ và khung kiến thức về xâm hại trẻ em. Sử dụng ngôn ngữ của Khung Nhu cầu chăm sóc trẻ và Khung kiến thức về xâm hại trẻ em là cách rõ ràng thể hiện tư duy chuyên môn theo cách thức chuyên nghiệp. | Báo cáo này liên quan đến một cậu bé 6 tuổi được thông báo là có vết bầm tím nghiêm trọng ở lưng. Báo cáo cũng thông tin về khả năng các nhu cầu chăm sóc của cháu bé có thể không được đáp ứng phù hợp. Cũng có thể có lo ngại liên quan đến mức độ vết bầm tím mà có thể là cháu bị xâm hại về thể chất. |

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cần đưa ra những nhận định chuyên môn liên quan đến:

- Thông tin cho thấy [hoặc không cho thấy] đây là trường hợp xâm hại trẻ em, tức là có những quan ngại về nhu cầu chăm sóc của trẻ - những gì đã:

- ✓ Nhìn thấy
- ✓ Nghe thấy
- ✓ Chạm được
- ✓ Ngửi thấy
- ✓ Ném được

- Thông tin cho thấy [hoặc không cho thấy] những tổn hại hoặc có nguy cơ tổn hại với đứa trẻ.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học sử dụng ngôn ngữ chuyên môn về bảo vệ trẻ em [Những nhu cầu chăm sóc] đặc biệt liên quan đến lý thuyết về phát triển của trẻ em và xâm hại trẻ em để thông tin cho UBND, người làm công tác BVTE.

c. Sắp xếp các thông tin chuyển gửi theo logic thời gian và sự kiện

| Mô tả nhiệm vụ | Yêu cầu Năng lực | Ví dụ |
|----------------|------------------|-------|
|----------------|------------------|-------|

| | | |
|---|--|--|
| <p>Khi chuyển thông báo tới Cán bộ BVTE, điều quan trọng là phải giúp Cán bộ BVTE hiểu được 'logic' về trường hợp giống như cán bộ, giáo viên CTXH trường học hiểu về trường hợp này.</p> | <p>Phải giúp cán bộ BVTE nhanh chóng nhìn thấy cấu trúc logic trong mối liên hệ với:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian – khi các sự kiện xảy ra. Những thay đổi trong hoàn cảnh của trẻ đã diễn ra khi nào hay đang diễn ra? <p>Mối liên hệ giữa những người liên quan - đặc biệt nếu có xuất hiện những trẻ khác.</p> <p>Ai là người có năng lực [hay không có năng lực] bảo vệ trẻ và mối liên kết của họ với những người khác và sự việc.</p> | <p>Trong báo cáo bằng văn bản, cán bộ, giáo viên phụ trách: Mẹ của An trước đây là một bà mẹ biết bảo vệ con. Vì sự qua đời đột ngột của chồng mình (cha của An vào năm 2018) và lần tái hôn tiếp theo [năm 2019] sự chăm sóc An thành ra mong manh vì người mẹ đặt ưu tiên việc duy trì cuộc hôn nhân của bà với người chồng thứ hai.</p> |
|---|--|--|

- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học ghi chép lại lưu ý trong một tờ giấy:
 - + Nhóm thông tin theo mốc thời gian
 - + Nhóm thông tin theo các sự kiện
 - + Nhóm thông tin những người liên quan
- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học chỉ ra từng loại hình thông tin cho biết các sự việc có logic hay không có logic.
- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học chuyển tới cho UBND, người làm công tác BVTE một báo cáo mà ở đó các thông tin được cấu trúc theo nhóm.
- Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH trường học cho biết liệu những người chủ chốt khác, đặc biệt là các nhà chuyên môn, hoặc người chăm sóc chính hoặc thủ phạm, đồng ý hay phản đối kết luận tạm thời được đưa ra.

PHỤ LỤC. KỸ NĂNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRƯỜNG HỌC TRONG BẢO VỆ TRẺ EM

1. Kỹ năng đánh giá

Công việc đầu tiên của cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH là đánh giá để hiểu một cách khái quát về học sinh; tìm hiểu vấn đề của học sinh là gì; tại sao học sinh lại gặp phải vấn đề như vậy.

Mục đích nhận diện vấn đề của học sinh

- Phân tích nguyên nhân gây ra vấn đề của học sinh
- Xác định mức độ nguy cơ, tổn thương
- Xác định nhu cầu ưu tiên xếp theo thứ tự các nhu cầu
- Xác định các giải pháp thích hợp, từ đó làm cơ sở lập kế hoạch can thiệp hỗ trợ
- Xác định hiệu quả của tiến trình can thiệp

Các loại đánh giá

Đánh giá sơ bộ nguy cơ (còn gọi là đánh giá nhanh)

Dựa vào các thông tin có được từ việc tiếp nhận thông báo, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH phân tích và đưa ra nhận định xem liệu hiện thời học sinh có bị tổn thương nghiêm trọng không, hoặc liệu học sinh có nguy cơ bị tổn thương nghiêm trọng trong tương lai không nếu như không có sự hỗ trợ hoặc can thiệp kịp thời. Có những câu hỏi quan trọng mà cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH cần phải trả lời khi đánh giá sơ bộ nguy cơ. Những câu hỏi này liên quan đến trẻ, người chăm sóc trẻ và môi trường chăm sóc học sinh.

Những câu hỏi quan trọng liên quan đến học sinh cần phải trả lời khi đánh giá sơ bộ là:

Theo thông tin nhận được thì có học sinh đã bị tổn thương hoặc có khả năng bị tổn thương trong tương lai gần hay không?

Theo thông tin nhận được thì các thương tổn xảy ra đối với học sinh có nghiêm trọng hoặc đe dọa đến mạng sống của học sinh hay không?

Nếu như môi trường chăm sóc học sinh vẫn như cũ không có gì thay đổi thì liệu học sinh có nguy cơ tiếp tục bị tổn thương hay không?

Trong trường hợp học sinh bị tổn thương do người nào đó gây ra thì những câu hỏi quan trọng liên quan đến người chăm sóc học sinh cần phải trả lời khi đánh giá sơ bộ là:

Kẻ xâm hại có còn khả năng tiếp cận học sinh hay không?

Người chăm sóc học sinh chính hiện nay có cam kết và có đủ nguồn lực cũng như khả năng để bảo vệ học sinh trong lúc này không?

Câu hỏi quan trọng liên quan đến môi trường chăm sóc trẻ cần phải trả lời khi đánh giá sơ bộ là “có ai trong môi trường chăm sóc trực tiếp học sinh như gia đình, họ hàng, ... có mong muốn và khả năng giúp đỡ hoặc bảo vệ học sinh trong lúc này không?”

Khi trả lời những câu hỏi trên cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH cần suy nghĩ và làm rõ về những bằng chứng có được.

Sau khi trả lời tất cả các câu hỏi, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH sẽ xác định mức độ nghiêm trọng đối với trường hợp học sinh. Tùy theo mức độ nghiêm trọng này mà nhà trường sẽ cử cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH đến gặp học sinh trong khoảng thời gian nào để tiến hành đánh giá và hỗ trợ hoặc can thiệp.

Đánh giá chi tiết

Đánh giá tất cả các vấn đề liên quan đến học sinh như nguyên nhân gây ra vấn đề cho học sinh tình trạng của học sinh, khả năng can thiệp hỗ trợ... Trong tiến trình quản lý ca việc đánh giá phải thực hiện liên tục để kịp thời điều chỉnh sự hỗ trợ, sự can thiệp phù hợp giúp cho học sinh khắc phục vấn đề của mình. Yêu cầu toàn diện của đánh giá đòi hỏi cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH phải thu thập thông tin liên quan đến nhiều yếu tố bao gồm sinh học, tâm lý và văn hóa xã hội góp phần tạo thành vấn đề của trẻ cũng như đời sống và hoàn cảnh của trẻ. Đánh giá đòi hỏi cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH phải phân tích để thấy được mối quan hệ bên trong giữa các yếu tố trên. Qua đó xác định được mối quan hệ nguyên nhân kết quả giữa các yếu tố với vấn đề hiện thời của học sinh.

Như vậy so với đánh giá sơ bộ nguy cơ thì sự đánh giá trong bước này đầy đủ và cũng phức tạp hơn nhằm giúp cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH hiểu được thấu đáo bản chất vấn đề hiện thời của trẻ cũng như hoàn cảnh và bản thân học sinh.

Cụ thể, trong bước đánh giá cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH cố gắng khám phá và đánh giá những điều sau đây:

Vấn đề của trẻ và hoàn cảnh xảy ra vấn đề.

Các vấn đề liên quan đến học sinh như trình độ học vấn, công việc, sự nghiệp đã trải qua, tiền án tiền sử (nếu có) và các mối quan hệ khác...

Quá trình phát triển của học sinh ở các mặt thể chất, tâm lý, nhận thức và xã hội. Nhu cầu của học sinh nhằm giải quyết vấn đề và giúp trẻ có cuộc sống tốt hơn. Thế mạnh của em và môi trường chăm sóc em.

Khả năng nhận thức của trẻ về vấn đề, hoàn cảnh và thế mạnh của mình. Sức khỏe tâm thần của trẻ.

Đề nghị dịch vụ và kế hoạch hỗ trợ can thiệp giúp thân chủ (trẻ em)

Để khám phá và đưa ra những nhận định về những điều trên, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau như từ người cung cấp thông báo, người đưa em đến cơ sở xã hội, bản thân trẻ, cha mẹ của trẻ,

người chăm sóc trực tiếp trẻ, toàn bộ gia đình hay một số thành viên trong gia đình của trẻ, bạn bè của trẻ hoặc hàng xóm nơi trẻ cư trú.

Khi làm việc với cha mẹ hoặc người chăm sóc trực tiếp trẻ, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH cần xem họ là những người cộng tác với mình thậm chí những người này có thể đã không đối xử tốt với trẻ trước đây. Lý do là vì sự thay đổi ở học sinh sẽ chỉ xảy ra thông qua cha mẹ hay người chăm sóc trẻ nên cần đến sự tham gia của những người này trong quá trình đánh giá và giúp đỡ học sinh.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể sử dụng nhiều công cụ khác nhau cho việc thu thập thông tin và đánh giá. Chẳng hạn trong những buổi làm việc với trẻ cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể thực hiện các cuộc vấn đàm ngắn kết hợp với việc cho trẻ chơi như cho trẻ vẽ hình, kể chuyện, nói chuyện với con rối,... nhằm giúp trẻ bộc lộ những thông tin cần thiết. Bên cạnh đó các hồ sơ xã hội, sơ đồ sinh thái, sơ đồ thể hệ, các chẩn đoán tâm lý và giáo dục, ... cũng là những công cụ mà cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể sử dụng.

Đối tượng cần đánh giá

Thân chủ (trẻ em) người chăm sóc môi trường xã hội

2. Kỹ năng biện hộ

2.1. Khái niệm biện hộ

Biện hộ là khái niệm phức tạp được sử dụng trong tất cả các ngành khoa học nhân văn và những ngành liên quan. Ở hình thức đơn giản nhất, nó là ý kiến mà ai đó có thể nói nhân danh người khác và trình bày quan điểm của người ấy theo cách các luật sư đại diện cho thân chủ (trẻ em) tại tòa. Thuật ngữ này bắt nguồn từ một từ Latin “vox/voce”, tự nó có nghĩa là “trao tiếng nói cho”.

Theo Hiệp hội CTXH (2000), biện hộ là hoạt động thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, đặc biệt là đối với những người yếu thế; nhằm thúc đẩy công bằng xã hội cho tất cả mọi người đặc biệt là người yếu thế trong cộng đồng.

Biện hộ được xác định như quá trình làm việc với thân chủ (trẻ em) hoặc đại diện cho thân chủ (trẻ em). Mục đích để tìm kiếm dịch vụ hay nguồn lực mà thân chủ (trẻ em) đã không được hưởng; tác động tạo ra sự thay đổi về chính sách, thủ tục hành chính đã ảnh hưởng bất lợi cho thân chủ (trẻ em); thúc đẩy chính sách, luật pháp mới tạo ra nguồn lực và dịch vụ cần thiết cho họ (Dean H. Hepworth 1997)

Khi thực hiện biện hộ, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH phải nêu được quan điểm, tiếng nói của mình để đảm bảo quyền lợi của thân chủ (trẻ em) được tôn trọng và thỏa mãn các nhu cầu chính đáng của họ. Trong trường hợp thân chủ là trẻ em, biện hộ lại càng có ý nghĩa bởi thân chủ (trẻ em) không dễ dàng có tiếng nói với cơ quan có liên quan, cơ quan cung cấp dịch vụ. Ví dụ, như biện hộ cho thân chủ (trẻ em) có HIV được tới trường học chung với các thân chủ (trẻ em) khác. Biện hộ cho

người khuyết tật có việc làm phù hợp. Biện hộ, khuyến khích thân chủ (trẻ em) tham gia phát biểu ý kiến; tạo cơ hội để họ có thể nêu lên chính kiến của mình.

Nói cách khác, Biện hộ là một quá trình hành động tích cực có suy tính để giúp đỡ những người khác nhằm:

Đảm bảo những quyền lợi của họ Đại diện cho lợi ích của họ

Tìm kiếm những dịch vụ họ cần

Bày tỏ quan điểm và ước vọng của họ

2.2. Quy trình biện hộ

2.2.1. Chuẩn bị biện hộ

Biện hộ cho ai, vấn đề gì cần biện hộ, xác định được chắc chắn nhu cầu biện hộ, người quản lý ca nên trao đổi bàn bạc với một số đồng nghiệp, những người có chuyên môn dựa vào các thông tin quan trọng liên quan đến thân chủ (trẻ em). Trong một số trường hợp cần báo cáo với người lãnh đạo.

Mục tiêu của quá trình biện hộ là gì?

Quyền lực nằm ở đâu? có nghĩa là phải tìm hiểu xem ai sẽ là người có sức mạnh làm thay đổi vấn đề.

Cách thức tiếp cận thực hiện biện hộ như thế nào để quá trình biện hộ đảm bảo thành công.

Nghiên cứu, thu thập thông tin, nhu cầu thân chủ (trẻ em) và cơ sở cung cấp dịch vụ.

Xác định cách thức tiếp cận cơ sở cung cấp dịch vụ: nghiên cứu và tìm cách tiếp cận phù hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ.

Thực hiện các công việc chuẩn bị hành chính khác (ví dụ, như hẹn gặp, chuẩn bị tài liệu, liên hệ địa điểm, mời họp...).

2.2.2 Thực hiện biện hộ.

Triển khai thực hiện và giải quyết những tình huống khó khăn. Giai đoạn thực hiện là bước công việc rất quan trọng. Trong giai đoạn này, người biện hộ đến gặp trẻ, gia đình trẻ hay điều phối các cuộc họp nhóm. Cũng có thể là đi gặp các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm để chuyển tải ý kiến, nguyện vọng, nhu cầu của họ đến với nơi có thể giải quyết được.

Một phần nữa hết sức quan trọng trong giai đoạn này người biện hộ cố gắng vận động sự ủng hộ của cá nhân và tổ chức có liên quan để sự biện hộ đạt kết quả tốt. Cần lưu ý, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể phải đối mặt gặp với những khó khăn với đối tượng, với cộng đồng, với các tổ chức cung cấp dịch vụ hay với thể chế chính sách. Vì vậy, cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH cần luôn kiên trì, bền bỉ,

vừa vận động vừa đấu tranh hợp pháp để thân chủ (trẻ em) có thể tiếp cận và sử dụng được nguồn lực từ cộng đồng, từ các tổ chức cung cấp dịch vụ.

2.2.3 Theo dõi và lượng giá biện hộ

Giám sát theo dõi kết quả sau vận động, biện hộ

Sau khi vấn đề đã được nêu, các nhu cầu, nguyện vọng của thân chủ (trẻ em) được chuyển đến những nơi cần đến, công việc của người biện hộ chưa dừng lại mà phải tiếp tục nắm rõ những nhu cầu, các quyền của thân chủ (trẻ em) đã được đáp ứng chưa. Vấn đề này có kế hoạch theo dõi và lượng giá.

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH luôn thường xuyên liên hệ với những nơi đã đề đạt yêu cầu để biết thêm thông tin và thông báo cho thân chủ (trẻ em) về việc thực hiện những nhu cầu chính đáng của thân chủ (trẻ em). Ví dụ, như khi đề đạt nguyện vọng của gia đình trẻ được vay vốn để đầu tư làm kinh tế gia đình hầu tăng thu nhập, cải thiện đời sống thì người biện hộ phải biết được công việc đã tiến hành tới đâu, thủ tục như thế nào, bao giờ được vay vốn

3. Kỹ năng liên kết, điều phối nguồn lực

3.1. Kết nối nguồn lực

Mục đích

Tạo mối quan hệ giữa các cá nhân, cơ quan tổ chức cung cấp dịch vụ CTXH

Tăng cường nguồn lực: khai thác tiềm năng, phát huy những nguồn lực từ nhiều cơ quan đối tác để đối phó với những thiếu hụt về tài chính và kỹ thuật trong quá trình giải quyết vấn đề của thân chủ (trẻ em).

Tránh sự chồng chéo, chống lãng phí: Trong quá trình triển khai và duy trì mạng lưới, các thông tin về các chương trình hỗ trợ, các hoạt động đã được thực hiện sẽ được thông tin cho tất cả các thành viên của mạng lưới cũng như các tổ chức đơn vị khác, như vậy sẽ tránh việc lặp lại các dịch vụ hay các hoạt động hỗ trợ, tránh sự lãng phí.

Tăng cơ hội lựa chọn trong lập kế hoạch. Khi có thêm nguồn lực về con người và kinh phí tài chính, nhiều giải pháp sẽ được tính tới, việc quyết định giải pháp tốt nhất không lệ thuộc vào vấn đề tài chính mà dựa vào tính hiệu quả của nó.

Thiết lập mạng lưới liên kết: gồm cá nhân, cơ quan tổ chức cung cấp các dịch vụ xã hội; các cơ sở bảo trợ xã hội; các trung tâm tham vấn, tư vấn; các chương trình dự án; các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước; các tổ chức xã hội chính thức và không chính thức, ...

Tăng cường nguồn lực, tránh sự chồng chéo, tránh sự lãng phí, tăng cơ hội lựa chọn trong lập kế hoạch...

3.1. Điều phối nguồn lực

Mục đích

Điều phối nguồn lực là một trong nhiệm vụ trọng tâm của cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH. Vì mục tiêu là làm thế nào giúp thân chủ (trẻ em) tiếp cận được các nguồn lực trong cộng đồng có hiệu quả, điều này phụ thuộc nhiều vào khả năng điều tiết các nguồn lực của cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH. Do đó mục đích của điều phối nguồn lực: tạo cơ hội cho thân chủ tiếp cận được các nguồn lực, tránh sự chông chéo, sự lãng phí.

Để đạt được mục đích đề ra cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH cần lưu ý một số điều sau đây: trước hết cần đánh giá phân tích nguồn lực của thân chủ (trẻ em), gia đình và nguồn lực bên ngoài: nguồn lực từ các cơ quan tổ chức trong cộng đồng.

4. Kỹ năng lưu trữ thông tin, hồ sơ của thân chủ

Mục đích

Lập hồ sơ thân chủ (trẻ em) phục vụ cho hoạt động theo dõi giám sát kết quả trợ giúp.

Hồ sơ phục vụ cho những mục đích liên quan tới pháp lý.

Hồ sơ phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của các nhà chuyên môn để đưa ra những hướng trợ giúp tối ưu.

Văn bản căn cứ để đánh giá chất lượng dịch vụ trợ giúp và hiệu quả của quá trình hỗ trợ

Giúp chẩn đoán, lập kế hoạch hỗ trợ và can thiệp

Dùng để tham khảo tiến độ của trường hợp và những quyết định trước đó giúp tổ chức sắp xếp dịch vụ hỗ trợ

Phục vụ cho những mục đích liên quan tới vấn đề pháp lý

Tránh lặp lại công việc và làm cơ sở cho trị liệu can thiệp mới dựa vào kinh nghiệm trước đó

Ý nghĩa

Lưu trữ thông tin, hồ sơ là một khía cạnh quan trọng trong hoạt động quản lý ca mang tính chuyên nghiệp. Hồ sơ về thân chủ (trẻ em), ca có các chức năng quan trọng sau:

Là phương tiện để lưu trữ thông tin về ca theo suốt tiến trình.

Cho phép trao đổi thông tin giữa các nhân viên với các chuyên gia, cấp trên.

Đáp ứng yêu cầu pháp lý về lưu trữ hồ sơ khi những thông tin này cần thiết cho những liên quan về pháp lý.

Là phương tiện để theo dõi tiến trình can thiệp.

Là cơ sở để nhân viên xã hội đánh giá tổng quan hoạt động trợ giúp của tổ chức. Cơ sở để giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ.

Một số nguyên tắc trong lưu trữ hồ sơ thân chủ (trẻ em)

Hồ sơ cần được lưu trữ cẩn thận trong tủ. Đảm bảo tính bảo mật, có ghi mã số, để trong tủ có khoá, chỉ người có chức năng mới được quyền xem hồ sơ của thân chủ (trẻ em) (người kiểm huấn, cơ quan pháp lý...)

Cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH có thể thu thập được rất nhiều thông tin về sự xâm hại và tình hình chăm sóc thân chủ (trẻ em). Có hai “quy tắc” quan trọng khi ghi chép các thông tin thu thập được.

Sắp xếp thông tin thu thập được theo các nội dung như:

Thông tin về thân chủ (trẻ em),

Thông tin về cha, mẹ/người chăm sóc thân chủ (trẻ em), Đánh dấu những thông tin quan trọng.

Thực hiện ghi chép theo mẫu chuẩn là tốt nhất.

Một số phương thức lưu trữ thông tin

Ghi chép/ phúc trình

Ghi chép là việc cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH ghi lại những thông tin trong quá trình trao đổi với thân chủ (trẻ em), trong các cuộc họp, trong quá trình làm việc với các cơ quan chức năng.

Việc ghi chép trong quá trình làm việc với thân chủ (trẻ em) cần lưu ý một số điều sau đây:

Ghi những gì cần thiết như phiếu đánh giá, phiếu tiếp nhận.

Trong khi trao đổi nên hạn chế ghi chép bởi sẽ làm cho thân chủ (trẻ em) cảm thấy bối rối và cán bộ, giáo viên phụ trách CTXH khi ghi chép cũng sẽ bị không thể chú tâm hoàn toàn tới thân chủ (trẻ em) được.

Đôi khi sử dụng ghi chép như một kỹ thuật làm cho thân chủ (trẻ em) thấy mình được chú ý như ghi lại điện thoại, tên, địa chỉ (nếu thân chủ đồng ý).

Nên nhớ lại và ghi lại ngay sau buổi vấn đàm hay tham vấn thân chủ sẽ tốt hơn.

Ghi băng và ghi hình

Ghi băng và ghi hình có thuận lợi hơn so với ghi chép như lưu lại toàn bộ thông tin về thân chủ (trẻ em) cả thông tin ngôn ngữ và phi ngôn ngữ. Mục tiêu của sử dụng băng hay hình là để phản ánh lại chính xác những điều thân chủ (trẻ em) chia sẻ và cảm nhận. Nó có thể được sử dụng như công cụ cho đào tạo, giảng dạy.

Tuy nhiên nó cũng có nhiều hạn chế nên việc sử dụng cũng cần nhận thức.

- Thứ nhất đó là cần phải có sự đồng ý của thân chủ (trẻ em). nếu họ không đồng ý thì không được sử dụng.
- Thứ hai cách thức này cũng khá tốn kém.

- Mặt khác khi thân chủ (trẻ em) biết là có thu bằng hình ngay cả khi họ đồng ý họ cũng e ngại chia sẻ một cách toàn bộ.

Lưu các văn bản liên quan tới thân chủ (trẻ em)

Các văn bản khác liên quan tới thân chủ (trẻ em) như các giấy tờ về tình hình sức khỏe, các giấy chứng nhận về giáo dục, tình trạng kinh tế, văn bằng giấy tờ của thân chủ (trẻ em), các giấy giới thiệu khi chuyển giao, giấy tờ liên quan tới pháp lý như toà án (nếu có).

Những văn bản này đều cần được sắp xếp lưu trữ cẩn thận và phân loại theo chủ đề hay theo thời gian. Những văn bản này có thể được lưu giữ dưới hình thức giấy hay thông tin điện tử là tùy thuộc yêu cầu và trình độ thông tin mỗi địa phương, nước.

Hồ sơ thân chủ

Tất cả những thông tin trên đều được tập hợp và lưu lại để tạo nên hồ sơ của thân chủ (trẻ em). Các thông tin quan trọng nhất đều được tổng hợp và tạo nên một hồ sơ của thân chủ (trẻ em).

Hồ sơ thân chủ (trẻ em) có thể bao gồm:

- Giấy tiếp nhận khi mới đến, giấy giới thiệu chuyển giao
- Giấy đánh giá thực trạng thân chủ (trẻ em) hoàn cảnh gia đình, tiến trình can thiệp đã có (nếu đã có).
- Các phiếu đánh giá sự thay đổi, đánh giá nhu cầu, mức độ tổn thương, kế hoạch trợ giúp.
- Các giấy tờ khác có liên quan (ví dụ: giấy khám bệnh). Tất cả những giấy tờ này đều quan trọng.